

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ QUẬN 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LỊCH SỬ TIỂU ĐOÀN 4

1965 - 1975



NHA XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LỊCH SỬ TIỂU ĐOÀN 4 (1965 - 1975)

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng Biên tập

ĐINH THỊ THANH THỦY

Chịu trách nhiệm bản thảo

HOÀNG THỊ HƯỜNG

Biên tập : **HOÀNG THỊ HƯỜNG**

Sửa bản in : **HOÀNG HÀ**

Trình bày : **MỘNG LÀNH**

Bìa : **NGUYỄN UYÊN**

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 38 225 340 - 38 296 764 - 38 247 225 - Fax: 84.8.38222726

Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Sách online: www.nxbhcm.com.vn / Ebook: www.sachweb.vn

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh ♦ ĐT: 38 256 804

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2

86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh ♦ ĐT: 39 433 868

In số lượng 400 cuốn. Khổ 14 x 20,5 cm.

Tại: Xí nghiệp in FAHASA - 774 Trường Chinh, P.15, Q. Tân Bình, TP. HCM

XNĐKXB số: 2341-2016/CXBIPH/01-161/THTPHCM cấp ngày 19/7/2016

QĐXB số: 1242/QĐ-THTPHCM-2016 ngày 29/9/2016

ISBN: 978 - 604 - 58 - 5497 - 6

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2016.

LỊCH SỬ
TIỂU ĐOÀN 4
(1965 - 1975)

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ QUẬN 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**LỊCH SỬ
TIỂU ĐOÀN 4
(1965 - 1975)**



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ISBN: 978-604-58-5497-6





CÁC PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ

5 Danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân

- Tiểu đoàn 4
- Đồng chí Trương Văn Hải
- Đồng chí Đặng Tấn Tài
- Đồng chí Trần Văn Cường (Út Hòa)
- Đồng chí Bùi Văn Mới

21 Huân chương Chiến công hạng Nhì và hạng Ba

1 Danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn miền Nam năm 1967

- Đồng chí Phạm Ngọc Hà

24 Dũng sĩ diệt Mỹ

LỜI NÓI ĐẦU

Cuối năm 1964 chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ đứng trước nguy cơ thất bại hoàn toàn, nhận thấy tình hình chiến trường miền Nam phát triển theo chiều hướng có lợi cho cách mạng, Trung ương Cục miền Nam nhận định: “khả năng địch sẽ thay đổi chiến lược, trực tiếp can thiệp quân sự vào miền Nam”. Trên cơ sở nhận định trên, Trung ương Cục miền Nam “Chuẩn bị thời cơ, thực hiện tổng công kích - tổng khởi nghĩa giành thắng lợi quyết định... kế hoạch đó là “Kế hoạch X”.

Theo yêu cầu của “Kế hoạch X”, địa bàn Sài Gòn - Gia Định được chia thành 5 phân khu: “Phân khu Củ Chi, phân khu Gò Môn, phân khu Bình Tân, phân khu Thủ Dĩ (Thủ Đức và Dĩ An) và phân khu Nhà Bè”; mỗi phân khu đều có một phần đất ở

nông thôn và một phần đất đô thị. Từ tháng 1 đến tháng 7 năm 1965, tại Trung tâm huấn luyện bí mật ở Lò Gò (Tây Ninh), các lớp huấn luyện được bổ sung thêm tân binh và lực lượng cán bộ tập kết về thành lập 5 tiểu đoàn mũi nhọn ở năm cánh xung quanh Sài Gòn, cụ thể: Tiểu đoàn 2, Tiểu đoàn 3, Tiểu đoàn 4, Tiểu đoàn 5, Tiểu đoàn 6 và Tiểu đoàn 7 (hoạt động ở Củ Chi đã có từ trước). Sau khi được huấn luyện, các tiểu đoàn mũi nhọn lần lượt được đưa về chiến trường ven đô, phối hợp với lực lượng du kích địa phương, tạo thành 5 cánh bao vây thành phố Sài Gòn, sẵn sàng đánh vào trung tâm đầu não của địch khi có thời cơ và mệnh lệnh chiến đấu. Tiểu đoàn 4 được đưa về đứng chân và hoạt động tại vùng bưng Nam Thủ Đức (nay là Quận 9 và Quận 2).

Trải qua 10 năm xây dựng và bám trụ chiến đấu trên chiến trường ven đô Nam Thủ Đức, ngay cửa ngõ đông bắc Sài Gòn với địa hình sông nước đầy sinh lợi trong tình thế bất lợi về mọi mặt, dưới sự chỉ huy, chỉ đạo của Quân khu ủy, sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy Nam Thủ Đức và sự che chở, đùm bọc của nhân dân, toàn thể cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 4 luôn thể hiện ý chí quyết tâm cao, sự kiên trung và lòng dũng cảm, khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, sẵn sàng hy sinh, kiên cường bám

trụ, chiến đấu và chiến thắng, góp phần cùng với quân và dân địa phương, thành phố và cả nước từng bước đập tan những âm mưu thâm độc, các chiến lược chiến tranh của Mỹ - ngụy, giành thắng lợi cuối cùng - giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Ghi lại lịch sử của Tiểu đoàn 4 anh hùng là để lưu giữ lại tư liệu, hình ảnh, tri ân sâu sắc đối với sự hy sinh to lớn, tôn vinh công lao đóng góp của các thế hệ cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 4 Thủ Đức trong suốt 10 năm bám trụ, hoạt động và chiến đấu trên địa bàn Nam Thủ Đức, làm tài liệu giáo dục lịch sử truyền thống cho thế hệ trẻ; và quan trọng hơn, để qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ Quận 9, sau một thời gian tiến hành sưu tầm, xác minh tư liệu, phỏng vấn nhân chứng và biên soạn, được sự góp ý nhiệt tình, trách nhiệm của các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí nguyên là cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 4 - những người trực tiếp tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu, các nhân chứng lịch sử, đến nay cuốn *Lịch sử Tiểu đoàn 4 (1965 - 1975)* đã được biên soạn xong. Cuốn sách ra đời là sự cố gắng lớn của Đảng bộ Quận 9 và tập

thể những người biên soạn cùng các nhân chứng lịch sử.

Thay mặt Ban Chấp hành Đảng bộ Quận, chúng tôi xin chân thành cảm ơn Phòng Nghiên cứu Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Thành ủy, Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ, Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Chỉ huy Quân sự Quận 9, các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí nguyên là cán bộ lãnh đạo, chiến sĩ Tiểu đoàn 4 đã tạo mọi điều kiện và có những đóng góp tư liệu, hình ảnh thiết thực, quý báu để cuốn sách được hoàn thành và đến tay độc giả.

Mặc dù Ban Chấp hành Đảng bộ Quận, Ban Tuyên giáo Quận ủy đã nỗ lực, cố gắng tổ chức biên soạn, song chắc chắn khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự đóng góp ý kiến của các đồng chí cán bộ, đảng viên và Nhân dân để cuốn sách được hoàn chỉnh hơn cho lần tái bản sau.

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
QUẬN 9**

Mở đầu

CHIẾN TRƯỜNG NAM THỦ ĐỨC VÀ TÌNH HÌNH ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG TRƯỚC KHI TIỂU ĐOÀN 4 RA ĐỜI

I. ĐẶC ĐIỂM CHIẾN TRƯỜNG CỬA NGÕ ĐÔNG BẮC SÀI GÒN

Từ tháng 6-1962, huyện Thủ Đức được Khu ủy Sài Gòn - Gia Định quyết định chia tách thành Bắc Thủ Đức và Nam Thủ Đức (Nam Thủ Đức gồm Quận 9 và Quận 2) lấy Xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa làm ranh giới. Đảng bộ Nam Thủ Đức do đồng

chí Phạm Văn Thanh (Hai Thanh) làm Bí thư, cơ quan Huyện ủy đóng ở xã Tam An (Long Thành) chuyển về xã Long Phước (Thủ Đức).

Chiến trường Nam Thủ Đức nằm ngay cửa ngõ phía đông Sài Gòn - Gia Định, gồm 10 xã: Long Bình, Long Phước, Long Trường, Phú Hữu, Bình Trưng, Thạnh Mỹ Lợi, An Phú, Phước Long, Tăng Nhơn Phú và Long Thạnh Mỹ. Địa hình được chia thành hai vùng: vùng gò là vùng đông dân cư có trường học và chợ...; vùng bưng là vùng sông nước, sinh lầy, với nhiều sông, rạch dọc ngang và là vùng ít dân cư⁽¹⁾. Cư dân chủ yếu là người Kinh, có truyền thống yêu nước, đấu tranh quật cường và luôn tin tưởng vào đường lối cách mạng của Đảng.

1 Vùng bưng là phần diện tích đất thấp trũng ngập nước (gọi là bưng) có hệ thống sông rạch chằng chịt, thực vật mọc cạnh sông rạch chủ yếu là cây dừa nước, dừa trái, cỏ lười mác, ô rô, cóc kèn... thuộc các xã Long Phước, Long Trường, Long Thạnh Mỹ, Phú Hữu, Phước Long, Tăng Nhơn Phú, Thạnh Mỹ Lợi, Bình Trưng, An Phú. Đây là vùng đất ven thành phố Sài Gòn, có vị trí chiến lược về quân sự hết sức quan trọng. Tại vùng bưng, quân và dân huyện Thủ Đức dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, đã xây dựng căn cứ địa cách mạng của huyện nối liền với hệ thống căn cứ địa của các huyện vùng ven xung quanh thành phố Sài Gòn và từ các căn cứ địa này lực lượng của ta có thể bất ngờ tiến công vào trung tâm đầu não của địch khi có lệnh và thời cơ đến để tiêu diệt chúng. Vùng bưng trước kia nay thuộc địa bàn Quận 9 và Quận 2 với các phường: Tăng Nhơn Phú A, Tăng Nhơn Phú B, Tân Phú, Phú Hữu, Long Trường, Trường Thạnh, Long Phước, Phước Long A, Phước Long B, Long Thạnh Mỹ (Quận 9), Bình Trưng Đông, Bình Trưng Tây, Thạnh Mỹ Lợi, Cát Lái, An Phú (Quận 2).

Nhận thấy rõ cuộc kháng chiến chống Mỹ sẽ gay go ác liệt, gian khổ và lâu dài, nhưng nhân dân luôn tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng; sẵn sàng chịu đựng mọi gian khổ hi sinh vì độc lập và thống nhất đất nước.

Nam Thủ Đức có địa hình trống trải của một vùng bưng sinh lầy lau lách, không có rừng rậm che phủ, bị chia cắt bởi chi chít sông, rạch lớn nhỏ. Sườn phía Đông luôn bị tàu thuyền của quân đội chính quyền Sài Gòn uy hiếp trên hai hướng sông Đồng Nai, sông Tắc và sông Sài Gòn. Về tổ chức của ta, vùng bưng Nam Thủ Đức đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng bộ huyện Thủ Đức, nhưng cùng một lúc lại phải đối phó với ba mũi can quét, đánh phá của giặc từ tiểu khu Gia Định, tiểu khu Biên Hòa và biệt khu Thủ Đô vì kẻ địch biết rất rõ vị trí chiến lược về mặt quân sự của địa bàn vùng bưng Nam Thủ Đức và chúng không thể chấp nhận sự tồn tại của một căn cứ địa cách mạng sát nách thành phố Sài Gòn - cơ quan đầu não cuối cùng của chúng. Chúng tuyên bố: Chiến khu Đ cách Sài Gòn 60 km; Củ Chi cách Sài Gòn 36km; Bưng Sáu Xã chỉ cách Sài Gòn 5km (qua con sông Sài Gòn), là những trọng điểm phải đánh phá. Những nơi này còn thì Sài Gòn mất, đặc biệt là vùng Bưng Sáu Xã.

II. SỰ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG VŨ TRANG CỦA ĐỊA PHƯƠNG CUỐI NĂM 1964

Từ sau phong trào Đồng khởi năm 1960, phong trào cách mạng của nhân dân miền Nam có bước phát triển mạnh mẽ. Phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng ngày càng lên cao; đồng thời lực lượng vũ trang đã trưởng thành và có những trận đánh lớn giáng những đòn chí tử vào quân đội và chính quyền Sài Gòn. Những chiến thắng lớn của quân dân ta ở Bình Giã, Ba Gia, Đồng Xoài cùng với cao trào phá ấp chiến lược trên toàn miền Nam đã làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ - ngụy. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ - ngụy được tiến hành ở miền Nam từ năm 1961 với ba trụ cột là cố vấn Mỹ, ấp chiến lược và ngụy quân đã không đàn áp được phong trào cách mạng miền Nam, trái lại ngày càng làm cho chúng lún sâu vào vũng bùn mà chưa có lối thoát. Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ McNamara từ miền Nam Việt Nam về đã báo cáo trước Nhà Trắng và Quốc hội Mỹ rằng “quân lực Việt Nam Cộng hòa đã không còn đủ sức chiến đấu, chế độ Sài Gòn đã thất bại”. Chính quyền tay sai do Mỹ dựng lên lâm vào cảnh đấu đá nội bộ, chỉ trong vòng 17 tháng (từ

tháng 11-1963 đến tháng 6-1965) đã có 14 lần đảo chính và phản đảo chính.

Trên địa bàn thành phố Sài Gòn - Gia Định, phong trào đấu tranh mạnh mẽ của các tầng lớp nhân dân, trí thức, sinh viên phản đối chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm làm cho tình hình đô thị thêm rối loạn. Về phía các lực lượng vũ trang nổi bật là hoạt động của các đội biệt động thành phố, với lối đánh táo bạo, bất ngờ các chiến sĩ biệt động thành đã tổ chức nhiều trận đánh lớn vào ngay các cơ quan đầu não của Mỹ - ngụy như: trận đánh vào khách sạn Caravel, đánh chìm tàu chiến hạm Mỹ ở cảng Sài Gòn, nổ cư xá Brink, trận đánh tòa Đại sứ Mỹ, khách sạn Metropol, Tổng Nha cảnh sát, nhà hàng Mỹ Cảnh, khách sạn Victoria... Chúng bàng hoàng kinh sợ trước tổn thất nặng nề của Mỹ ở ngay giữa Sài Gòn, làm cho Mỹ khiếp đảm. Cùng với thắng lợi ở nội đô, cuối năm 1964, Bộ Chỉ huy miền quyết định mở chiến dịch Bình Giã và giành thắng lợi đã đánh dấu bước trưởng thành “nhảy vọt” của lực lượng vũ trang miền Nam; đồng thời tác động đến toàn bộ cuộc chiến tranh ở miền Nam. Tổng Bí thư Lê Duẩn đã nhận xét: “Với trận Ấp Bắc năm 1963, địch thấy khó thắng ta, sau chiến dịch Bình Giã,

địch thấy thua ta”. Rõ ràng, chiến dịch Bình Giã “là cái mốc lịch sử làm chuyển biến cục diện của cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ sau cái mốc lịch sử Đồng Khởi”. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã khẳng định: “Chiến thắng Bình Giã đánh dấu sự thất bại về căn bản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

Chương Một

TIỂU ĐOÀN 4 RA ĐỜI, LÀM NÒNG CỐT TRONG PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CHỐNG LẠI CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH CỤC BỘ” TẠI ĐỊA PHƯƠNG (1965 - 1968)

- I. TIỂU ĐOÀN 4 THÀNH LẬP, CHIẾN ĐẤU
TRONG THỜI KỲ ĐẦU CHỐNG CHIẾN LƯỢC
“CHIẾN TRANH CỤC BỘ” CỦA MỸ - NGỤY
(1965 - 1967)**

1. “Kế hoạch X” và sự ra đời của Tiểu đoàn 4

Cuối năm 1964, nhận thấy tình hình chiến trường miền Nam phát triển theo chiều hướng có lợi cho cách mạng; chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ - ngụy đang trên đà phá sản; Trung ương Cục miền Nam nhận định “khả năng địch sẽ thay đổi chiến lược, trực tiếp can thiệp quân sự vào miền Nam”⁽¹⁾. Trên cơ sở nhận định trên, Trung ương Cục miền Nam “Chuẩn bị thời cơ, thực hiện tổng công kích - tổng khởi nghĩa giành thắng lợi quyết định... kế hoạch đó là “Kế hoạch X”. Địa bàn trung tâm của kế hoạch là Sài Gòn - Gia Định, phương pháp là tiến công quân sự kết hợp quần chúng nổi dậy lật đổ chính quyền tay sai Mỹ, thực hiện mục tiêu cuối cùng là giải phóng miền Nam”⁽²⁾.

Tháng 4-1965, tại Suối Dây (Tây Ninh), Hội nghị cán bộ Khu ủy do hai đồng chí Nguyễn Chí Thanh - Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách Trung ương Cục và đồng chí Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc, Út) - Bí thư Trung ương Cục chủ trì, nhận định tình hình tại

1 Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Quân sự Thành phố Hồ Chí Minh, *Lịch sử lực lượng vũ trang Thành phố Hồ Chí Minh (1945 - 1995)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1998, tr. 242.

2 Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Quân sự Thành phố Hồ Chí Minh, *Lịch sử lực lượng vũ trang Thành phố Hồ Chí Minh (1945 - 1995)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1998, tr. 242 - 243.

chỗ và quyết định các phương án Kế hoạch X, tăng cường công tác tổ chức chỉ đạo. Trung ương Cục quyết định tăng số cấp ủy viên khu Sài Gòn - Gia Định từ 13 lên 31 đồng chí, đồng chí Nguyễn Văn Linh kiêm Bí thư Khu ủy. Trong số các đồng chí mới được bổ sung vào Khu ủy khu Sài Gòn - Gia Định có các đồng chí: Trần Bạch Đằng, Trần Đình Xu, Lê Tử Thành... Hội nghị chủ trương “Tiếp tục tạo thế tạo lực, đẩy mạnh tiến công trên các mặt trận, các địa bàn, làm phá sản kế hoạch “bình định” có trọng điểm, góp phần cùng toàn miền dồn địch đến thất bại trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, đồng thời chuẩn bị cho một bước nhảy vọt theo “Kế hoạch X” khi có thời cơ”.

Theo yêu cầu của “Kế hoạch X”, địa bàn Sài Gòn - Gia Định được chia thành 5 phân khu. Mỗi phân khu đều có một phần đất ở nông thôn và một phần đất đô thị: “Phân khu Củ Chi, phân khu Gò Môn, phân khu Bình Tân, phân khu Thủ Dĩ (Thủ Đức và Dĩ An) và phân khu Nhà Bè”⁽¹⁾. Các Khu ủy viên được cử làm Bí thư các phân khu; thành lập Ban Cán sự nội thành do đồng chí Trần Bạch Đằng làm Bí thư để phụ trách các ban ngành, đoàn

1 Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, *Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (1930 - 1975)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 676.

thể. Tổ chức các ban ngành, đoàn thể gọi là cánh. Mỗi cánh được phân công phụ trách một địa bàn cụ thể. Cánh Thủ Dĩ phụ trách các vùng thuộc Thủ Đức, Dĩ An đến Hàng Xanh, Thị Nghè, Thủ Thiêm và một phần Quận 1.

Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Miền, Quân khu Sài Gòn - Gia Định nhanh chóng xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang, hình thành các tiểu đoàn mũi nhọn ở năm cánh xung quanh Sài Gòn. Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu Sài Gòn - Gia Định chỉ đạo cho các huyện ngoại thành tuyển chọn những thanh niên yêu nước trong đô thị, tình nguyện gia nhập quân giải phóng và lấy một số cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương, du kích ven đô và nội thành làm nòng cốt; hành quân lên trung tâm huấn luyện bí mật ở Lò Gò, Tân Biên (Tây Ninh) giao cho Ban Chỉ huy Đoàn 165A, tổ chức huấn luyện theo chương trình của Bộ Chỉ huy Miền quy định. Thời gian huấn luyện từ tháng 4 đến tháng 6-1965. Số thanh niên được huấn luyện đã kịp thời bổ sung cho các đại đội bộ đội địa phương các huyện, cấp tốc hình thành 5 tiểu đoàn mũi nhọn đứng chân ở 5 hướng ven đô, sẵn sàng đánh thọc vào thành phố khi có thời cơ. Từ tháng 1 đến tháng 7-1965, tại Trung tâm huấn luyện bí mật ở Lò Gò

(Tây Ninh), các lớp huấn luyện được bổ sung thêm tân binh và lực lượng cán bộ tập kết về để thành lập các tiểu đoàn, cụ thể: Tiểu đoàn 2, Tiểu đoàn 3, Tiểu đoàn 4, Tiểu đoàn 5, Tiểu đoàn 6 và Tiểu đoàn 7 (hoạt động ở Củ Chi đã có từ trước).

Để chuẩn bị cho “Kế hoạch X”, Quân khu Sài Gòn - Gia Định đã hết sức nỗ lực. Chỉ trong khoảng nửa năm, Quân khu đã xây dựng được 8 tiểu đoàn trực thuộc khu, quân địa phương gồm 9.000 người (tương đương với lực lượng vũ trang toàn Quân khu miền Đông - Quân khu 7), hình thành thế bố trí ba vùng đô thị:

- Lực lượng hoạt động nội đô: Bao gồm lực lượng biệt động trực thuộc Khu, đã thống nhất tổ chức, mật danh là Đoàn F100 (gồm 9 đội, mỗi đội nhắm vào một mục tiêu quan trọng của địch), chỉ huy trưởng là đồng chí Nguyễn Đức Hùng, chính trị viên là đồng chí Nguyễn Văn Ninh. Bên cạnh Đoàn F100 là biệt động của các ban ngành, đoàn thể nội thành.

- Vùng ven đô: Các tiểu đoàn mũi nhọn đã qua huấn luyện đặc biệt: Tiểu đoàn 2 Gò Môn, Tiểu đoàn 3 Dĩ An, Tiểu đoàn 4 Thủ Đức, Tiểu đoàn 5 Nhà Bè, Tiểu đoàn 6 Bình Tân. Trung ương còn tăng cường một đại đội đặc công (gồm Trung đội

1 chuyên đánh kho tàng, Trung đội 2 hướng mục tiêu sân bay Tân Sơn Nhất, Trung đội 3 đặc công nước).

- Vùng nông thôn ngoại thành: Tiểu đoàn 1 Quyết Thắng, Tiểu đoàn 4 đặc công Gia Định, Tiểu đoàn 8 pháo binh, Tiểu đoàn 7 Củ Chi. Lực lượng dân quân du kích lên đến 3.000 người.

Khi mới thành lập, quân số của Tiểu đoàn 4 Thủ Đức gồm 340 cán bộ, chiến sĩ, được trang bị các loại vũ khí khá hiện đại; biên chế thành 4 đại đội, gồm: Đại đội 1, Đại đội 2, Đại đội 3 (bộ binh) và 1 Đại đội 4 (trợ chiến).

* Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 4 gồm:

- Đồng chí Hà Quang Vinh, Tiểu đoàn trưởng;
- Đồng chí Phan Duy Năng, Chính trị viên;
- Đồng chí Chính Nam Phương, Tiểu đoàn phó, Tham mưu trưởng;
- Đồng chí Nguyễn Chí Sinh, Chính trị viên phó.

* Cơ quan tiểu đoàn bộ gồm các bộ phận:

- Văn phòng.
- Tiểu ban Tham mưu: Đồng chí Lê Ngọc Điệp (Tư Điệp) phụ trách.

- Tiểu ban Chính trị: Đồng chí Hoàng Giao (Sáu Giao) phụ trách.

- Tiểu ban Hậu cần - Kỹ thuật: Đồng chí Ba Hội phụ trách, cùng với 3 đồng chí y tá, 1 đồng chí quản lý, 1 đồng chí quân khí, 1 chiến sĩ.

- Trung đội Trinh sát liên lạc: Đồng chí Nguyễn Văn Đón (Năm Đón), Trung đội trưởng; đồng chí Ngô Văn Mạo (Năm Mạo), Trung đội phó.

- * Ban Chỉ huy Đại đội 1 gồm:

- Đồng chí Ba Nghĩa, Đại đội trưởng;

- Đồng chí Võ Nết, Chính trị viên;

- Đồng chí Trương Quốc Lộc (Mười Lộ), Đại đội phó;

- Đồng chí Nguyễn Văn Tích (Năm Tích), Chính trị viên phó;

- Cơ quan Đại đội bộ có 1 đồng chí quản lý, 1 đồng chí y tá và 1 chị nuôi.

- * Ban Chỉ huy Đại đội 2 gồm:

- Đồng chí Đặng Tấn Tài (Ba Nam), Đại đội trưởng;

- Đồng chí Huỳnh Kia (Tư Kia), Chính trị viên Đại đội;

- Cơ quan Đại đội bộ có 1 đồng chí quản lý, 1 đồng chí y tá và 2 chị nuôi.

- * Ban Chỉ huy Đại đội 3 gồm:

- Đồng chí Hai Bông, Đại đội trưởng;

- Cơ quan Đại đội bộ có 1 đồng chí quản lý, 1 đồng chí y tá và 2 chị nuôi.

- * Ban Chỉ huy Đại đội 4 gồm:

- Đồng chí Mã Duy Tiệu (Hai Tiệu), Đại đội trưởng;

- Đồng chí Kiều Nguyễn, Chính trị viên;

- Đồng chí Nguyễn Thanh Hồng (Năm Hồng), Đại đội phó;

- Cơ quan Đại đội bộ có 1 đồng chí quản lý, 1 đồng chí y tá và 2 chị nuôi.

Mỗi đại đội đều được biên chế 3 trung đội. Mỗi trung đội có 30 đồng chí, được trang bị 3 súng trung liên RPD, 3 súng B40, 27 súng AK. Riêng Đại đội 4 (trợ chiến) được trang bị Đại liên, súng ĐKZ57mm, súng cối 81,2mm, 6 súng trường K74 (Bá đỏ), 15 súng AK, 6 súng trường CKC.

Sau khi được huấn luyện, các tiểu đoàn được xây dựng theo “Kế hoạch X” lần lượt được đưa về chiến trường ven đô, phối hợp với lực lượng du kích địa phương, tạo thành 5 cánh bao vây thành phố Sài

Gòn, sẵn sàng đánh vào trung tâm đầu não của địch khi có thời cơ và mệnh lệnh chiến đấu. Tiểu đoàn 4 được đưa về đứng chân và hoạt động tại vùng bưng Nam Thủ Đức⁽¹⁾.

Tuy nhiên, khi các tiểu đoàn mũi nhọn của Quân khu Sài Gòn - Gia Định về tới chiến trường thì thời cơ thực hiện “Kế hoạch X” đã trôi qua. “Kế hoạch X” chưa thực hiện được, nhưng nó đã phác họa và để lại thành quả cụ thể về tổ chức chiến trường và lực lượng hướng theo yêu cầu phục vụ tổng tiến công và nổi dậy với trọng điểm là Sài Gòn khi thời cơ đến; sự ra đời và phát triển của các đơn vị vũ trang mạnh đã tạo nên một sinh khí mới trên các chiến trường.

2. Mỹ - ngụy triển khai chiến lược “Chiến tranh cục bộ”

Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, từ tháng 3-1965, đế quốc Mỹ buộc phải chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, trong thế bị động. Với việc thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam Việt Nam, Mỹ hy vọng

1 Tiểu đoàn 2 hoạt động ở Hóc Môn và Gò Vấp, gọi tắt là Gò - Môn; Tiểu đoàn 3 hoạt động ở Dĩ An; Tiểu đoàn 4 hoạt động ở Thủ Đức; Tiểu đoàn 5 hoạt động ở Nhà Bè, Tiểu đoàn 6 hoạt động ở Bình Tân, Tiểu đoàn 7 hoạt động ở Củ Chi.

giành chiến thắng trong vòng 20 đến 30 tháng (từ giữa năm 1965 đến hết năm 1967), hoàn thành việc tiêu diệt quân chủ lực của ta, để chính quyền Sài Gòn hoàn toàn nắm trọn miền Nam Việt Nam và rút quân Mỹ về nước. “Chiến tranh cục bộ” được chia làm ba giai đoạn:

- Giai đoạn 1 (từ tháng 7-1965 đến cuối năm 1965): triển khai nhanh lực lượng quân viễn chinh Mỹ, phá kế hoạch mùa mưa của ta;

- Giai đoạn 2 (từ đầu năm 1966 đến cuối năm 1966): mở các cuộc phản công chiến lược, giành thế chủ động chiến trường, tìm diệt chủ lực của ta, bình định và kiểm soát vùng nông thôn;

- Giai đoạn 3 (từ cuối năm 1966 đến cuối năm 1967): hoàn thành việc tiêu diệt chủ lực của ta, chính quyền Sài Gòn đứng vững ở miền Nam, Mỹ rút quân về nước.

Thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, đế quốc Mỹ ồ ạt đổ quân vào miền Nam: tháng 3-1965 mới có 27.000 quân Mỹ; tháng 7-1965 lên 81.402, tháng 10-1965 là 148.300 quân và đến tháng 12-1965 lên tới 181.000 quân. Đế quốc Mỹ còn thúc ép một số nước đồng minh của Mỹ như: Hàn Quốc, Ôxtrâylia, Niu Dilân... đưa quân vào tham chiến ở miền Nam Việt Nam. Đến cuối năm

1965, trên chiến trường miền Nam Việt Nam đã có trên 750.000 quân Mỹ, quân của chính quyền Sài Gòn và quân các nước chư hầu của Mỹ. Đó là chưa kể số quân Mỹ đóng ở Thái Lan, Philíppin, đảo Guam, Okinawa... sẵn sàng phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của Mỹ. Hạm đội 7 Thái Bình Dương của Mỹ trước kia tập trung phần lớn ở Đông Bắc Á, nay chuyển sang Đông Nam Á cho gần Việt Nam. Tàu chiến, tàu hàng nối đuôi nhau chở sang Việt Nam nhiều triệu tấn vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng. Các công ty thầu tư bản Mỹ và đồng minh của Mỹ, lực lượng công binh được huy động cho việc xây dựng đường sá, sân bay, hải cảng, kho tàng ở vùng ven biển và nội địa Nam Việt Nam. Ngoài hệ thống cảng biển từ Đà Nẵng, Cam Ranh đến Vũng Tàu, chúng còn xây dựng thêm quân cảng trên sông Sài Gòn - Nhà Bè. Sân bay Tân Sơn Nhất, sân bay Biên Hòa được nâng cấp thành căn cứ không quân của Mỹ.

Để bảo vệ Sài Gòn, các lực lượng của địch ở miền Đông Nam Bộ được phân công đảm nhận những vai trò chính yếu như sau: quân đội Sài Gòn giữ vai trò bình định; quân Mỹ và đồng minh làm nhiệm vụ “tìm và diệt”. Biệt khu Thủ đô Sài Gòn được chúng đổi thành Quân khu Thủ đô trực thuộc Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn, đặt dưới sự

chỉ huy của Bộ Tư lệnh quân Mỹ. Mỹ sắp xếp lại đội ngũ tay sai trong chính quyền Sài Gòn.

3. Tiểu đoàn 4 tham gia chiến đấu chống lại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô của Mỹ - ngụy (1965 - 1967)

Triển khai chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, từ giữa đến cuối năm 1965, quân Mỹ thực hiện giai đoạn 1: triển khai quân, ngăn chặn chiều hướng bất lợi, kềm chế hoạt động của đối phương.

Trên địa bàn Thủ Đức, Mỹ - ngụy thực hiện bao vây cô lập lực lượng cách mạng ở vùng bưng để sử dụng tối đa hỏa lực bom đạn và sức cơ động nhanh của bộ binh hành quân tìm diệt lực lượng cách mạng tại đây; bịt kín các cửa ra vào của lực lượng cách mạng, cách ly lực lượng cách mạng với nhân dân nhằm cắt đứt nguồn hậu cần tiếp tế; hủy diệt, khai quang địa hình để lực lượng cách mạng không còn chỗ ẩn nấp, bám trụ. Mục tiêu hàng đầu của địch là “phân tuyến chia vùng, xoá lõm căn cứ, lõm du kích, cô lập lực lượng cách mạng”; không triệt phá được thì quyết tâm đánh bật lực lượng vũ trang ra khỏi địa bàn để chúng rảnh tay triệt phá cơ sở cách mạng ở trong dân, sớm bình định nông thôn vùng ven, tránh mối nguy cơ tiềm ẩn của mũi lao thép sắc nhọn thường xuyên kể sát nách Sài Gòn.

Lực lượng quân sự địch có mặt thường trực trên vùng Nam Thủ Đức gồm Lữ đoàn 199 Mỹ (thuộc Sư đoàn số 1 Anh cả đỏ); Tiểu đoàn 30 biệt động quân; Tiểu đoàn 2 thuộc Chiến đoàn 5 thủy quân lục chiến; 1 tiểu đoàn Biệt khu Thủ đô; 1 Liên đoàn bảo an; 1 đại đội công binh thuộc Liên đoàn bảo an; 1 lực lượng pháo binh hùng hậu với 4 trận địa pháo 105mm (Liên Trường, Lọc Nước, Tân Cảng, Cát Lái) và trận địa pháo 130mm (Long Thành).

Nhiệm vụ đặt ra cho Phân khu Thủ Dĩ: “Phá thế phân tuyến chia vùng để bao vây cô lập của giặc; trụ bám đến cùng trên chiến trường quê hương... cùng với các huyện ven đô và nội thành của khu Sài Gòn - Gia Định sẵn sàng lực lượng và tư thế tiến công vào sào huyệt cuối cùng của giặc khi có thời cơ và mệnh lệnh chiến đấu...”.

Tiểu đoàn 4 từ nhiệm vụ làm mũi nhọn để thực hiện “Kế hoạch X”, được giao nhiệm vụ mới. Trong đó, nhiệm vụ chiến lược là “kiên quyết bám trụ, đứng chân vững chắc, giữ vững thế bao vây áp sát trung tâm đầu não địch, cùng các tiểu đoàn mũi nhọn khác ở ven đô và nội thành sẵn sàng lực lượng và tư thế tiến công vào dinh lũy cuối cùng của kẻ thù khi thời cơ chiến lược đến và khi có lệnh”. Nhiệm vụ trước mắt là: “quan hệ chặt chẽ với

các xã, huyện để bố trí quân, nắm tình hình địch, tình hình nhân dân; tổ chức đánh địch mở rộng vùng giải phóng”.

Tháng 8-1965, Tiểu đoàn 4 về tới Nam Thủ Đức. Vừa về đến chiến trường, Tiểu đoàn phối hợp cùng Huyện ủy và Huyện đội Thủ Đức tổ chức lực lượng, đứng chân và hoạt động tại vị trí trọng điểm theo vùng, cụ thể:

Vùng 1: Từ phía Nam xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa đến phía Bắc đường số 33 do Đại đội 1 cùng bộ đội biệt động huyện phụ trách, tạo thế liên hoàn về trận địa gồm các địa điểm như: Cây Trâm, Bến Đáy, Gò Vĩnh, Ông Thoàn, Nhà Tô, Bụi Trúc, Một Tấn, Ruột Ngựa, Phong Phú.

Vùng 2: Từ phía Nam đường số 33 đến bờ Tây sông Tắc do Đại đội 2 và Đội đặc công nước K10 phụ trách, trấn giữ vùng địa hình có rừng cây lá che phủ gồm các địa điểm ấp Trường Lưu, Nước Đục, Trông Tre, Ông Nhiêu, Vườn Cau Tam Đa.

Vùng 3: Từ bờ Đông sông Tắc đến bờ Tây sông Đồng Nai do Đại đội 4 và du kích xã Long Phước phụ trách, gồm các địa điểm như ngọn Rạch Đào, Rạch Bàng, Rạch Giáng, Lân Ngoài, Khe Long, xã Long Phước.

Vùng 4: Từ mũi tàu phía Tây giáp huyện Long Thành là tuyến sau cùng nối đường dây liên lạc về Phân khu 4, gồm Tiểu đoàn 8 đặc công thủy, giao liên, quân y, công trường.

Sau khi bố trí đội hình và củng cố công sự, ngày 15-8-1965, trạm gác của Đại đội 1 phát hiện có tàu địch chạy vào sông Nước Đục, với ý định đi càn trong căn cứ Vùng 2. Ban Chỉ huy Tiểu đoàn nhanh chóng tổ chức lực lượng gồm 1 tổ của Đại đội 1 và 1 tổ của Đại đội 2, trang bị 2 súng B40, 4 súng AK, bố trí đội hình phục kích tại khu vực bờ sông. Khi 2 tàu Mỹ chở đầy lính chạy vào trận địa phục kích của ta, các chiến sĩ của Tiểu đoàn đã đồng loạt nổ súng, đánh bắn chìm 2 tàu Mỹ trên sông Nước Đục, tiêu diệt 2 trung đội địch, bẻ gãy cuộc càn, ta rút lui an toàn. Đây là trận đánh Mỹ đầu tiên của Tiểu đoàn 4, chỉ với lực lượng nhỏ, vũ khí trang bị là súng AK, súng B40, ta đã gây thiệt hại nặng về người và vũ khí cho địch.

Tiếp đó, đêm 20-8-1965, Đại đội 1, Đại đội 2 kết hợp với Đội biệt động Thủ Đức tập kích Tiểu đoàn 33 Biệt động quân nguy tại Phước Lai (Long Trường) loại khỏi vòng chiến đấu 1 đại đội nguy “Mũ nâu”, đánh sập đồn và cầu Bà Hương An, cầu Ông Nhiêu, bắt tù binh, thu vũ khí. Ngày 22-12-

1965, địch bung ra phản kích tại sông Nước Đục, Đại đội 1 chiến đấu, ghìm chân địch, khiến chúng “tiến thoái lưỡng nan”. 17 giờ ngày 22-12-1965, địch dùng máy bay ném bom xuống trận địa, vào ngay đội hình của chúng, làm chết và bị thương nhiều tên. Cùng lúc, Tiểu đoàn 4 phối hợp du kích địa phương, tiến hành bao vây, bức rút đồn Long Thuận, Long Phước, pháo kích đồn Phước Thiện xã Long Bình; vô hiệu hóa đồn Tam Đa; tổ chức vũ trang tuyên truyền và bám trụ nhiều ngày tại ấp chiến lược Trường Lưu phía bắc sông Nước Đục xã Long Trường. Sau đó địch dùng phi pháo hủy diệt ấp chiến lược Trường Lưu, biến nơi đây thành vùng trắng và oanh kích tự do. Kết thúc trận đánh, lực lượng Tiểu đoàn 4 bị thương vong nhiều, trong đó đồng chí Nguyễn Chí Sinh (Bảy Phú), Chính trị viên phó Tiểu đoàn; đồng chí Chính Phương Nam, Tiểu đoàn phó - Tham mưu trưởng và y tá Đào Lê Nha bị thương rất nặng phải đưa đi điều trị ở miền Bắc.

Trước tình hình đó, Quân khu Sài Gòn - Gia Định quyết định sắp xếp và bố trí lại đội hình đứng chân hoạt động của Tiểu đoàn 4, cụ thể: đồng chí Kiều Nguyễn, Chính trị viên Đại đội 4 được bổ nhiệm, điều động lên làm Chính trị viên phó Tiểu đoàn 4; đồng chí Huỳnh Kia, Chính trị viên Đại đội 2 về làm

Chính trị viên Đại đội 4; Đại đội 2 ở chiến trường chỉ còn Đại đội trưởng Nguyễn Văn Nam với biên chế 2 trung đội; công tác tham mưu do đồng chí Lê Ngọc Diệp đảm nhiệm. Ban Chỉ huy Tiểu đoàn chuyển qua Vùng 2; Đại đội 1 chuyển lên Vùng 1; Đại đội 2 chuyển về bắc lộ 33 ấp Vườn Cau xã Long Trường; Đại đội 3 ở khu lòng chảo huyện Nhơn Trạch hành quân về bố trí ở Vùng 2.

Để cổ vũ khí thế đánh Mỹ trên toàn chiến trường, ngày 20-11-1965, Bộ Chỉ huy Miền phát động phong trào thi đua giành danh hiệu “Dũng sĩ diệt Mỹ” và “Đơn vị diệt Mỹ”⁽¹⁾. Khí thế “tìm Mỹ mà đánh”, “oán nặng thù sâu, thấy Mỹ đâu diệt sạch”, phong trào giành các danh hiệu diệt Mỹ ngày càng sôi nổi, lan rộng⁽²⁾. Trên chiến trường miền Đông, hàng loạt trận đánh tiếp sau cổ vũ khí thế đánh phủ

1 Dũng sĩ diệt Mỹ các cấp do Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền đề xướng, Cục Chính trị bổ sung cụ thể và quy định trên toàn miền Nam theo tiêu chuẩn sau:

- Dũng sĩ diệt Mỹ cấp 3: diệt 2 tên Mỹ hoặc làm chết, bị thương 5 tên.
- Dũng sĩ diệt Mỹ cấp 2: diệt 6 tên Mỹ hoặc làm chết, bị thương 10 tên.
- Dũng sĩ diệt Mỹ cấp 1: diệt 9 tên Mỹ hoặc làm chết, bị thương 14 tên.
- Dũng sĩ diệt Mỹ cấp ưu tú: diệt 15 tên Mỹ hoặc làm chết, bị thương 18 tên.

Tháng 3-1966, Cục Chính trị Miền bổ sung các danh hiệu dũng sĩ, như: “Dũng sĩ diệt cơ giới”, “Dũng sĩ diệt máy bay”...

2 Quân khu 7, *Lịch sử lực lượng vũ trang Quân khu 7 (1945 - 2010)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2010, tr. 114.

đầu quân Mỹ; phong trào “tìm Mỹ mà đánh, tìm ngụy mà diệt” phát triển mạnh mẽ.

Tại địa bàn Nam Thủ Đức, đêm 25-12-1965, Đại đội 1 phối hợp với Đại đội 23 đặc công Miền đánh chiếm bãi xe thiết giáp tại trường võ khoa trù bị Thủ Đức. Theo kế hoạch, sau khi lấy được xe của địch, lực lượng tham gia trận đánh tiếp tục đánh địch giải phóng trực lộ 33, sau đó cho chạy xe về Lái Thiêu. Tuy nhiên, quá trình thực hành chiến đấu, lực lượng của ta không mở được khóa xe, nên quyết định phá hủy tại chỗ. Trận đánh kết thúc, ta tiêu diệt một số tên địch và phá hủy 15 xe thiết giáp. Sau trận đánh, cấp trên đã mở lớp lái xe thiết giáp của Mỹ cho cán bộ, chiến sĩ tiểu đoàn để phục vụ về sau.

Tháng 12-1965, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 12 ra nghị quyết về tình hình, nhiệm vụ của thời kỳ Mỹ chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. Nghị quyết xác định: “Mặc dù đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân viễn chinh, lực lượng so sánh giữa ta và địch không thay đổi lớn, phải giữ vững và phát triển thế chiến lược tiến công”⁽¹⁾. Nghị quyết cũng xác

1 Trần Hải Phụng - Lưu Phương Thanh (chủ biên), *Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định kháng chiến (1945 - 1975)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015, tr. 444.

định phương châm chiến lược của ta là “đánh lâu dài”, nhưng phần đấu tích cực “tập trung lực lượng của cả hai miền, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn”⁽¹⁾.

Chấp hành nghị quyết của Trung ương Đảng và chỉ thị của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương họp, nêu rõ sáu phương thức tác chiến, nhằm phát triển thế chủ động tiến công, giành thắng lợi quân sự ngày càng lớn, tiến lên giành thắng lợi quyết định trên chiến trường. Nội dung của sáu phương thức tác chiến là:

- Đẩy mạnh tác chiến tập trung, mở những chiến dịch vừa và lớn của bộ đội chủ lực trên những hướng quan trọng.

- Đẩy mạnh chiến tranh du kích đến trình độ cao, phối hợp tác chiến giữa quân du kích, bộ đội địa phương và bộ đội chủ lực.

- Đánh phá các cơ sở hậu phương, cơ quan đầu não của địch.

- Kết hợp hoạt động vũ trang với đấu tranh chính trị của quần chúng nhân dân ở đô thị và vùng ven.

1 Trần Hải Phụng - Lưu Phương Thanh (chủ biên), Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định kháng chiến (1945 - 1975), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015, tr. 444.

- Phát triển cách đánh giao thông.
- Phối hợp chặt chẽ đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị và binh vận.

Chuẩn bị xuân hè 1966, từ miền Bắc, chín trung đoàn bộ binh, ba trung đoàn pháo mặt đất cùng một số đơn vị binh chủng pháo binh, phòng không, công binh, thông tin với đầy đủ quân số và vũ khí, trang bị được lệnh hành quân gấp vào chiến trường. Chiến trường Nam Bộ được bổ sung Trung đoàn 141, Trung đoàn 165 (Sư đoàn 312), Trung đoàn 52 (Sư đoàn 320), Trung đoàn 16 (tức Trung đoàn 1012 được điều từ mặt trận Tây Nguyên vào), Trung đoàn 84A pháo hỏa tiễn ĐKB và bốn tiểu đoàn súng cối 120mm, súng máy 12,8mm.

Về phía địch, sau hơn nửa năm thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ”; tháng 12-1965, Westmoreland đánh giá là đã hoàn thành giai đoạn 1 và chuyển sang giai đoạn 2 “phản công chiến lược” gồm hai bước:

Phản công lần một, tháng 1-1966 đến giữa năm 1966.

Phản công lần hai, tháng 10-1966 đến giữa năm 1967.

Trong cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất (bắt đầu từ tháng 1-1966), địch xác định miền Đông Nam Bộ và Khu 5 là hai hướng chủ yếu nhằm mục đích:

“- Tiêu diệt bộ phận chủ lực đối phương, giành chủ động chiến trường, thực hành chiến lược “tìm diệt”, “diệt những sư đoàn Việt cộng” hoặc buộc những đơn vị này phải phân tán đánh du kích, “bẻ gãy xương sống Việt cộng”.

- “Bình định” có trọng điểm, đánh phá hậu cần dự trữ của đối phương, giành dân.

- Ổn định tình hình chính trị, củng cố nguy quân, nguy quyền.

- Nối liền giao thông giữa các căn cứ.

- Đánh phá miền Bắc, cô lập miền Nam”⁽¹⁾.

Trên chiến trường miền Đông Nam Bộ, địch tập trung chủ lực tinh nhuệ (chủ yếu là quân Mỹ) đánh vào vùng giải phóng bắc Củ Chi, các căn cứ Dương Minh Châu, Bời Lời, Long Nguyên, Chiến khu Đ, Xuyên Mộc, Hắc Dịch, nhằm vào các Sư đoàn 9 và 5 của ta. Từ tháng 1 đến tháng 10-1966, trên chiến

1 Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 7, *Lịch sử miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ kháng chiến (1945 - 1975)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 506.

trường miền Đông Nam Bộ, địch mở hai đợt hành quân với 13 cuộc quy mô cấp sư đoàn và lữ đoàn tăng cường (trong số 450 cuộc càn quét lớn nhỏ trên toàn miền Nam), trước hết nhằm vào các chiến khu trên vòng cung từ tây bắc xuống đông nam Sài Gòn. Trong đó, cuộc hành quân mang tên “Grimp” (Cái bẫy), đánh vào vùng bắc Củ Chi, được coi là then chốt của Mỹ trong đợt 1 phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất ở miền Đông Nam Bộ. Theo đó, ngày 8-1-1966, địch bắt đầu mở cuộc hành quân Grimp nhằm “tiêu diệt đầu não Quân khu 4 của Việt cộng” (Sài Gòn - Gia Định) và triệt hạ vùng giải phóng Củ Chi. Bộ Chỉ huy hành quân Hoa Kỳ đã lường trước sự khó khăn. Một bản báo cáo của quân đội Mỹ lúc đó xác định: “Cuộc tiến công ồ ạt lớn sẽ đánh vào trái tim bộ máy Việt cộng trong khu rừng Hồ Bò nổi tiếng ở phía tây tam giác thép đáng sợ”⁽¹⁾. Trên một vùng đất khoảng 7.000 hécta, địch đưa vào đây 12.000 lính bộ, chưa kể công binh, trợ chiến, hậu cần trong đó có 8.000 quân Lữ đoàn 2 và 3 thuộc Sư đoàn 1 bộ binh Mỹ, toàn bộ Lữ đoàn dù 173, 1 tiểu đoàn Úc và 8 tiểu đoàn ngụy. Chúng còn huy động 24 lượt máy bay B52, 300 máy bay chiến

1 Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu 7, *Lịch sử miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ kháng chiến (1945 - 1975)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 508.

đầu và máy bay lên thẳng, 100 khẩu pháo (phần lớn là pháo hạng nặng và “cực mạnh” 175), 500 súng cối, 600 xe cơ giới của hai trung đoàn thiết giáp, một trung đoàn thuộc binh chủng hóa học. Trước tình thế một chọi mười, chọi trăm, nhân dân Củ Chi trụ bám kiên cường, chiến đấu quyết liệt, chặn đứng từng mũi tiến công của địch. Ngày 19-1-1966, địch buộc phải chấm dứt cuộc hành quân. Cuộc hành quân này đã không đạt được mục tiêu ngoài “chiến công” tàn phá. Ngày 23-1-1966, Sư đoàn 1 bộ binh Mỹ rút về nam Củ Chi lập căn cứ Đồng Dù (Bắc Hà).

Cùng thời điểm Mỹ - ngụy tiến hành cuộc hành quân “Grimp”, trên địa bàn Nam Thủ Đức, địch tăng cường các hoạt động càn quét, xây dựng đồn, bót, sửa cầu, khống chế các trục giao thông của ta, thực hiện âm mưu chia cắt chiến trường. Thực hiện chủ trương của trên, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 4 phối hợp cùng lực lượng vũ trang Huyện đội và du kích địa phương tổ chức đánh sập một loạt cầu trên trục lộ 33 (cầu Gò Công, cầu Trao Trảo, cầu Bà Hương An, cầu Chùm Chụp, cầu Lấp, cầu Sụp, cầu Ông Nhiêu), giữ vững huyết mạch giao thông, đồng thời gây thiệt hại và cản ngại cho việc di chuyển hành quân của địch. Ngày 15-1-1966, địch tung hai tiểu đoàn lính Mỹ, có máy bay yểm trợ, tổ chức cuộc

càn vào khu vực căn cứ vùng Bưng Sáu Xã, Tiểu đoàn 4 phối hợp với du kích địa phương tổ chức lực lượng đánh địch, làm bị thương một máy bay F105 và loại hàng chục tên Mỹ, bẻ gãy cuộc càn của địch, giữ vững an toàn khu vực căn cứ.

Ngày 7-2-1966, Quân khu Sài Gòn - Gia Định mở Đại hội Dũng sĩ diệt Mỹ ngay trên đất Củ Chi. Đại hội tuyên dương và tặng danh hiệu “Dũng sĩ diệt Mỹ” cho các cá nhân có thành tích diệt Mỹ. Qua tham luận, báo cáo của các đại biểu, các dũng sĩ, Đại hội rút ra 10 kết luận về khả năng đánh Mỹ của chiến tranh nhân dân:

- *“Ai cũng đánh được Mỹ.*
- *Vũ khí gì cũng đánh được Mỹ.*
- *Nhiều đánh được, ít cũng đánh được, một người, một tổ đều đánh được.*
- *Ở đâu cũng đánh được Mỹ, chỉ cần tích cực bám địch, tìm địch đánh là được.*
- *Ngày đánh được, đêm cũng đánh được.*
- *Địch phản công cũng là cơ hội để diệt địch.*
- *Đánh ở phía trước, đánh ở phía sau, đánh trong hậu cứ, đánh đều khắp, làm cho địch bị động, bối rối, càng dễ đánh hơn.*

- *Đánh địch trong ấp chiến đấu và cả ngoài ấp chiến đấu.*

- *Có khả năng thắng tất cả mọi binh chủng của Mỹ như bộ binh, xe tăng, máy bay, biệt kích.*

- *Đánh bằng vũ trang, bằng chính trị và cả binh vận làm cho địch tan rã nhanh chóng*⁽¹⁾.

Mười kết luận trên trở thành nội dung cụ thể của công tác tư tưởng, công tác tổ chức và chỉ đạo chiến đấu của Đảng bộ Thành phố, góp phần rất quan trọng vào phong trào thi đua đánh Mỹ trên chiến trường miền Nam. Khí thế thi đua giết giặc ngày càng sôi nổi. Số người đạt danh hiệu “Dũng sĩ diệt Mỹ” ngày càng nhiều. Có nơi để đạt tiêu chuẩn dũng sĩ, anh chị em du kích đã vay mượn nhau số lính Mỹ diệt được để bù vào cho đủ, sau đó diệt được sẽ trả lại, nên được gọi là phong trào “vay và trả”.

Đầu tháng 4-1966, Đảng bộ Quân khu Sài Gòn - Gia Định họp và ra Nghị quyết xác định: “... Ở vùng nông thôn phải giữ vững cho kỳ được vùng giải phóng, nâng thế và làm chủ vùng tranh chấp, tiến mạnh vào vùng sâu đô thị, nối liền ba vùng với nhau, đồng thời xây dựng và phát triển, đẩy mạnh hoạt

1 Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, *Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (1930 - 1975)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 703 - 704.

động của các lực lượng vũ trang, phát triển cao trào nhân dân du kích chiến tranh ở cả ba vùng.

Cả nông thôn và đô thị đều phải tạo được bước nhảy vọt để xây dựng thực lực cả về quân sự, chính trị, tạo nên một sự chuyển biến cơ bản về so sánh lực lượng trong toàn khu, bảo đảm liên tục tiến công địch trong bất cứ tình huống nào và giành thắng lợi to lớn”⁽¹⁾.

15 giờ ngày 5-4-1966, trong lúc Đại đội 1 tổ chức học nghị quyết của Quân khu, được tin quần chúng cho biết có một đại đội cảnh sát dã chiến đến Chợ Nhỏ yểm trợ cho việc xây dựng Trường Cảnh sát quốc gia Việt Nam Cộng hòa ở xã Tăng Nhơn Phú, đồng chí Huỳnh Văn Lập (Năm Lập), Đại đội trưởng Đại đội 1 cho dừng học, đồng thời phái trình sát đi nắm tình hình địch và lệnh cho đơn vị chuẩn bị chiến đấu. Sau khi nắm rõ tình hình địch, nhận thấy địch rất chủ quan, không phòng thủ; Đại đội 1 lập kế hoạch, hiệp đồng với đội biệt động huyện tổ chức lực lượng đánh địch. Theo kế hoạch, 16 giờ ngày 5-4-1966, Đại đội 1 và đội biệt động huyện bí mật di chuyển đến mục tiêu. 18 giờ ngày 5-4-1966, Đại đội 1 và đội biệt động huyện tiếp cận địch khi

1 Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 7, *Lịch sử miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ kháng chiến (1945 - 1975)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 513.

chúng đang ăn cơm chiều, súng ống gác chum lại với nhau thành từng khóm. Ta nổ súng tấn công vô mặt, cả đại đội địch bị bất ngờ không kịp trở tay, ta tiêu diệt 45 tên, số còn lại tháo chạy. Địch huy động một tiểu đoàn cảnh sát từ xa lộ đến ứng cứu, ta tổ chức lực lượng đánh lui. Kết quả, ta diệt 45 tên địch, thu nhiều vũ khí, máy PRC25 và đánh lui một Tiểu đoàn cảnh sát dã chiến tiếp viện; làm chủ chiến trường trong 30 phút và rút lui an toàn.

Như vậy, suốt mùa khô 1965 - 1966 và đến mùa mưa 1966, cùng với lực lượng vũ trang của toàn Quân khu Sài Gòn - Gia Định, Tiểu đoàn 4 đã tích cực bám trụ địa bàn, làm nòng cốt trong phong trào đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang tại khu vực Nam Thủ Đức, giữ vững địa bàn, góp phần buộc Mỹ phải chấm dứt trước thời hạn kế hoạch phản công mùa khô lần thứ nhất⁽¹⁾.

Tính chung trên toàn miền Nam, mùa khô 1965 - 1966, quân và dân ta diệt trên 5 vạn tên địch, trong đó gần 1/4 là Mỹ, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh. Theo thống kê của Bộ Tổng tham mưu ngụy Sài Gòn: Từ tháng 10-1965 đến tháng

1 Trận Bàu Sấm (Tây Ninh) ngày 17-5-1966, ta gây thương vong cho gần 800 quân thuộc một chiến đoàn của Sư đoàn bộ binh số 1 Mỹ, đánh dấu trận kết thúc kế hoạch phản công mùa khô lần thứ nhất của Mỹ trên chiến trường Đông Nam Bộ.

6-1966, Mỹ - ngụy bị chết 51.000 tên, mất 9.400 vũ khí và bị phá hủy 300 máy bay, 38 tàu chiến. Theo thống kê của ta, chiến sĩ giải phóng đã diệt và làm bị thương 104.000 tên địch, loại khỏi vòng chiến 34 tiểu đoàn bộ binh, 4 tiểu đoàn xe cơ giới. Bắn rơi và phá hủy 1.430 máy bay, phá hỏng 600 xe tăng - thiết giáp và hơn 100 khẩu pháo các loại.

Với những thắng lợi quân sự, quân dân miền Nam đã làm phá sản kế hoạch “bình định” năm 1966 của địch. Tập trung lực lượng lớn gồm 25 vạn quân Mỹ, 40 vạn quân ngụy, 3 vạn quân “đồng minh”, gần như toàn bộ lực lượng cơ động đã tung ra chiến trường, nhưng đế quốc Mỹ không thực hiện được những mục tiêu đã đề ra cho cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất. Ngược lại, kết thúc mùa khô 1965 - 1966, âm mưu đánh nhanh và giải quyết nhanh của Mỹ về cơ bản đã thất bại, “Ta đã giữ được thế chủ động và sáng tạo ra cách đánh thích hợp... Ta đã bắt Mỹ phải đánh theo cách của ta, không cho chúng đánh theo lối đánh của chúng. Không phải ta chỉ sáng tạo trong từng trận mà đã sáng tạo ra một thể trận, một cục diện quân sự sẽ thắng địch”⁽¹⁾.

* * *

1 Nhận xét của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh. Dẫn theo: Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu 7, *Lịch sử miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ kháng chiến (1945 - 1975)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 533.

Sau cuộc phản công mùa khô lần thứ nhất thất bại, ý chí xâm lược của Mỹ đã có phần nao núng, mâu thuẫn nội bộ của chúng thêm gay gắt, sự bố trí chiến lược trên chiến trường bắt đầu bị đảo lộn. Tuy nhiên Tổng thống Mỹ Johnson vẫn tiếp tục cho tăng quân số, tăng chi phí tới mức cao nhất cho cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

Ý đồ của Mỹ trong mùa khô 1966 - 1967, “cố giành thắng lợi quân sự lớn trên chiến trường để tạo nên chiến thắng quyết định, bằng cách sử dụng một lực lượng quân sự lớn hơn, cố siết cả hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định” tập trung vào Đông Nam Bộ, đồng thời phối hợp hoạt động quân sự với chính trị và ngoại giao”. Để chuẩn bị cho cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai, Mỹ điều động Sư đoàn 1 và Sư đoàn 9 vào miền Nam Việt Nam, nâng quân số Mỹ từ 330.000 tên đầu mùa khô lên 376.000 tên vào tháng 12-1966; tất cả các lực lượng Mỹ, các nước chư hầu, ngụy và kể cả Hạm đội 7, địch có hơn 1.050.000 quân khi bắt đầu mở cuộc phản công chiến lược lần thứ hai. Về phương tiện chiến tranh, cuối năm 1965 ở miền Nam Việt Nam địch có 2.300 máy bay, 600 xe bọc thép, 600 khẩu đại bác, 50 tàu chiến; đến cuối năm 1966 tăng lên 3.500 máy bay (gấp rưỡi), 2.300 xe

bọc thép (gấp 4 lần), 1.600 khẩu đại bác (gấp gần 3 lần), 230 tàu chiến (gấp 5 lần). Mỹ còn huy động thêm một phần quân số Hạm đội 6. Ngân sách của Mỹ năm 1966 dành cho chiến tranh Việt Nam là 15 tỷ USD thì năm 1967 dự định thêm 7 tỷ, nhưng thực tế là gấp hai lần năm 1966, tức là 30 tỷ USD; riêng mùa khô 1966 - 1967, Mỹ chi đến 10 tỷ USD⁽¹⁾. Trong đợt phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai, địch triển khai mạnh cả hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định”, ưu tiên tập trung mũi nhọn vào các căn cứ miền Đông, đặc biệt là căn cứ bắc Tây Ninh. Địch cho rằng Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam đóng ở căn cứ bắc Tây Ninh, cho nên chúng tập trung lực lượng dồn vào hướng tây bắc của miền Đông Nam Bộ để quyết tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của miền Nam. Trên chiến trường miền Đông, địch mở 119 cuộc hành quân Mỹ từ 1 đến 2 lữ đoàn trở lên, 295 cuộc hành quân quân ngụy cấp tiểu đoàn trở lên, trong đó 3 cuộc hành quân then chốt là Attleboro; Cedar Falls; Junction City.

1 Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, *Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (1930 - 1975)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 718 - 719.

Trước tình thế Mỹ tiếp tục leo thang chiến tranh trên cả hai miền, ngày 17-7-1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi quân và dân cả nước: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do!”⁽¹⁾.

Đáp lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và phát huy những thắng lợi trong cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất (1965 - 1966), quân và dân miền Đông Nam Bộ đã anh dũng đánh địch, từng bước làm thất bại cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai của địch.

Trên địa bàn Nam Thủ Đức, Tiểu đoàn 4 phối hợp cùng bộ đội huyện và du kích xã liên tục tổ chức tiến công địch, gây cho địch nhiều thiệt hại, cụ thể:

Tháng 6-1966, được tin cơ sở mật báo bọn bảo an sau khi đi phục kích ban đêm, buổi sáng về thường ghé quán cà phê tại ngã ba Mỹ Thiển, thuộc xã Long Thạnh Mỹ ăn uống, có cả bọn bình định

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 108.

cũng hay ăn ở đó. 7 giờ sáng một ngày tháng 6 năm 1966, Đại đội 1 cùng lực lượng biệt động Thủ Đức và du kích Tăng Nhơn Phú cải trang bí mật đánh địch trên đường đi phục kích về; tiêu diệt toàn bộ trung đội bảo an, thu toàn bộ vũ khí, máy PRC25, phá hủy 1 xe GMC.

Tháng 7-1966, Đại đội 1 cùng đội biệt động Thủ Đức cải trang chặn xe tải chạy đến ngay cổng bãi xe kho tồn trữ của hãng thầu xây dựng RMK, tên lính gác cổng nhìn thấy nhưng không dám nổ súng vì nhìn trang phục không biết ta là lực lượng nào. Đến gần, ta bất ngờ nổ súng diệt tên lính gác, chia làm hai mũi đánh vào trung tâm bãi xe, dùng lựu đạn, thủ pháo phá hủy toàn bộ bãi xe, bắt 1 tên Mỹ đem giải về trên để khai thác tin tức.

Ngày 15-8-1966, một đại đội lính Mỹ, có trực thăng yểm trợ, dùng ca nô chở lính càn vào Vùng Bưng Sáu Xã. Đại đội 1 sử dụng một phân đội có trang bị B40 và tiểu liên, phục kích chặn đường về của chúng trên khúc sông Kinh, bắn chìm 2 ca nô, tiêu diệt 1 trung đội lính Mỹ, thu 1 súng AR15.

Ngày 10-10-1966, hai tiểu đoàn, thủy quân lục chiến ngụy theo hai gọng kìm đánh thọc sâu vào sông Nước Đục là vùng bố trí quân của Đại đội 2.

Đại đội 2 phối hợp với du kích luồn sâu đeo bám cơ động linh hoạt, chặn đánh chúng trong gần một tiếng đồng hồ. Chúng gọi máy bay đến chi viện. Các chiến sĩ ta đặt mìn ĐH10 trên ngọn cây rồi điểm hỏa cho nổ khiến bọn phi công Mỹ bị bất ngờ phải vọt lên cao, thả vùi bom bi vào đội hình lính ngự làm chết và bị thương nhiều lính thủy quân lục chiến, khiến chúng hoảng loạn bỏ chạy.

Ngày 1-11-1966, nhân Quốc khánh của chính quyền ngụy Sài Gòn, để lên dây cót tinh thần cho binh lính Mỹ - ngụy, chúng tổ chức duyệt binh để diễu võ dương oai. Năm thời cơ này, Quân khu cho điều 1 khẩu ĐKZ75mm từ Đoàn 10 Rừng Sác về vùng Bưng Sáu Xã và phân công cho Đại đội 1 Tiểu đoàn 4 nhiệm vụ bảo vệ và yểm trợ, tổ chức nhiều trận địa giả. Đúng 8 giờ sáng, khi nghe đài phát thanh truyền trực tiếp bài diễn văn của Tổng thống ngụy quyền Sài Gòn, đồng chí Nga - khẩu đội trưởng ra lệnh khai hỏa. Lần lượt 12 quả đạn ĐKZ75mm tới tấp bay về và lao xuống nổ tung trên sân lễ đài diễu binh, làm chết 1 viên tướng Mỹ, 49 sĩ quan, quan chức cao cấp ngụy quyền và nhiều binh lính khác.

Ngày 11-11-1966, Đại đội 1 phục kích đánh một đại đội lính Mỹ ở ngọn rạch Bà Lát xã Phước Long, diệt gọn Ban Chỉ huy, phá hủy máy liên lạc

vô tuyến dẫn đến việc pháo của chúng lại nã đúng vào đội hình của chúng làm chết khoảng 50 tên lính Mỹ.

Ngày 24-12-1966, các chiến sĩ Đại đội 3 hỗ trợ du kích xã Long Trường diệt bọn bình định nông thôn.

Nhân dịp lễ Noel năm 1966, Tiểu đoàn 4 làm một việc mang tính chất dân vận và binh vận có tác động lớn đến tâm lý của binh lính ngụy và nâng cao uy tín của quân đội cách mạng trước nhân dân và trước cả kẻ thù. Theo thỏa thuận, ngày 24 và 25-12-1966, cả hai bên sẽ ngừng bắn để bà con và binh lính vui Noel. Từ 6 giờ sáng ngày 24, Đại đội 1 cùng bộ đội địa phương và du kích xã Bình Trưng đã có mặt ém sẵn trong dân. Khi địch phát hiện có lực lượng của ta, chúng liền điều Tiểu đoàn 30 biệt động quân, súng lăm lăm trong tay, giăng hàng ngang tiến thẳng về phía ta với vẻ hằn học và khiêu khích. Ta phát loa yêu cầu chúng dừng lại, tránh gây đổ máu để đồng bào vui đón Noel theo như thỏa thuận của chính phủ hai bên. Bọn địch hùng hổ chửi bới và xua đuổi, song bộ đội ta vẫn bình tĩnh mềm mỏng giải thích. Khi tên chỉ huy mặt đảng đảng sát khí hăm hăm bước về phía ta, ta phát loa yêu cầu hắn dừng lại trước cột cờ, hắn quát: “Các

anh không được phép đến đây. Nếu không mau rút quân sẽ có đổ máu!”. Đồng chí Hà Quang Vinh - Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 4 hướng về phía đồng bào nói: “Hôm nay, tôn trọng thỏa thuận ngừng bắn mừng Giáng sinh của đôi bên, Quân giải phóng lên đây chung vui cùng bà con cô bác. Xin bà con yên tâm vui lễ, đừng để Giáng sinh này bị cản ngại!”. Quay qua tên chỉ huy biệt động quân, đồng chí ôn tồn: “Nếu sợ đổ máu, chúng tôi đã chẳng lên đây. Tốt nhất, chúng ta hãy tôn trọng ngày vui của đồng bào!”. Tiếng vỗ tay hoan hô tán thưởng rào rào nổi lên cùng với làn sóng bà con ùa đến vây bọc lấy các chiến sĩ của ta, nhiều người tỏ ý phản đối thái độ của tên chỉ huy biệt động khiến hắn đứng lạng một lúc rồi hăm hừ bỏ đi. Đám lính tập trung dựng súng lại một chỗ rồi lân la kéo đến ngắm nghía khẩu đại liên của ta, có người còn khẽ chào hỏi các chiến sĩ ta. Đến 9 giờ ta phát loa đề nghị hai bên có thể qua lại thăm nhau với điều kiện đi từng nhóm nhỏ 3 - 5 người, không mang vũ khí. Tốp thứ nhất và tốp thứ hai, rồi hết tốp này đến tốp khác, chấp hành đúng quy định, qua lại trao đổi thăm hỏi nhau. Binh lính địch còn xin được xem các vũ khí mới của ta, cứ vậy đến 12 giờ trưa không có xung đột nào xảy ra. Thấy yên ổn, đồng bào và cơ sở tại chỗ và các nơi

khác như Sài Gòn, Lái Thiêu, Nhơn Trạch, Long Thành, Bình Dương... cả chục ngàn người ùn ùn kéo tới thăm bộ đội ta suốt trong 2 ngày 24 và 25-12. Đồng bào mang đến tặng bộ đội ta rất nhiều quà bánh, trái cây, thuốc lá... còn bọn biệt động quân chẳng ai thèm đoái hoài nên chúng rất hèn học mà không dám làm gì. Cùng thời điểm này, từ căn cứ hải quân Cát Lái, một chiếc xe jeep chở 3 sĩ quan Mỹ có mang theo súng ngắn, chạy về hướng Sài Gòn, quân ta chặn lại giải thích rồi cho đi trước sự ngạc nhiên thú vị của 3 tên Mỹ. Một đại đội công binh ngụy đi công vụ ngang qua đội hình của ta cũng xin phép và ta đồng ý cho qua.

Tháng 1-1967, một tiểu đoàn lính Mỹ, có phi pháo yểm trợ, dùng tàu chiến và trực thăng đổ bộ càn vào khu vực Ông Cày Bà Láng thuộc vùng Bưng Sáu Xã Phước Long. Đại đội 1 Tiểu đoàn 4 triển khai đội hình sẵn sàng chờ địch tới thật gần mới nổ súng tiêu diệt những tên Mỹ đi đầu. Chúng vội tản ra tìm chỗ nấp rồi rải đạn bắn trả như mưa. Do ta có công sự nên địch không thể tấn công được, chúng lùi quân ra để hỏa lực phi pháo dội vào liên tục nhằm tiêu diệt ta. Từ phòng ngụy ta chuyển sang vận động tấn công, bám sát đội hình chúng mà đánh. B40 của ta bắn trúng vào đội hình chỉ huy của chúng, phá hỏng hệ thống thông tin liên lạc. Do

mất liên lạc nên pháo của chúng chỉ bắn vu vơ, hơn nữa quân ta và địch bám sát nhau nên chúng không thể tận dụng triệt để sức mạnh của phi pháo. Ta đeo bám, đánh đến 18 giờ thì dồn địch ra bờ sông Kinh. Một số lính Mỹ nhảy xuống sông, quăng cả vũ khí xuống nước, lội và chạy về Phước Long, sau này dân chài lưới nhặt được nhiều khẩu súng chìm dưới sông giao lại cho quân ta. Trận đánh kết thúc, ta diệt 45 tên lính Mỹ, thu 10 súng. Ngày 10-3-1967, một tiểu đoàn lính Mỹ càn vào khu vực Cây Sộp, ấp Trường Lưu thuộc xã Long Trường. Đại đội 1, Đại đội 2 và du kích xã Long Trường bám đánh, dồn địch xuống vùng đất thấp, trồng trái, diệt 60 tên, bắn cháy 3 xe M113. Ngày 18-3-1967, Tiểu đoàn 4 tổ chức tiến công bọn công binh ngụy, có lính biệt động yểm trợ, đi ủi phá địa hình tại xã Phước Long, diệt 18 tên địch, phá hủy 2 xe ủi, đại đội công binh bỏ chạy tán loạn ra xa lộ.

Trong chiến đấu, Tiểu đoàn 4 còn làm tốt công tác binh vận, biết khai thác mâu thuẫn giữa quân ngụy và quân Mỹ; biết khơi gợi tinh thần yêu nước, nghĩa đồng bào của những người lính ngụy buộc phải cầm súng chống lại nhân dân; biết đi sâu vào các gia đình binh sĩ để vận động họ tác động đến con em mình đang đi lính cộng hòa hoặc là quay

súng trở về với nhân dân, hoặc là không chịu đi càn quét, bắn giết đồng bào mình... Các chiến sĩ Đại đội 2 kết hợp chặt chẽ với du kích xã vô hiệu hóa đồn Tam Đa với trên dưới 30 dân vệ, đóng án ngữ nút giao liên của ta trên trục lộ 33, khiến cho suốt nhiều năm lính đồn phải tuân thủ quy định của du kích Long Trường: ra khỏi đồn không quá 300 thước và không mang súng; chập tối chỉ được bắn chỉ thiên cho có lệ... Lúc đầu Chuẩn úy Kính phản đối, đem M79 ra định bắn song vợ con lính trong đồn ngăn cản kéo lại không cho bắn, từ đó lính đồn cứ răm rắp làm theo quy định bất thành văn của du kích xã⁽¹⁾.

II. TIỂU ĐOÀN 4 TRONG ĐỘI HÌNH TRUNG ĐOÀN 1, THAM GIA TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY TẾT MẬU THÂN 1968

1. Đặc điểm tình hình và chủ trương của Đảng

Những thắng lợi to lớn, toàn diện mà quân và dân ta giành được trên cả hai miền Nam - Bắc đã

1 Sau này, trong đợt 1 Mậu Thân 1968, khi Xã đội trưởng Ba Nhẫn dẫn lực lượng du kích đánh bọn Mỹ đi càn ở ngã ba Trường Lưu, lúc 9 giờ sáng đã di chuyển qua khoảng trống phía sau đồn Tam Đa, lính đồn nhìn thấy rõ nhưng không bắn và cũng không ra ứng chiến cùng bọn lính Mỹ, mặc cho Mỹ chịu trận với du kích, nhiều tên bị diệt và bị thương mà lính đồn Tam Đa cũng không ra tiếp cứu.

làm thất bại một bước rất cơ bản chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ, đẩy chúng vào thế lúng túng và bị động cả về chiến lược lẫn chiến thuật. Thất bại về quân sự của Mỹ tác động nặng nề tới tình hình chính trị nước Mỹ vốn đang nóng bỏng bởi cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam, đặc biệt khi Mỹ đang tiến tới cuộc bầu cử tổng thống nhiệm kỳ mới vào năm 1968.

Về phía cách mạng miền Nam, quân và dân ta giữ vững và phát huy mạnh mẽ quyền chủ động chiến trường. Các đơn vị chủ lực quân giải phóng đã tạo được thế đứng chân vững chắc ở nhiều vùng ven đô thị. Lực lượng vũ trang tập trung được gấp rút tăng cường. Cơ sở cách mạng trong các đô thị không ngừng phát triển. Ở miền Bắc, các sư đoàn chủ lực đã sẵn sàng hành quân vào Nam. Đường vận tải chiến lược Trường Sơn được nhanh chóng mở rộng, số đơn vị vận tải cơ giới tăng lên. Thế và lực được tăng cường cho phép ta, trên cơ sở phương châm đánh lâu dài, đẩy mạnh nỗ lực chủ động đến mức cao nhất để giành thắng lợi quyết định trong một thời gian tương đối ngắn. Trong khi kiên trì tiến công địch toàn diện về quân sự, chính trị và ngoại giao, cần chuẩn bị đánh những trận quy mô

lớn, có hiệu suất cao, tạo điều kiện đẩy mạnh đấu tranh chính trị và ngoại giao⁽¹⁾.

Hội nghị tháng 6-1967 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhận định: Thắng lợi Đông - Xuân 1966 - 1967 có ý nghĩa rất quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Tình hình trong nước và quốc tế tiếp tục phát triển thuận lợi cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Trong khi đó nội bộ nước Mỹ đang phân hóa sâu sắc về cuộc chiến tranh Việt Nam. Từ nhận định trên, Hội nghị đề ra chủ trương đưa cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam lên bước phát triển mới với nội dung chủ yếu là chuyển hướng trọng tâm tiến công từ vùng rừng núi, nông thôn vào các đô thị sào huyệt đầu não của địch. Giáng cho địch đòn quyết định, giành thắng lợi to lớn, tạo nên sự chuyển biến nhảy vọt, buộc Mỹ phải thua về quân sự.

1 Từ ngày 23 đến ngày 27-1-1967, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) đã họp Hội nghị lần thứ 13 để bàn việc đẩy mạnh đấu tranh ngoại giao, chủ động tiến công địch. Hội nghị chỉ rõ: “Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta hiện nay, đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị ở miền Nam là nhân tố chủ yếu quyết định thắng lợi trên chiến trường, làm cơ sở cho thắng lợi trên mặt trận ngoại giao... Tuy nhiên, đấu tranh ngoại giao không chỉ đơn thuần phản ánh cuộc đấu tranh trên chiến trường..., đấu tranh ngoại giao giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động”. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, tập 28, tr. 74.

Tháng 7-1967, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương ra chỉ thị gấp rút triển khai mọi mặt chuẩn bị, bắt tay xây dựng các phương án, các kế hoạch tác chiến, mở các đợt hoạt động thu - đông 1967 nhằm đẩy địch lún sâu hơn nữa vào thế bị động, tạo ra thế và lực mạnh cho cách mạng miền Nam.

Tháng 8-1967, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam⁽¹⁾ họp Đại hội bất thường để thông qua Cương lĩnh chính trị, trong đó nhấn mạnh:

- Đoàn kết toàn dân chống Mỹ, cứu nước.
- Xây dựng miền Nam Việt Nam độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập và phồn vinh.
- Lập lại quan hệ bình thường giữa hai miền Nam - Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.
- Thi hành chính sách ngoại giao hòa bình và trung lập⁽²⁾.

1 Trên thực tế, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam là người đại diện chân chính duy nhất của nhân dân miền Nam Việt Nam, thực hiện chức năng và quyền lực đối nội, đối ngoại của một chính quyền có hệ thống từ cấp Miền đến cơ sở. Mặt trận có phái đoàn đại diện ở Hà Nội và cơ quan thường trú tại 13 nước. Ở một số nước, cơ quan thường trú được hưởng quy chế ngoại giao như đại sứ quán.

2 Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, *Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (1930 - 1975)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 743.

Tháng 7-1967, Quân ủy Miền phổ biến tinh thần của hội nghị Trung ương Đảng (tháng 6) đến cán bộ chủ chốt cấp quân khu, sư đoàn. Để chuẩn bị cho cuộc tiến công vào đô thị chủ yếu là Sài Gòn, Bộ Chỉ huy Miền đã giao cho các cơ quan của Miền giúp Quân khu Sài Gòn - Gia Định đẩy mạnh xây dựng các tiểu đoàn mũi nhọn sau một thời gian tạm ngưng.

Tháng 10-1967, Trung ương Cục miền Nam nhận được chỉ thị của Trung ương Đảng về tổng công kích - tổng khởi nghĩa. Chấp hành chủ trương của Trung ương Đảng, ngày 25-10-1967, Trung ương Cục ra nghị quyết về tổng công kích - tổng khởi nghĩa trên chiến trường B2, nghị quyết mang mật danh “Nghị quyết Quang Trung”.

Thực hiện Nghị quyết Quang Trung của Trung ương Cục, tháng 10-1967, khu trọng điểm được thành lập bao gồm khu Sài Gòn - Gia Định và một phần đất của các tỉnh tiếp giáp với Sài Gòn. Khu trọng điểm được chia thành 6 phân khu; mỗi phân khu có Phân khu ủy và Ban Chỉ huy Quân sự.

Phân khu 1 gồm Gò Môn, Củ Chi, Bến Cát và một phần Trảng Bàng, Dầu Tiếng (Tây Ninh). Bí thư Phân khu ủy đầu tiên là đồng chí Mai Chí Thọ.

Phân khu 2 gồm các Quận 3, 5, 6, Bình Tân và Đức Hòa, Đức Huệ (bắc Long An). Đồng chí Phan Văn Hân (Hai Sang) làm Bí thư Phân khu ủy đầu tiên. Sau đó là đồng chí Võ Trần Chí (Hai Chí).

Phân khu 3 gồm các Quận 2, 4, 7, 8, Nhà Bè và một phần nam Long An. Bí thư đầu tiên là đồng chí Nguyễn Văn Chính (Chín Cần).

Phân khu 4 gồm các Quận 1, 9, Thạnh Mỹ Tây, Thủ Đức và Long Thành, Nhơn Trạch (Biên Hòa). Đồng chí Đoàn Công Chánh (Sáu Bảo) làm Bí thư.

Phân khu 5 gồm có Phú Nhuận, Bình Hòa, Dĩ An và Tân Uyên, Phú Giáo, Lái Thiêu (Thủ Dầu Một). Bí thư đầu tiên là đồng chí Hoàng Minh Đạo (Năm Thu).

Phân khu 6 gồm các ban, ngành, đoàn thể và lực lượng vũ trang, biệt động, an ninh nội thành, không có địa bàn riêng, do đồng chí Trần Bạch Đằng làm Bí thư Ban Cán sự.

Khu vực trọng điểm đặt dưới sự lãnh đạo của một Đảng ủy gồm các đồng chí Nguyễn Văn Linh - Bí thư Trung ương Cục, các đồng chí Võ Văn Kiệt, Trần Văn Trà - Ủy viên. Đảng ủy Khu trọng điểm tổ chức ra hai Phân ban lãnh đạo hai Bộ Tư lệnh Tiền phương: Bộ Tư lệnh Tiền phương Bắc (I) gồm

các đồng chí: Trần Văn Trà, Lê Đức Anh, Mai Chí Thọ; Bộ Tư lệnh Tiền phương Nam (II) gồm các đồng chí: Võ Văn Kiệt, Trần Bạch Đằng, Trần Hải Phụng. Bộ Tư lệnh Tiền phương Bắc trực tiếp chỉ huy các mũi tiến công từ phía bắc, tây bắc, phía đông và đông bắc thành phố, gồm các Phân khu 1, 4, 5 và lực lượng chủ lực của Miền. Bộ Tư lệnh Tiền phương Nam chỉ huy các mũi phía nam, một phần tây nam, gồm các Phân khu 2, 3, 6, đồng thời lãnh đạo quần chúng nổi dậy ở nội thành. Trung ương Cục tạm thời giải thể Khu ủy và Ban Chỉ huy Quân khu Sài Gòn - Gia Định để tăng cường cho các phân khu.

Toàn bộ lực lượng vũ trang ở ngoại thành Sài Gòn - Gia Định (các tiểu đoàn mũi nhọn, đặc công, bộ đội địa phương...) đều chia về các phân khu. Công tác sắp xếp tổ chức trên đây được gấp rút tiến hành trong thời gian một tháng.

Ngày 4-11-1967, Trung ương Cục miền Nam họp hội nghị mở rộng quán triệt Nghị quyết Quang Trung và triển khai bổ sung nhiệm vụ tổng công kích, tổng khởi nghĩa. Tại hội nghị, đồng chí Phạm Hùng - Bí Thư Trung ương Cục, Bí thư Quân ủy Miền công bố nhân sự của Trung ương Cục, Quân ủy Miền Bộ Chỉ huy Miền và công bố quyết định

giải thể Quân khu Sài Gòn - Gia Định, Quân khu miền Đông, thành lập 6 phân khu. Trong đó từ Phân khu 1 đến Phân khu 5, mỗi phân khu có từ 2 đến 4 tiểu đoàn mũi nhọn, trang bị gọn nhẹ, hình thành 5 mũi tiến công vào Sài Gòn; Phân khu 6 là phân khu nội đô chỉ huy lực lượng biệt động thành, lực lượng tự vệ thành và quần chúng cách mạng tiến công các mục tiêu đầu não của địch và nổi dậy giành chính quyền.

Các nghị quyết của Hội nghị Bộ Chính trị nửa cuối năm 1967, nhất là Nghị quyết Hội nghị tháng 12-1967, được Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III), họp vào tháng 1-1968 thông qua, đều chỉ rõ: Cuộc kháng chiến của ta lúc này cần phải và có thể tạo một chuyển biến lớn giữa lúc đế quốc Mỹ đang ở thế lưỡng nan về chiến lược, giới cầm quyền Mỹ dao động trong thời điểm rất nhạy cảm của năm bầu cử tổng thống Mỹ, để chuyển cách mạng và chiến tranh cách mạng miền Nam sang một thời kỳ mới, thời kỳ giành thắng lợi quyết định; phải tạo được một bước ngoặt lớn của chiến tranh; phải tạo một bước nhảy vọt bằng chọn hướng chiến lược hiểm và dùng cách đánh mới, giáng một đòn bất ngờ thật mạnh vào ý chí xâm lược của Mỹ.

2. Tiểu đoàn 4 trong Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968

Cuối tháng 12-1967, kế hoạch Tổng công kích - tổng khởi nghĩa được Quân ủy và Trung ương Cục thông qua. Các mục tiêu trong cuộc tổng công kích - tổng khởi nghĩa tại thành phố đều được phân công. Khu trọng điểm Sài Gòn - Gia Định có nhiệm vụ đánh chiếm các mục tiêu đầu não của Mỹ - ngụy, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch; phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch; phát động quần chúng nổi dậy khởi nghĩa, giành quyền làm chủ ở các quận, huyện; tranh thủ mọi khả năng cùng với lực lượng toàn miền tiêu diệt và làm tan rã đại bộ phận quân đội Sài Gòn, đánh đổ chính quyền Sài Gòn ở các cấp, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân; tiêu diệt một bộ phận sinh lực quan trọng của quân Mỹ và chư hầu; buộc Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam; thành lập Mặt trận thứ hai⁽¹⁾ và tổ chức chính quyền cách mạng các cấp trong thành phố và Khu trọng điểm.

1 Mặt trận thứ hai có tên là Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam, gọi tắt là Mặt trận Liên minh, có cờ, có tuyên ngôn riêng. Trong đợt Tết Mậu Thân, Mặt trận Liên minh mới có Ban Vận động chứ chưa có Ủy ban Trung ương chính thức. Mặt trận Liên minh có trách nhiệm kêu gọi nhân dân thành phố nổi dậy.

Về lực lượng vũ trang, Bộ Tư lệnh Miền tổ chức thành ba khối lớn: Khối biệt động Thành; khối các tiểu đoàn thuộc các Phân khu 1, 2, 3, 4, 5 và khối chủ lực Miền, được bố trí như sau:

Phân khu 1: Tiểu đoàn 1 Quyết thắng, Tiểu đoàn 2 Gò Môn, Tiểu đoàn 4 đặc công, được tăng cường thêm Trung đoàn 16, từ hướng Hóc Môn - Gò Vấp, Tân Bình tiến đánh chiếm khu hậu cần Gò Vấp, sân bay Tân Sơn Nhất và Bộ Tổng tham mưu của địch.

Phân khu 2: Tiểu đoàn 6 Bình Tân, Tiểu đoàn 247, Tiểu đoàn 264 của Quân khu 8 cùng Tiểu đoàn 12 đặc công từ hướng tây nam Sài Gòn tiến vào các Quận 5, 7, 11, khám Chí Hòa.

Phân khu 3: Tiểu đoàn 1, Tiểu đoàn 2 của Long An, Tiểu đoàn 5 Nhà Bè và Tiểu đoàn Phú Lợi, từ hướng nam Sài Gòn tiến vào các Quận 4, 5 và 8 đánh chiếm Dinh Độc lập, Tổng Nha Cảnh sát.

Phân khu 4: hai tiểu đoàn của Bà Rịa, Biên Hòa, Trung đoàn 4 của Sư đoàn 5 từ hướng đông Sài Gòn tiến đánh Liên trường Thủ Đức, chiếm Bộ Tư lệnh Hải quân.

Phân khu 5: Tiểu đoàn 3 Dĩ An, Tiểu đoàn 4 Thủ Đức và Trung đoàn Đồng Nai từ hướng đông

bắc Sài Gòn tiến vào Bình Hòa, Thạnh Mỹ Tây, đánh chiếm Tòa Đại sứ Mỹ, Đài Phát thanh.

Các sư đoàn chủ lực số 5, 7 và 9 của Miền cùng các binh chủng trực thuộc, đứng chân ở vòng ngoài, tiến công các căn cứ có lực lượng mạnh của địch, chặn không cho chúng kéo về ứng cứu Sài Gòn.

Mệnh lệnh của Trung ương Cục và Quân ủy Miền như sau:

“Ngày hành động thống nhất là ngày “N” 31-1-1968 (tức là ngày mừng 2 Tết ở Sài Gòn)”⁽¹⁾.

“Giờ nổ súng - giờ “G” là từ 0 giờ đến 2 giờ sáng. Hiệu lệnh là 60 trái DKB bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất và cơ quan Bộ Chỉ huy MACV”.

Ngày “N” được phổ biến cho cấp quân khu và tỉnh trước 7 ngày, phổ biến cho các quận, huyện, Ban Chỉ huy các tiểu đoàn và các đội biệt động trước 48 giờ.

Cán bộ phụ trách nội thành về căn cứ Ba Thu⁽²⁾, khi nghe phổ biến lệnh của Trung ương,

1 Theo chỉ đạo của Trung ương, tổng công kích - tổng khởi nghĩa sẽ nổ ra vào giao thừa Tết Mậu Thân. Có trục trặc là ở Huế và Khu 5 tính theo lịch cũ nên đã nổ súng vào 0 giờ ngày 30-1-1968; còn Sài Gòn - Gia Định và Nam Bộ lại theo lịch mới là vào 0 giờ ngày 31-1-1968 nên địch đã có đề phòng.

2 Căn cứ Ba Thu nằm trong Đồng Tháp Mười thuộc tỉnh Long An, giáp với biên giới Campuchia.

đều rất bối rối vì trước đó anh em đã đề nghị với cấp trên cho nổ súng vào ngày mùng 5 Tết, ngày kỷ niệm chiến thắng Đống Đa (Tết Quang Trung), để các lực lượng công khai sau 3 ngày Tết có điều kiện tập hợp quần chúng ở vườn Tao Đàn nhân đó mà xuống đường nổi dậy. Tuy bất ngờ nhưng tất cả đều nghiêm túc chấp hành mệnh lệnh, lao vào chuẩn bị cho kịp giờ hành động.

Ở Sài Gòn - Gia Định, đợt 1 được phân thành hai cao điểm: cao điểm 1 từ ngày 31-1 đến 12-2-1968; cao điểm 2 từ ngày 17-2 đến 25-2-1968.

Đêm giao thừa, từ Hà Nội, Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam phát thơ chúc Tết Mậu Thân của Bác Hồ:

*“Xuân này hơn hẳn mấy Xuân qua
Thắng trận tin vui khắp nước nhà
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ
Tiến lên! toàn thắng ắt về ta!”.*

Lời thơ vang vọng núi sông, thúc giục quân dân ta vào trận. Đúng ngày N giờ G lệnh tổng tiến công được phát ra. 2 giờ sáng ngày 31-1-1968, đơn vị đánh sân bay (bộ phận phối thuộc cho Tiểu đoàn 268 Phân khu 2 ở phía tây Tân Sơn Nhất) phải chuyển sang bắn súng lệnh bằng 8 quả cối 82mm vào sân bay (tiếng súng cối không vang được xa cho nên có

nơi trong Khu trọng điểm không nghe được hiệu lệnh). Nghe tiếng pháo lệnh, các cánh quân đồng loạt tiến công vào các mục tiêu được giao.

Ở Phân khu 4, chấp hành mệnh lệnh tiến công, Tiểu đoàn 4 cùng Đại đội biệt động Thủ Đức hình thành ba mũi tiến công đánh chiếm cầu Sài Gòn. 1 giờ sáng ngày 31-1-1968, chỉ trong vòng 5 phút, Đại đội 1 cùng Đại đội biệt động đánh chiếm đầu cầu phía Đông và phát triển sang đầu cầu phía Tây, nhưng Đại đội 2 gặp trở ngại do địch chống trả điên cuồng. Cụm xe tăng - thiết giáp bắn phá dữ dội vào đội hình ta, cộng thêm pháo từ tàu ở Tân Cảng bắn lên gây thương vong nhiều cho Đại đội 2 nên Đại đội phải rời trận địa. Đại đội 1 lùi trở về đầu cầu phía Đông và trụ lại. Xe tăng Mỹ tập kích đánh sang đầu cầu phía Đông. Ta dùng hỏa lực B40, B41 bắn cháy 4 xe tăng địch, sau đó rời trận địa. Đại đội 2 nhanh chóng vượt sông Sài Gòn, dẫn bộ ghe qua khỏi khu vực cầu Kinh vượt sông Sài Gòn qua ấp Chày và trụ lại ấp 10, xã Bình Quới Tây. Ngày 4-2-1968, mũi tiến công của Đại đội 2 từ ấp 10 phát triển sang ấp 9 diệt đồn Bình Địa. Đại đội 2 được tăng cường Đội biệt động Thủ Đức với bộ phận đặc công thủy, tổ chức đánh tiêu hao nặng 1 đại đội bảo an và phục kích ở khu vực nhà thờ họ đạo, hỗ trợ Nguyễn Văn Linh (Năm Linh - đặc công

nước) đánh sập cầu Kinh. Lực lượng Đại đội 2 vừa đánh địch phản kích vừa chống địch phát quang địa hình, giữ vững trận địa. Đến tháng 4-1968, lực lượng trụ bám bàn giao trận địa lại cho đồng chí Lê Văn Võ (Hai Võ) - Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 3 thuộc Phân khu 5.

Cùng thời điểm trên, Đại đội 1, Đại đội 3, Đại đội 4, sau khi đánh chiếm đầu cầu phía đông Cầu Sài Gòn, bị địch phản kích mạnh; Đại đội 1 rút lui về phối hợp với lực lượng trên đánh chiếm hệ thống hăng dẹt Phước Long và Tăng Nhơn Phú. Trong nhiều ngày đánh địch phản kích, ta bắn cháy 4 xe tăng và diệt nhiều binh lính Mỹ; Đại đội 3 và Đại đội 4 tổ chức hai bộ phận bảo vệ và đi tải đạn từ khu vực Hưng Nghĩa, suối Cả thuộc huyện Long Thành về chiến trường Thủ Đức.

Nhìn lại toàn mặt trận, do địch đông, bố trí dày đặc và phản ứng nhanh, các chiến sĩ Tiểu đoàn 4 tuy chiến đấu dũng mãnh, nhưng không thực hiện được nhiệm vụ tiếp sức cho lực lượng biệt động để chiếm giữ các mục tiêu quan trọng. Trong chiến đấu ác liệt, lực lượng Tiểu đoàn bị tiêu hao nhiều, hầu hết các đơn vị chỉ còn một nửa quân số, có đại đội chỉ còn một phần năm, một phần mười quân số.

* * *

Tháng 3-1968, Trung ương Cục họp Hội nghị lần thứ sáu, đánh giá về kết quả đợt 1 của tổng công kích - tổng khởi nghĩa Tết Mậu Thân như sau: “Ta đã thắng lợi, tiêu diệt được nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, nhưng chưa giành được thắng lợi cao nhất theo khả năng mà Bộ Chính trị đã đề ra, vì chúng ta còn nhiều khuyết và nhược điểm”. Về quân sự, chưa thực hiện được nhiệm vụ đòn xeo của tổng công kích. Về chính trị, chưa phát động được quần chúng đứng lên khởi nghĩa vũ trang, chưa động viên được sức người, sức của cho tiến tuyến, chưa phát triển được lực lượng cách mạng trong quá trình tổng công kích - tổng khởi nghĩa⁽¹⁾.

Ngày 2-3-1968, Quân ủy Trung ương chỉ thị cho Trung ương Cục và Quân ủy Miền “Tập trung lực lượng đẩy mạnh tiến công quân sự và chính trị từ nay đến cuối thu nhằm gây cho địch những tổn thất lớn, đẩy chúng vào thế bị động hơn nữa, giành được thắng lợi quân sự, chính trị quan trọng, làm cho tình hình chuyển biến mạnh”⁽²⁾.

1 Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, *Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (1930 - 1975)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 763.

2 Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 7, *Lịch sử miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ kháng chiến (1945 - 1975)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 641 - 642.

Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị và chỉ thị của Quân ủy Trung ương, Trung ương Cục chủ trương tổng công kích - tổng khởi nghĩa đợt 2: “Tiếp tục thực hiện quyết tâm chiến lược của Trung ương bằng cách liên tục tiến công địch, phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền, duy trì và đẩy mạnh các mặt hoạt động trên địa bàn đô thị, làm chủ các đường giao thông chiến lược, giải phóng và làm chủ toàn bộ nông thôn, đồng bằng và miền núi, xây dựng hậu phương lớn mạnh, phát triển lực lượng vũ trang, chính trị, giành thắng lợi một cách khẩn trương nhanh chóng, đồng thời chủ động đối phó khi chiến tranh kéo dài và mở rộng”⁽¹⁾. Ý định tác chiến của Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền trong đợt này là: sử dụng một bộ phận chủ lực cùng các tiểu đoàn mũi nhọn tiến công địch ở các khu vực dân cư, nội đô, phối hợp với biệt động thành phát động quần chúng nổi dậy đánh đổ bộ máy ngụy quyền từ quận trở xuống, xây dựng chính quyền ta trong thành phố.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Cục, Khu ủy Sài Gòn - Gia Định họp tại Bến Lức để kiểm điểm tình hình và chuẩn bị cho đợt 2. Trong hội nghị này, đã có sự tranh luận rất căng thẳng.

1 Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 7, *Lịch sử miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ kháng chiến (1945 - 1975)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 642.

Đa số ý kiến đề nghị ta nên giữ vùng nông thôn mà không nên tổng công kích - tổng khởi nghĩa ở nội thành nữa. Nhưng cũng có ý kiến khác cho rằng vẫn phải tiếp tục thực hiện nghị quyết đã đề ra. Dù ý kiến chưa thống nhất, nhưng tất cả đều nhất trí phục tùng chủ trương của cấp trên.

Khu ủy đề ra ba yêu cầu trong đợt 2:

“- Chiếm lĩnh nhiều khu vực đông dân cư trong thành phố, xây dựng chính quyền cách mạng, tiêu diệt và làm tan rã nhiều sinh lực địch.

- Phát động cao trào chiến tranh du kích, hình thành thế liên hoàn từ trong ra ngoại thành, hỗ trợ nhau, giữ cho được thế tiến công trong mọi tình huống.

- Phát triển lực lượng chính trị, quân sự với những bước nhảy vọt, bảo đảm càng đánh càng mạnh, càng đánh lực lượng càng lớn”⁽¹⁾.

Về phía địch, từ tháng 3-1968, Mỹ buộc phải thay tướng (Abrams thay Westmoreland), thay đổi chiến lược “hai gọng kìm” lùi lại thành “quét và giữ” nhưng có hiệu quả, từng bước đẩy lực lượng cách mạng ra xa Sài Gòn. Với quân số đông, tiềm lực lớn, địch hình thành thế phòng thủ từ xa gồm ba tuyến:

1 Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, *Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (1930 - 1975)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 764.

tuyến ven (20 - 21 tiểu đoàn), tuyến trung gian (64 - 66 tiểu đoàn, gọi là “vành đai mũi nhọn”), tuyến gần biên giới (14 - 16 tiểu đoàn). Trên chiến trường miền Đông địch có 110 tiểu đoàn (59 tiểu đoàn Mỹ và “đồng minh”) thuộc 8 sư đoàn và 9 trung đoàn (chưa kể lực lượng địa phương).

Trong đó, lực lượng địch tập trung ở ven Sài Gòn lên đến 200 ngàn quân, gồm có 60 tiểu đoàn, hàng nghìn xe tăng, do một trung tướng Mỹ trực tiếp chỉ huy. Địch kết hợp cụm chốt dã chiến hỗn hợp cố định gồm bộ binh, pháo binh, xe tăng với hành quân ngăn chặn và phản kích. Từ ngày 11-3 đến 7-4-1968, địch mở cuộc hành quân “Quyết thắng”; tiếp đó ngày 8-4-1968, địch mở cuộc hành quân “Toàn thắng” (theo kế hoạch đến ngày 30-6-1968) trên toàn lãnh thổ Vùng 3 chiến thuật với lực lượng toàn Vùng 3, lực lượng tổng dự bị (11 tiểu đoàn dù, thủy quân lục chiến, biệt động quân) và 3 sư đoàn bộ binh Mỹ (Sư đoàn 1, Sư đoàn 25, Sư đoàn 9) nhằm đẩy ta ra xa các vùng dân cư, đánh phá bàn đạp, hậu cứ của ta, ngăn chặn các đợt tiến công tiếp vào Sài Gòn. Đi đôi với đánh phá ác liệt, địch tăng cường hoạt động tâm lý chiến.

Các lực lượng vũ trang ta phải chiến đấu quyết liệt để giữ bàn đạp. Trên địa bàn Nam Thủ Đức, địch huy động bộ binh, pháo bảy, trực thăng bảy thực hiện “dưới vây trên bịt kín”. Tiểu đoàn 4 buộc

phải phân tán lực lượng, bám trụ chiến đấu giữ bàn đạp. Tuy nhiên, khí thế ra trận của quân ta rất mạnh. Cán bộ, chiến sĩ đều có quyết tâm lớn, với khẩu hiệu “đợt sau cao hơn đợt trước”.

Để chuẩn bị cho đợt 2 Mậu Thân, Tiểu đoàn 4 Thủ Đức và Tiểu đoàn 2 Bà - Biên được tập hợp lại thành Trung đoàn 1 do Phân khu chỉ huy. Tiểu đoàn 4 được củng cố về lực lượng, chỉ huy Tiểu đoàn gồm:

- Đồng chí Út Mười, Tiểu đoàn trưởng;
- Đồng chí Mười Minh, Chính trị viên;
- Đồng chí Võ Nết, Chính trị viên phó;
- Đồng chí Huỳnh Kia, Chính trị viên phó;
- Đồng chí Đặng Tấn Tài (Ba Nam), Tiểu đoàn phó.

Ngày 5-5-1968, đợt 2 cuộc Tổng công kích - tổng khởi nghĩa trên toàn Miền bắt đầu. Đợt 2 chia làm hai cao điểm: Cao điểm 1 từ ngày 5-5-1968 đến 21-5-1968 và cao điểm 2 từ ngày 25-5-1968 đến 18-6-1968.

Trong cao điểm 1, lực lượng của ta pháo kích vào các mục tiêu quan trọng: sân bay Tân Sơn Nhất, Đại sứ quán Mỹ, dinh Độc Lập, nhà riêng của Đại sứ Mỹ Bunker, Tân Cảng, Bộ Tư lệnh Hải quân,

Tổng nha Cảnh sát, Biệt khu Thủ đô... Trong khi đó các tiểu đoàn mũi nhọn thọc sâu, chọc thủng các tuyến phòng thủ ven đô, đánh vào các mục tiêu ở nội đô.

Trên hướng đông, Trung đoàn 4 của Quân khu 7 đánh chiến đoàn Thủy quân lục chiến ngự. Địch ở các bót lân cận bỏ chạy, ta làm chủ nhiều khu vực từ Long Bình vòng lên Bình Trưng, liên tục đánh địch phản kích. Trung đoàn 1 dùng cối 120mm và H12 ĐKB bắn vào khu Tân Cảng và cầu Sài Gòn. Trong đội hình Trung đoàn 1, Tiểu đoàn 4 (thiếu) hỗ trợ công binh Miền đánh và làm nghiêng cầu Sài Gòn.

Đêm 4 rạng ngày 5-5-1968, Trung đoàn 1 tổ chức phòng ngự ở xã Bình Trưng và ấp Đông xã Thạnh Mỹ Lợi. Tiểu đoàn 4 cùng các phân đội hỏa lực tổ chức phòng ngự ở xã Bình Trưng; Tiểu đoàn 2 tổ chức phòng ngự ở ấp Đông xã Thạnh Mỹ Lợi. 5 giờ sáng, bốn lính ở đồn Bình Trưng đi tuần tiểu, Tiểu đoàn 4 chặn đánh tiêu diệt toàn bộ, thu vũ khí. Địch dùng pháo từ các nơi bắn xối xả vào trận địa phòng ngự của Tiểu đoàn 4. Khoảng 9 giờ sáng, địch điều Tiểu đoàn 2 “Trâu điên” và Tiểu đoàn 30 biệt động quân, có xe tăng và máy bay yểm trợ, chia thành 3 mũi đánh vào đội hình của Tiểu đoàn 4. Chúng tổ chức những đợt tấn công song đều bị

chiến sĩ Tiểu đoàn 4 dũng cảm đánh trả quyết liệt, đẩy lui tất cả. 15 giờ ngày 5-5-1968, trận đánh kết thúc, ta giữ vững trận địa, tiêu diệt 150 tên địch, bắn cháy 1 xe tăng. Ta hi sinh 12 người (trong đó có đồng chí Đặng Tấn Tài (Ba Nam) - Tiểu đoàn phó, 2 cán bộ đại đội và 9 chiến sĩ) và 20 người bị thương rất nặng. Sau trận đánh, Tiểu đoàn 2 về ấp Vườn Cau xã Long Trường đánh phản kích bị tổn thất nặng phải lùi về phân khu củng cố lực lượng. Tiểu đoàn 4 tiếp tục trụ ở vùng Bưng Sáu Xã, phối hợp với du kích tổ chức đánh địch. Đến tháng 9-1968, Tiểu đoàn về phân khu bổ sung cán bộ, tân binh A, huấn luyện bổ sung; chỉ phân công 1 trung đội ở lại bám trụ.

Đêm 24-5-1968, ta mở tiếp Cao điểm 2 của đợt 2. Trên hướng đông, hai bên giăng co từng khu phố, từng ngôi nhà. Các chiến sĩ chiếm giữ từng lầu cao, từng cửa sổ trên cao, đục tường, thông nhà này sang nhà khác, phân tán lực lượng ra nhiều phía để đánh phản kích. Chiến đấu liên tục, thương vong cao, nhưng không được bổ sung, sức chiến đấu của bộ đội ta giảm dần. Tiểu đoàn 4 phối hợp lực lượng du kích, tự vệ liên tục đánh địch, làm nòng cốt cùng quần chúng nổi dậy diệt nhiều tên ác ôn; phá rã, phá bung nhiều ấp chiến lược; cắt đứt đường 25 phá hoại nhiều đường giao thông, cầu cống, gây

cản trở nhiều cuộc hành quân phản kích của địch. Ngày 18-6-1968, sau hai cao điểm, đợt 2 tổng tiến công kết thúc.

Đợt 2 tổng tiến công diễn ra trong tình thế địch trên toàn miền Nam vẫn còn trên 1,2 triệu quân, chúng đã triển khai lực lượng đối phó, ta không còn yếu tố bất ngờ và địch đã có sự phòng ngự sẵn nên không gây trở ngại lớn cho chúng trong việc đối phó với ta. Tuy nhiên, với tinh thần xốc tới “đợt sau cao hơn đợt trước”, các đơn vị thọc sâu chiến đấu rất dũng cảm, gây thương vong lớn cho địch trong nội đô, lực lượng tại chỗ của các ban ngành hoạt động mạnh hơn đợt 1. Địch bị bất ngờ về khả năng thọc sâu của ta.

Tháng 6-1968, Hội nghị lần thứ bảy của Trung ương Cục đánh giá thắng lợi đợt 2 là to lớn, toàn diện “đặt cơ sở hết sức thuận lợi để giành thắng lợi mới, tiến lên giành thắng lợi quyết định”. Tháng 8-1968, Bộ Chính trị Trung ương Đảng chủ trương tiếp tục tiến hành đợt 3 tổng công kích - tổng khởi nghĩa. Căn cứ tình hình thực tế, Bộ Chính trị đồng ý đề nghị của Trung ương Cục là đợt 3 không tiến công thành phố nữa. Thay cho đợt 3, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền đề ra phương án chiến dịch tiến công, hướng chủ yếu là Tây Ninh, hướng thứ yếu là Lộc Ninh, hướng phối hợp là các chiến trường

khác. Do chuyển hướng thích hợp, đợt 3 (từ đêm 17-8 đến 29-9-1968), trên toàn Nam Bộ, ta gây thiệt hại 15 tiểu đoàn địch, trong đó có 12 tiểu đoàn hỗn hợp Mỹ. Sư đoàn 5 được Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền trao cờ luân lưu “Quyết chiến, quyết thắng”. Tuy nhiên, đợt 3 không làm thay đổi được xu thế đang diễn biến phức tạp trên chiến trường, nhất là chiến trường ven và các tỉnh trọng điểm bình định.

Cuộc tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 làm nên thắng lợi có ý nghĩa chiến lược, tạo một bước quyết định làm thay đổi cục diện chiến tranh, đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải thay đổi chiến lược để rút dần quân Mỹ ra khỏi cuộc chiến. Tướng Westmoreland, Tham mưu trưởng liên quân trong hồi ký *Tường trình của một quân nhân* đã thừa nhận: “Đợt này họ đã đạt được mục tiêu là phía Mỹ phải đơn phương xuống thang”... Thắng lợi của cuộc tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 đã buộc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Paris (Pháp).

Chương Hai

TIỂU ĐOÀN 4 KIÊN TRÌ BÁM TRỤ, CHIẾN ĐẤU CHỐNG LẠI ÂM MƯU “BÌNH ĐỊNH CẤP TỐC” CỦA MỸ - NGUY (1969 - 1972)

- I. TIỂU ĐOÀN 4 VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, KIÊN TRÌ BÁM TRỤ, ĐÁNH ĐỊCH BẢO VỆ VỮNG CHẮC ĐỊA BÀN VÀ CÁC CƠ QUAN, KHO TÀNG, HẬU CỨ CÁCH MẠNG (1969 - 1970)

1. Tình hình chiến trường đông bắc Sài Gòn sau năm 1968

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 là một đòn tiến công chiến lược đánh vào âm mưu xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc địch phải thay đổi chiến lược chiến tranh. Sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy, cùng các đợt hoạt động kế tiếp trong năm 1968, chủ lực Miền và các phân khu vẫn đứng trên chiến trường miền Đông Nam Bộ và một số vùng xung yếu sát Sài Gòn. Lực lượng vũ trang trưởng thành thêm một bước về chất lượng chiến đấu, đặc biệt là những kinh nghiệm chiến đấu ở vùng đô thị và nông thôn đồng bằng.

Về phía địch, từ tháng 4-1968, Mỹ - ngụy thực hiện chiến lược “Phi Mỹ hóa chiến tranh”, nhằm từng bước chuyển giao nhiệm vụ chiến đấu trên bộ cho ngụy quân. Sau khi nhận chức Tổng thống Hoa Kỳ (20-1-1969), Nixon đã nâng chủ trương này lên thành một chiến lược chiến tranh mới ở Việt Nam, mang tên chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Nội dung chủ yếu của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” là:

1. Xây dựng quân đội Việt Nam Cộng hòa đủ mạnh để thay thế quân Mỹ đứng vững ở miền

Nam Việt Nam (đưa tổng quân số lên trên một triệu tên);

2. Bình định nông thôn miền Nam Việt Nam, kiểm soát đất đai và dân chúng, coi đây là nhân tố sống còn của “Việt Nam hóa chiến tranh”;

3. Củng cố hệ thống chính quyền các cấp để ổn định tình hình chính trị, kinh tế ở miền Nam Việt Nam;

4. Thực hiện chiến tranh “bóp nghẹt”, chia cắt miền Nam Việt Nam với miền Bắc, Lào, Campuchia.

Ba phương thức chiến lược của “Việt Nam hóa chiến tranh” là:

1. Giành dân (bình định);

2. Hủy diệt (quét sạch chủ lực của ta và hệ thống vận tải chiến lược);

3. Bóp nghẹt (cô lập, chia cắt hoàn toàn miền Nam Việt Nam với bên ngoài).

Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” được chia làm 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Từ đầu năm 1969 đến 30-6-1972:

- Chuyển giao nhiệm vụ chiến đấu trên bộ cho quân đội Sài Gòn.

- Rút quân Mỹ về nước (đại bộ phận).

- Dùng chương trình “bình định” quét sạch cơ sở cách mạng ở nông thôn và thành thị.

Địch cho giai đoạn 1 là quyết định nhất.

Giai đoạn 2: Từ 30-7-1972 trở đi. Chuyển giao quyền chỉ huy không quân và hải quân cho quân đội Sài Gòn và do quân đội Sài Gòn đảm nhiệm mọi quy mô tác chiến.

Giai đoạn 3: Chiến tranh tàn lụi (với Mỹ), hoàn thành “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Như vậy, “Việt Nam hóa chiến tranh” không phải là Mỹ đã chịu thua, bỏ rơi quân đội Sài Gòn mà là cố gắng bảo đảm thắng lợi hoàn toàn cho chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, còn nếu trong trường hợp xấu nhất cũng ở thế không thắng nhưng không thua như trong chiến tranh Triều Tiên năm 1953, nhằm duy trì được thế cân bằng chiến lược của Mỹ từ bao nhiêu năm nay ở miền Nam Việt Nam và Đông Nam Á.

Với mục đích rút quân Mỹ ra khỏi chiến trường Việt Nam mà vẫn giành được thắng lợi. Hai biện pháp chủ yếu của chiến lược này là phát triển nhảy vọt lực lượng ngụy quân và nỗ lực bình định các

vùng nông thôn, đồng bằng, nơi lực lượng chiến tranh nhân dân giảm sút. Trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, Mỹ rất chú trọng kế hoạch “bình định”. Bên cạnh các hoạt động bình định kiểu cũ, Mỹ - ngụy chú trọng đẩy mạnh hoạt động tâm lý chiến và khủng bố của tổ chức “Phượng Hoàng” chuyên do thám, bắt bớ, thủ tiêu, ám sát, chiêu hồi... nhằm trước hết đánh vào các tổ chức cơ sở của Đảng Cộng sản, vào các cơ sở hạ tầng, các đoàn thể quần chúng bí mật và công khai do Đảng lãnh đạo. Chúng cho rằng tiêu diệt được đảng viên, cán bộ và tổ chức đảng là khâu “then chốt nhất” trong công tác bình định và trong “Chương trình Phượng Hoàng”. Khẩu hiệu của chúng vẫn là “giết nhầm hơn bỏ sót”.

Miền Đông Nam Bộ được coi là vùng trọng điểm bình định số 1, nên Mỹ - ngụy đã tập trung vào đây 40% lực lượng quân Mỹ, đồng minh và 37% quân ngụy toàn miền Nam. 103 tiểu đoàn Mỹ - ngụy và đồng minh được sử dụng để che chắn Sài Gòn, tạo thành ba tuyến phòng thủ tính từ vùng ven Sài Gòn ra: tuyến trong, tuyến trung gian và tuyến ngoài. Trong hai năm 1969 và 1970, trung bình mỗi tháng Mỹ - ngụy mở 377 cuộc hành quân từ cấp tiểu đoàn

đến sư đoàn, chiếm 38% số cuộc hành quân trên toàn miền Nam, nhằm hỗ trợ cho công tác bình định và đối phó với chủ lực cách mạng ở bắc Sài Gòn. Tuyến vành đai ven Sài Gòn được địch tăng cường lực lượng chốt chặn để đẩy lực lượng ta ra xa đô thị. Ở các xã vùng ven, địch tăng cường bình định cấp tốc, sau đó là bình định đặc biệt, phát triển mạng lưới công an chìm, nổi, chiến dịch Phượng Hoàng nhằm phát hiện và đánh vào cơ sở cách mạng, ổn định chính quyền cơ sở.

Trên địa bàn Thủ Đức, chúng tăng cường lực lượng trên xuống để hà hơi tiếp sức cho bọn bên dưới vốn hoang mang dao động từ sau Tết Mậu Thân, đặc biệt là tổ chức kềm kẹp ở cơ sở về cơ bản đã tan rã, tê liệt, liên tục càn quét, lấn chiếm và bình định. Đối với vùng ngoài, Mỹ - ngụy tiến hành chốt chặn dã ngoại ở các vùng lõm du kích và các trục giao thông của ta, cắt đứt liên lạc của ta từ sau đến trước và bung ra càn quét, phi pháo, biệt kích liên tục; đồng thời triệt phá địa hình bằng cách rải chất độc hóa học, xăng bột đốt các rừng chồi và các cánh đồng, bắt dân làm xâu chặt phá chồi lá, cấm trồng mía và buộc nhân dân ra làm ruộng phải cầm cờ ngụy. Đối với vùng trong (vùng dân cư), địch kết hợp với chiến tranh tâm lý tác động lừa mỵ và chiêu

hồi; bọn bảo an, cảnh sát dã chiến, nghĩa quân dân vệ, dân quân thám báo thường xuyên phục kích ở các ấp hẻo lánh, các đường ra vào ấp xã, bao vây rình rập lục xét nhà, nhất là các hộ có người thân đi làm cách mạng. Bọn do thám gián điệp theo dõi ta bằng nhiều hình thức như: bán chim, gác cu, mua ve chai... Nguy hiểm nhất là địch sử dụng những tên “chiêu hồi” về đánh phá trong xóm ấp.

Đầu năm 1969, về cơ bản Mỹ - ngụy đã phục hồi được lực lượng, củng cố được ngụy quyền, địch đã tổ chức lại đầy đủ bộ máy kềm kẹp ở các xã, ấp; khôi phục được nhiều vùng nông thôn bị mất, đẩy chiến cuộc từ vùng ven đô ra xa vùng nông thôn bao quanh Sài Gòn. Cách mạng bị mất đất, mất dân, mất thế ở vùng ven và một số vùng nông thôn đồng bằng. Lực lượng bộ đội địa phương và du kích đều giảm sút, Tiểu đoàn 4 bị đánh bật khỏi chiến trường trọng điểm. Tiểu đoàn gần như bị đứt liên lạc với Phân khu.

Trong thời gian mất liên lạc với Phân khu, Tiểu đoàn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp tế lương thực thực phẩm và vũ khí (Tiểu đoàn phải tự túc 100%). Song, nhờ có “trận địa lòng dân” mà Tiểu đoàn vẫn đứng vững để chiến đấu và chiến thắng. Cán bộ, chiến sĩ ở các đại đội, trung đội được dân

chia nhau bí mật chu cấp, nuôi dưỡng. Có rất nhiều tấm gương của rất nhiều gia đình vùng bưng đã hết lòng với bộ đội, trong đó phải kể tới đôi vợ chồng già ở xã Bình Trưng, bán 5 chỉ vàng suốt đời gom góp được để lấy tiền ủng hộ bộ đội; một gia đình ở xã Phước Long lợi dụng việc chăn nuôi heo ở trang trại, tích trữ sẵn trong nhà hàng chục tấn gạo, hàng trăm lít nước mắm, dầu hôi và nhiều vật dụng cần thiết khác. Bộ đội ta cứ việc lấy dùng, hết thì gia đình lại chuyển về tiếp. Cứ như vậy ròng rã hai năm liên tục mà không hề tính toán. Khi đơn vị nối lại được liên lạc với cấp trên, nhận cấp phát hậu cần, đến trả lại cho gia đình thì ông bà chỉ nhận tượng trưng một phần số lượng đã giúp đỡ. Và còn rất nhiều hình ảnh, tấm gương khác nữa của bà con vùng Bưng Sáu Xã đã hết lòng giúp cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 4 vượt qua giai đoạn khó khăn.

2. Tiểu đoàn 4 vượt qua khó khăn, dũng cảm, sáng tạo đánh địch giữ vững địa bàn và các cơ quan, kho tàng, hậu cứ cách mạng

Thực hiện Nghị quyết tháng 4-1969 của Bộ Chính trị “tiếp tục đẩy mạnh Tổng công kích - tổng khởi nghĩa”⁽¹⁾ và Nghị quyết 9 (7-1969) của Trung

1 Trích Nghị quyết tháng 4-1969 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng.

ương Cục miền Nam về “đẩy mạnh 3 mũi giáp công... giành thắng lợi quyết định”⁽¹⁾, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền quyết định liên tục mở các đợt hoạt động quân sự từ xuân 1969 đến năm 1970 trên toàn chiến trường B2. Trong hoàn cảnh thế và lực có nhiều bất lợi, các đơn vị chủ lực Miền, các phân khu và lực lượng vũ trang các địa phương trong đó có Tiểu đoàn 4, tiếp tục thực hiện 4 đợt hoạt động xuân, hè, thu, đông trong năm 1969 đạt nhiều kết quả tích cực.

Chấp hành nghiêm mệnh lệnh tiến công địch, với nỗ lực vượt bậc, lực lượng Tiểu đoàn 4 thực hiện được một số trận đánh hiệu suất cao. Nổi bật, đêm 23-1-1969, các chiến sĩ Tiểu đoàn 4 kết hợp với Đội biệt động Thủ Đức cải trang, thọc sâu đánh tập kích Chi khu Cảnh sát và Tòa hành chánh Quận 9 (nay là phường Thủ Thiêm, quận 2), diệt 1 tiểu đội địch, bọn giặc còn lại bỏ chạy, ta làm chủ trận địa gần hai tiếng đồng hồ mới rút đi. Sau trận này, Tiểu đoàn được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhì.

Tháng 4-1969, Tiểu đoàn 4 để lại một bộ phận nhỏ tiếp tục bám giữ địa bàn vùng bưng, còn đại bộ

1 Trích Nghị quyết 9 (tháng 7-1969) của Trung ương Cục.

phận di chuyển về Biên Hòa, Bà Rịa để nhận thêm quân và bổ sung thêm vũ khí, đạn dược từ miền Bắc chuyển vô. Hai lần, Tiểu đoàn nhận thêm 220 quân là những thanh niên miền Bắc mới vào. Ban Chỉ huy Tiểu đoàn được củng cố, gồm có:

- Đồng chí Trần On, Tiểu đoàn trưởng;
- Đồng chí Sáu Rạng, Tiểu đoàn phó;
- Đồng chí Sáu Dương, Chính trị viên;
- Đồng chí Huỳnh Kia, Chính trị viên phó;
- Đồng chí Ngô Minh Thắng, Tham mưu trưởng.

Ban Chỉ huy Tiểu đoàn nhanh chóng sắp xếp, bố trí cán bộ phụ trách đại đội, trung đội và chuẩn bị huấn luyện bổ sung theo nội dung quy định. Trong lúc toàn thể cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn làm công tác chuẩn bị huấn luyện thì bị địch phát hiện, cho máy bay ném bom vào vị trí đơn vị đóng quân, ta hi sinh 5 đồng chí (đồng chí Sáu Dương, đồng chí Sáu Rạng, 1 anh nuôi, 2 liên lạc), đồng chí Huỳnh Kia bị thương nặng. Để tăng cường lực lượng cho Tiểu đoàn, Phân khu chỉ định đồng chí Võ Nết về làm Chính trị viên Tiểu đoàn và đồng chí Huỳnh Văn Lập làm Tiểu đoàn phó. Đơn vị chấn chỉnh đội hình và đi vào huấn luyện. Trong

khi huấn luyện, địch tổ chức lực lượng đi càn vào địa bàn đóng quân của Tiểu đoàn. Ban Chỉ huy Tiểu đoàn chỉ đạo tổ chức lực lượng thành từng phân đội nhỏ, đánh càn, tiêu diệt và làm bị thương nhiều lính chư hầu Úc, lực lượng Tiểu đoàn không bị tổn thất. Trong thời gian củng cố, Tiểu đoàn liên tiếp tham gia chiến đấu chống quân chư hầu (Úc) đi càn, diệt 1 đại đội địch. Thực hiện nhiệm vụ của Phân khu giao, Tiểu đoàn 4 phối hợp với Tiểu đoàn 2 và lực lượng vũ trang địa phương, theo phương thức “vây, lấn, tấn, diệt” bao vây thị trấn Xuyên Mộc gần 30 ngày.

II. TIỂU ĐOÀN 4 LÀM NÒNG CỐT TRONG PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CHỐNG PHÁ CHƯƠNG TRÌNH “BÌNH ĐỊNH” VÀ “TÌM DIỆT” CỦA MỸ - NGUYỄN (1970 - 1972)

1. Tiểu đoàn 4 bổ sung cán bộ, chiến sĩ cho lực lượng vũ trang huyện Thủ Đức, phối hợp cùng bộ đội huyện tổ chức lực lượng đánh địch, bẻ gãy gọng kìm “bình định” và “tìm diệt” trên địa bàn đảm nhiệm

Tháng 1-1970, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ 18. Hội nghị nhận

định: Trong 2 năm 1970 - 1971, mà nhất là trong năm 1971, ta phải đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Nixon thì mới làm chuyển biến được tình hình có lợi cho ta. Hội nghị chủ trương lấy “nông thôn làm hướng tấn công chính”; đẩy mạnh tác chiến tập trung của bộ đội chủ lực và chiến tranh du kích ở địa phương, chú trọng xây dựng lực lượng tinh nhuệ và lực lượng vũ trang tại chỗ; tăng cường đấu tranh quân sự, chính trị ở nông thôn, đánh bại kế hoạch “bình định” của địch, giành dân, giành đất, mở rộng vùng giải phóng; đẩy mạnh công tác xây dựng đảng ở đô thị; tăng cường chi viện cho cuộc kháng chiến của nhân dân Lào và Campuchia, đánh bại âm mưu mở rộng chiến tranh của địch.

Trong khi đó đế quốc Mỹ vừa tiếp tục thực hiện chương trình “Việt Nam hóa chiến tranh” vừa phiêu lưu mở rộng chiến tranh sang Campuchia và Lào, hy vọng đẩy lùi chủ lực của ta ra xa để Mỹ có thể rút quân an toàn theo kế hoạch, đồng thời thử thách sức chiến đấu của quân đội Sài Gòn để có thể chuyển giao nhiệm vụ chiến đấu cho chúng.

Chấp hành chỉ đạo của Phân khu, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 4 cùng lực lượng vũ trang huyện tổ

chức lực lượng đánh địch, gây cho chúng nhiều tổn thất. Tháng 1-1970, nhận lệnh từ cấp trên, Tiểu đoàn 4 có nhiệm vụ nghiên cứu tìm cách tiêu diệt lực lượng sĩ quan địch ở các đơn vị về trường Võ khoa Thủ Đức⁽¹⁾ tập huấn. Sau khi nhận nhiệm vụ, Tiểu đoàn cử cán bộ đi điều nghiên hoạt động của địch tại trường Võ khoa Thủ Đức. Qua quan sát, ta phát hiện hàng ngày có một bộ phận học viên đi huấn luyện ngoài thao trường tại Long Thạnh Mỹ, đoạn đường từ trường ra đến bãi tập khoảng hơn 2km rất trống trải, hàng sáng mỗi ngày có một tổp lính bảo an từ bót Bến Nọc đi kiểm tra đoạn đường trên và khu vực xung quanh. 7 giờ sáng thì học viên trong trường Võ khoa xếp thành hai hàng dọc đi ra bãi tập. Căn cứ vào thực địa và quy luật hoạt động của địch, chỉ huy trận đánh quyết định thực hiện phương án triển khai phục kích địch bằng mìn tại đoạn đường từ cầu Bến Nọc đến đầu ấp Mỹ Thiện xã Long Thạnh Mỹ.

1 Trường Võ khoa Thủ Đức là trường đào tạo sĩ quan bộ binh địch, do thực dân Pháp xây dựng năm 1951, sau này, quân đội Sài Gòn tiếp quản, tiếp tục huấn luyện các sĩ quan bộ binh cấp phân đội. Trường được xây dựng kiên cố, xung quanh có 3 lớp rào bảo vệ, bên trong trường cũng bố trí hầm công sự chiến đấu và có 1 trận địa pháo 105mm. Địch rất cảnh giác bố phòng vì sợ ta đưa lực lượng từ căn cứ Bưng Sáu Xã đến tập kích, chúng thường xuyên tổ chức các tổ tuần tra xung quanh trường và đoạn đường phía tây trường ra đến bãi huấn luyện.

Đêm 18-1-1970, tổ chiến đấu của Tiểu đoàn 4, gồm 3 đồng chí do Trung đội trưởng Võ Văn Hữu chỉ huy mang theo 3 trái mìn lôm (2 mìn ĐH8, 1 mìn Claymore), hơn 300m dây điện, một máy điểm hỏa và xẻng đào đất bí mật từ căn cứ vùng Bưng Sáu Xã tiến về khu vực cầu Bến Nọc. 23 giờ đêm, tổ chiến đấu triển khai đặt mìn. Để tiêu diệt nhiều địch, ta bố trí địa đoạn dài 400m, quả mìn ĐH8 khóa đuôi đặt cách cầu Xây khoảng 600m, quay về hướng cầu Bến Nọc, quả mìn ĐH8 chặn đầu bố trí cách cầu Bến Nọc 700m hướng về phía cầu Xây, ở giữa bố trí trái mìn Claymore cách mép đường 10m. Toàn bộ các đường dây điện từ trái mìn đến vị trí điểm hỏa được ngụy trang giấu kỹ dọc theo mép ruộng lúa, đoạn cắt ngang bờ ruộng được chôn âm dưới đất. Đường dây được kết nối với nhau để khi điểm hỏa thì cả 3 trái mìn đều nổ. Rạng sáng ngày 19-1-1970, mọi công tác chuẩn bị cho trận đánh xong, tổ chiến đấu núp trong công sự được ngụy trang chờ địch. 7 giờ sáng ngày 19-1-1970, địch vẫn chưa đi tập như thường ngày, tại khu vực gần trận đánh lác đác có một vài người dân ra phát cỏ, đến 7 giờ 30 số nhân dân ra khu vực cạnh trận địa làm đồng đông hơn, một số người phát hiện tổ chiến đấu của ta nhưng đồng bào vờ tránh ra xa. Chỉ huy trận đánh vẫn quyết định

chờ đánh địch, cùng lúc này ta phát hiện địch xuất hiện tại cầu Bến Nọc, chờ địch vào đúng khu vực dự kiến, tổ trưởng bấm máy đếm hỏa 3 trái mìn cùng phát nổ, sức công phá của mìn đã diệt và làm bị thương phần lớn số học viên của địch. Tranh thủ thời gian, khi mọi người còn nhốn nháo, tổ chiến đấu thu dây, máy, dụng cụ bí mật rút về căn cứ. Sau 15 phút có hai trực thăng của địch bay quần đảo quanh khu vực mìn nổ và 2 chiếc hạ xuống chở số lính bị thương về Bệnh viện Cộng Hòa. Bọn bảo an tại bót cầu Bến Nọc không dám bung ra lùng sục xung quanh. Trận đánh kết thúc, ta diệt 72 tên địch, làm bị thương nhiều tên khác, phá hỏng nhiều vũ khí, trang bị của chúng. Phía ta, tổ chiến đấu an toàn, chỉ có một người dân đi chài lưới bị chết.



Đồng chí Huỳnh Kìa trong Hội nghị đại biểu Phân khu 4 (2-1970)

Trận phục kích đánh mìn diệt địch của Tiểu đoàn 4 là trận đánh đạt hiệu suất chiến đấu rất cao. Trận đánh đã làm chấn động trong vùng, địch hoang mang trước sự dũng cảm và cách đánh mưu trí, sáng tạo của Quân giải phóng. Trận đánh thành công là do đơn vị đã nghiên cứu kỹ khu vực địa bàn, chọn trận địa ở vị trí địch lơ là, chủ quan nhất. Cùng với chọn cách đánh là sự bố trí trận địa, đặt mìn của tổ chiến đấu rất hợp lý, phát huy tối đa tính năng công phá của 3 trái mìn lôm để diệt địch. Trận dùng mìn phục kích diệt địch của Tiểu đoàn 4 được chỉ huy Phân khu 4 biểu dương và thông báo đến các đơn vị của Phân khu học tập. Tổ chiến đấu của Tiểu đoàn 4 được cấp trên tặng thưởng Huân chương Chiến công Hạng hai, một đồng chí được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba.

Cuối tháng 2-1970, Phân khu ủy Phân khu 4 tổ chức Hội nghị đại biểu Phân khu. Sau khi nghe báo cáo tình hình, Phân khu ủy quyết định lấy cán bộ, chiến sĩ của Tiểu đoàn 4 bổ sung cho Huyện đội Thủ Đức nhằm hỗ trợ lực lượng vũ trang huyện tổ chức huấn luyện tân binh và tổ chức lực lượng đánh địch bình định. Tháng 3-1970, đồng chí Huỳnh Kia được cử về làm Huyện đội trưởng Thủ Đức; đồng chí Lê Thanh Hà, Chính trị viên

phó; đồng chí Ba Ổ, Huyện đội phó. Huyện đội Thủ Đức tổ chức cuộc họp phổ biến nghị quyết của Đảng ủy Phân khu và triển khai nhiệm vụ trong tình hình mới.

Từ ngày 9-6-1970, địch mở chiến dịch mang tên Phụng Hoàng toàn thắng⁽¹⁾; kiểm tra gặt gao Việt kiều từ Campuchia hồi hương về thành phố; triệt để tận dụng bọn đầu hàng, phản bội để khai thác tin tức, tài liệu, nhận diện cán bộ ở các nút kiểm tra giao thông, các trạm tiếp Việt kiều hồi hương. Ở cấp quận, địch chấn chỉnh các cơ quan “Phụng Hoàng” và cảnh sát; kiểm soát công khai và bí mật dân cư; phân loại dân để phát hiện cơ sở của ta; tăng cường lực lượng gián điệp trong các trường học, xí nghiệp, xóm lao động. Địch dùng bọn chiêu hồi và bộ máy thông tin, đài phát thanh, đài truyền hình tuyên truyền công khai về Chiến dịch Phụng Hoàng, kêu gọi quần chúng tố giác những người cách mạng.

Ngày 10-7-1970, Trung ương Cục ra Chỉ thị số 21-CT/70 nghiêm khắc phê phán các địa phương đã báo cáo tình hình không chính xác (nêu thành tích và đánh giá lực lượng cách mạng cao hơn thực tế) và nêu rõ: Điều chủ yếu hiện nay là phải làm cho

1 Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 825, Nxb. Chính trị Quốc gia.

thực lực của ta, nhất là lực lượng mật, có nhiều ở các xã, ấp; phải kết hợp tốt hơn lực lượng bên trong và bên ngoài buộc địch phải nói lòng kìm kẹp, tạo điều kiện cho lực lượng công khai có thể tiếp xúc với quần chúng và đứng chân trong quần chúng để hoạt động, giành quyền làm chủ ở mức độ thích hợp, phá rã mạng lưới bảo an dân vệ, làm cho lực lượng của ta chuyển biến để tạo đà đi lên vững chắc và mạnh mẽ ở các ấp chiến lược và vùng ven Sài Gòn.

Thực hiện chủ trương của trên, dưới sự chỉ huy của Huyện đội Thủ Đức, Đại đội 1 của Tiểu đoàn 4 và đại đội địa phương huyện tổ chức đánh tập kích, làm tiêu hao nặng lực lượng bảo an, biệt động quân yểm trợ bọn bình định nông thôn, tế ấp, tế xã và lực lượng phòng vệ dân sự. Chỉ trong một tháng, ta đánh tiêu hao nặng các đơn vị yểm trợ tháo chạy, ta diệt trên 50 tên ác ôn và kềm kẹp, quần chúng làm chủ ban đêm một số ấp; sau 3 tháng, ta làm chủ hầu hết các ấp vào ban đêm. Đặc biệt cuộc vũ trang tuyên truyền ở ấp Tây A sát chợ Bình Trưng do đồng chí Huỳnh Kia trực tiếp chỉ huy đã tập hợp được hơn 100 quần chúng đến dự. Ta tuyên truyền tin chiến thắng trên các chiến trường và vạch trần luận điệu của bọn tâm lý xuyên tạc, nói xấu lực lượng cách mạng. Được cơ sở báo tin có tên trung đội trưởng

bảo an và đồng bọn về nhà, lực lượng Đại đội 1 của Tiểu đoàn 4, đại đội bộ đội huyện và du kích 2 xã Bình Trung và An Phú tổ chức lực lượng tiêu diệt. Kết quả ta tiêu diệt tên trung đội trưởng đội bảo an, thu 1 súng col 12, bắt 5 tên lính chủ lực.

Năm 1971, Tiểu đoàn 4 di chuyển về Nhơn Trạch, tại đây Tiểu đoàn kết hợp với lực lượng bộ đội địa phương tập kích tiêu hao nặng một đại đội quân chư hầu Thái Lan đang trên đường đi càn quét dừng lại nghỉ đêm tại sở Ông Cổ - Nhơn Trạch. Sau đó còn tổ chức phục kích tại Phú Hội, đánh tiêu diệt 1 trung đội “khăn tím” nguy, thu toàn bộ vũ khí, khí tài giao cho du kích xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch.

Mùa hè năm 1971, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 4 cùng lực lượng vũ trang Thủ Đức tăng cường hoạt động, ra sức khôi phục các căn cứ lổm tạo thế đánh địch, tăng cường huấn luyện nhiều du kích các xã, tổ chức chống địch càn quét vào vùng Vùng Bưng Sáu Xã, đồng thời tiến công địch ngay trong “ấp Tân Sinh”, diệt ác phá kềm, hỗ trợ phong trào quần chúng bung ra khôi phục sản xuất.

2. Tiểu đoàn 4 trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972

Trên chiến trường miền Nam, ta đã vượt qua khó khăn của những năm 1970 - 1971 và đã chặn

đứng được chương trình bình định của địch. Ở Sài Gòn và các đô thị, ta đã giành được thắng lợi lớn về đấu tranh chính trị. Uy tín của chính quyền Sài Gòn sút giảm nhiều. Đứng trước tình hình đó, thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, tháng 6-1971, Quân ủy Trung ương đã quyết định mở cuộc tiến công chiến lược năm 1972 nhằm tập trung mọi cố gắng, đẩy mạnh tiến công quân sự và chính trị trên cả ba vùng chiến lược ở miền Nam, làm lay chuyển tận gốc chính quyền địch, tạo ra bước chuyển biến cơ bản làm thay đổi hẳn cục diện chiến tranh. Vào cuối tháng 3-1972, bộ đội chủ lực của ta bất ngờ mở cuộc tiến công trên toàn miền Nam. Ở miền Đông Nam Bộ diễn ra Chiến dịch Nguyễn Huệ⁽¹⁾.

Cùng thời gian này, lực lượng địa phương và du kích của ta ở vùng ven đô đã về bám trụ trên địa bàn, xây dựng cơ sở, hình thành thế trận và lực lượng mới để phá việc bình định của địch và hỗ trợ cho đấu tranh chính trị ở nội đô. Phong trào đấu tranh chính trị toàn thành phố tiếp tục phát triển với khí thế mới.

1 Thời gian Chiến dịch Nguyễn Huệ diễn ra từ ngày 1-4-1972 đến ngày 19-1-1973, chia làm ba đợt:

- Đợt 1: Từ 31-3-1972 đến 15-5-1972.
- Đợt 2: Từ 16-5-1972 đến 30-9-1972.
- Đợt 3: Từ 1-10-1972 đến 19-1-1973.

Ngày 8-6-1972, Thành ủy ra Chỉ thị số 07/CT-72 chỉ đạo về việc tiếp tục đẩy mạnh phong trào chống bắt lính, đôn quân, bảo vệ thanh niên trốn lính và lính trốn; đòi các quyền lợi dân sinh, dân chủ; tích cực phá lỏng kìm kẹp, xây dựng thể làm chủ của quần chúng. Theo chủ trương này, Ở hầu hết các xã thuộc huyện Thủ Đức, Hóc Môn, Gò Vấp, Củ Chi... mỗi ấp có trung bình 70 thanh niên trốn lính và ấp nhiều thì lên đến hàng trăm người. Lực lượng thanh niên trốn lính và lính trốn đã trở thành một trong những lực lượng xung kích của Đảng bộ cơ sở để nổi dậy sau này.

Tháng 8-1972, theo quyết định của Trung ương Cục và Quân ủy Miền, Thành ủy Sài Gòn - Gia Định quyết định sắp xếp lại tổ chức hành chính. Thủ Đức thuộc vùng ven đô Sài Gòn - Gia Định cùng các huyện Nhà Bè, Bình Chánh, Gò Vấp, Tân Bình, Hóc Môn và Củ Chi. Về quân sự, lập lại Bộ Chỉ huy Quân sự T4⁽¹⁾. Bộ Chỉ huy Quân khu T4 thành lập hai bộ phận chỉ huy tiền phương trên hai hướng chủ yếu là Thủ Đức và Bình Chánh.

1 Do đồng chí Trần Hải Phụng làm Tư lệnh; đồng chí Nguyễn Văn Linh - Bí thư kiêm Chính ủy; đồng chí Mai Chí Thọ - Phó Bí thư kiêm Phó Chính ủy; đồng chí Võ Văn Tới làm Phó Tư lệnh; đồng chí Huỳnh Văn Cường làm Phó Tư lệnh; đồng chí Lê Thanh làm Phó Chính ủy; đồng chí Lâm Văn Chấn làm Phó Chính ủy.

Nhiệm vụ lực lượng vũ trang Thủ Đức và Tiểu đoàn 4 là: tổ chức đánh nhỏ lẻ, giữ địa bàn, xây dựng lõm căn cứ, giữ được dân, bám địa bàn vùng ven. Về vũ trang chủ yếu là đánh nhỏ lẻ, giữ địa bàn, xây dựng lõm căn cứ, giữ được dân. Thực hiện nhiệm vụ được giao, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 4 cùng lực lượng vũ trang huyện đẩy mạnh đánh địch, gây thiệt hại cho chúng; từng bước phá vỡ hệ thống kẽm kẹp của chúng, giành thế chủ động trên chiến trường, giữ vững và mở rộng vùng căn cứ. Từ đây ta làm chủ ban đêm ở vùng này.

Cuối năm 1972, trước tình hình phong trào cách mạng dần khôi phục, Huyện ủy chỉ đạo lực lượng vũ trang tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tiến công đồn, bót địch; đồng thời tích cực mở rộng địa bàn chiến lược, nối liền vùng căn cứ Nam Thủ Đức với các vùng ven đô Sài Gòn, phối hợp cùng các lực lượng bạn nối liền tuyến hành lang đông - nam thành phố Sài Gòn, xây dựng thế đứng chân vững chắc ở vùng Bưng Sáu Xã xuống Nhà Bè qua vùng Tam Thôn Hiệp, Bình Khánh, tạo điều kiện cho lực lượng Đoàn 10 Rừng Sác cơ động đánh địch, góp phần tạo thế tạo lực, sẵn sàng chiến đấu giành thắng lợi khi có thời cơ.

Chương Ba

TIỂU ĐOÀN 4 HỖ TRỢ QUẦN CHÚNG ĐẤU TRANH ĐÒI THI HÀNH HIỆP ĐỊNH PARIS VÀ THAM GIA TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975 (1973 - 1975)

I. TIỂU ĐOÀN 4 HỖ TRỢ QUẦN CHÚNG ĐẤU TRANH ĐÒI ĐỊCH THI HÀNH HIỆP ĐỊNH PARIS VÀ CHỐNG ĐỊCH BÌNH ĐỊNH LẤN CHIẾM

1. Đặc điểm chiến trường miền Đông Nam Bộ sau Hiệp định Paris và chủ trương của Đảng trong đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định

Hiệp định Paris được ký kết mở ra một tình hình mới. Tương quan lực lượng và thế trận thay đổi có lợi cho cách mạng. Mỹ buộc phải rút hết quân chiến đấu Mỹ và đồng minh ra khỏi miền Nam Việt Nam. Quân ngụy tuy còn đông nhưng không thể bù đắp về số lượng và chất lượng khi quân Mỹ và đồng minh đã rút đi⁽¹⁾, tâm lý hoài nghi và thất bại chủ nghĩa xuất hiện và bắt đầu lan rộng.

Để cứu vãn tình thế bất lợi, duy trì lâu dài sự có mặt của Mỹ và chính quyền ngụy trên đất miền Nam, Mỹ và ngụy đã thực hiện nhiều biện pháp chiến lược trái với tinh thần hiệp định, trong đó biện pháp chủ yếu là dựa vào vũ khí Mỹ (được tăng cường cuối năm 1972 và quân Mỹ để lại khi rút đi) để thực hiện bình định, lấn chiếm một cách quyết liệt, giành giật với lực lượng cách mạng từng xã, ấp.

Ở miền Đông Nam Bộ, quân ngụy thực hiện bình định lấn chiếm bằng hai biện pháp: tiến công

1 So với năm 1968, quân chủ lực địch giảm: 650.000/1.152.000 tên, 13 sư đoàn/32 sư đoàn, 15 trung đoàn/17 trung đoàn, sức cơ động, hỏa lực giảm 50%, sự chi viện của không quân giảm 50%.

giành đất và di dân trái phép vào vùng giải phóng để chiếm đất. 60% chủ lực Quân đoàn 3 ngụy và hầu hết lực lượng địa phương, với sự yểm trợ tối đa của phi cơ và pháo binh, đã ào ạt lần chiếm các vùng đường số 7 ngang (Bến Cát), lộ 23 Long Tân Long Phước (Bà Rịa), đường xe lửa Hưng Lộc - Giá Ray (Long Khánh), ven thị xã Tây Ninh, đường số 10 (tây bắc Hậu Nghĩa), đông - tây đường số 2, đoạn đường bắc chi khu Đức Thạnh (Bà Rịa), đường 24 (Biên Hòa), đường 14 (Phước Long) và các vùng căn cứ lồm ven Sài Gòn - Gia Định (ở Vườn Thơm, Bưng Sáu Xã, Nhà Bè, Tân Bình, bắc Bình Chánh, Củ Chi, bắc Thủ Đức...). Đối với các vùng đường 1 (huyện Vĩnh Cửu và Xuân Lộc), đường 20 (Định Quán) và một số vùng khác ở Biên Hòa, Bà Rịa, Long An, quân ngụy thực hiện di dân (chủ yếu là dân các khu di cư) vào vùng giải phóng, khai thác gỗ, khai hoang, lập khu định cư mới. Hoạt động này nhằm hai mục đích: vừa thu lợi về mặt kinh tế, vừa mở rộng vùng chiếm đóng về mặt quân sự.

Đầu năm 1973, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền về đứng chân ở Tà Thiết (Lộc Ninh), Bộ Tư lệnh Quân khu 7 và Quân khu Sài Gòn - Gia Định trở về căn cứ cũ ở Chiến khu Đ và Củ Chi, việc chỉ huy chiến

trường từ Miền xuống các quân khu và xuống tỉnh, huyện, xã đã thuận tiện hơn. Các sư đoàn chủ lực cách mạng đã trở lại miền Nam và đứng vững trên những địa bàn chiến lược quan trọng, cùng với lực lượng vũ trang các địa phương tạo thế trận bao vây uy hiếp địch ở vùng trung tuyến, vùng ven, các đường giao thông chiến lược, các thị xã, thị trấn và thành phố Sài Gòn.

Tháng 1-1973, Bộ Chính trị ra Nghị quyết, chỉ rõ: “Nhất thiết lực lượng vũ trang ta phải mạnh và luôn luôn sẵn sàng chiến đấu. Bất kể trong tình huống nào, địch gây hấn trở lại nhất định phải bị giáng trả đích đáng và ta sẽ giành được thắng lợi hoàn toàn”. Ở một số địa bàn như Long Tân, Long Phước (Bà Rịa) hoặc Củ Chi (Gia Định)... các đơn vị chủ lực và lực lượng địa phương kiên quyết chống lấn chiếm nên giữ vững vùng giải phóng.

Trên phần lớn chiến trường, do sự chỉ đạo chưa cụ thể, lại nhấn mạnh nhiều vào hòa bình, hòa hợp nên cán bộ, chiến sĩ một số địa phương có tư tưởng “hòa bình xả hơi”, mơ hồ, mất cảnh giác. Sáu tháng đầu sau khi Hiệp định Paris có hiệu lực, lực lượng vũ trang Quân khu Sài Gòn - Gia Định và Quân khu 7 chưa phản ứng đúng mức đối với sự

lấn chiếm của địch, vì vậy ta bị mất khá nhiều vùng mới giải phóng được trong năm 1972. Cả hai quân khu đều gặp khó khăn trước tình hình này⁽¹⁾.

Tháng 6-1973, Trung ương Cục ra nghị quyết chấn chỉnh một bước về sự mơ hồ của các địa phương, đơn vị; xác định nhiệm vụ của lực lượng vũ trang là phải kiên quyết và chủ động thực hành phản công và tiến công, vừa đánh mạnh quân địch lấn chiếm, vừa mở rộng tiến công vào vùng sâu, vùng yếu, đánh kho tàng, hậu cứ địch... Đặc biệt, Nghị quyết nhấn mạnh vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang: đưa bộ đội chủ lực bước đầu tiến lên chính quy hiện đại, xây dựng bộ đội địa phương tỉnh, huyện thành những đơn vị gọn mạnh, trang bị tương đối hiện đại, phát triển rộng khắp dân quân du kích và nâng cao chất lượng tương ứng với các thứ quân khác.

Thực hiện Nghị quyết tháng 6-1973 của Trung ương Cục, Quân khu 7 chấn chỉnh lại lực lượng theo hướng tinh gọn là chủ lực quân khu và bộ đội tập trung tỉnh, tiếp tục bổ sung quân từ trên xuống và phát triển tại chỗ lực lượng huyện, xã. Một bộ phận chủ lực quân khu được rút về Miền,

1 Tính chung cả Khu 6 và Khu 7 bị địch lấn chiếm mất 308 ấp.

để tăng cường lực lượng chủ lực Miền. Vì vậy, lực lượng chủ lực Quân khu giảm xuống còn 3 trung đoàn. Tổng quân số của quân khu từ 19.123 người (1972) giảm xuống còn 16.367 người (1973).

Ở Quân khu Sài Gòn - Gia Định, lực lượng vũ trang nội đô được tập trung xây dựng lại. Đoàn biệt động 195 được thành lập gồm các đội 1, 3, 4, 5. Bên cạnh còn có các đội độc lập 7, 8, 9, 11, Z15, Z16, Z17, V20, V22, mỗi đội quân số tương đương một đại đội. Các đội vũ trang quần chúng của Thành đoàn, Hoa vận, Tuyên huấn, Công vận, Phụ vận, Binh vận được khôi phục lại. Các Ban Chỉ huy quân sự các quận nội thành được củng cố. Lực lượng chủ lực quân khu được tổ chức thêm một đại đội pháo, Đoàn 10 được bổ sung thêm một liên đội đặc công thủy (K77).

Tháng 9-1973, Nghị quyết 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (7-1973) được phổ biến toàn chiến trường B2: “Con đường của cách mạng miền Nam là con đường bạo lực cách mạng. Bất kể trong tình hình nào ta cũng phải nắm thời cơ, giữ vững đường lối tiến công để đưa cách mạng miền Nam tiến lên. Vấn đề giành dân, giành quyền làm chủ, phát triển thực lực của cách mạng là một

yêu cầu vừa bức thiết, vừa cơ bản trong giai đoạn mới”⁽¹⁾. Nghị quyết 21 đã làm thống nhất nhận thức, thay đổi tình hình của các quân khu và các địa phương ở miền Đông Nam Bộ. Cuối năm 1973, Quân khu Sài Gòn - Gia Định kiên quyết thực hiện Chỉ thị 86/CT của Khu ủy về uốn nắn các tư tưởng hữu khuynh, nâng cao ý thức cảnh giác và tinh thần tiến công địch.

2. Tiểu đoàn 4 bổ sung cán bộ, chiến sĩ cho lực lượng vũ trang huyện; hỗ trợ quần chúng đấu tranh chính trị đòi địch thi hành Hiệp định Paris; chiến đấu chống địch lấn chiếm, mở rộng vùng giải phóng, tạo thế và lực mới cho cách mạng tại địa phương (1973 - 1974)

Ngay sau Hiệp định Paris tháng 1-1973, để chuẩn bị cho chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”, cầm cờ lấn đất giành dân, ngụy quyền Sài Gòn đưa lực lượng Biệt khu Thủ Đô và bảo an ra đóng chốt khắp cả vùng bưng với tất cả 28 đồn, bót lớn nhỏ, riêng vùng Bưng Sáu Xã có tới 20 đồn, bót. Do chúng đóng quân rải rác khắp nơi nên việc càn quét, bom đạn cũng bị hạn chế, nhân dân đi lại dễ dàng hơn,

1 Quân khu 7, *Lịch sử lực lượng vũ trang Quân khu 7 (1945 - 2010)*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2010, tr. 159.

đó là thuận lợi cho ta, song tất cả khắp nơi lại đều có mặt bọn tề điệp trà trộn chỉ điểm nên sự di chuyển tác chiến của quân ta gặp nhiều khó khăn, dễ bị phát hiện.

Sáng ngày 28-1-1973, Tiểu đoàn 4 làm nòng cốt cùng với du kích và bộ đội địa phương liên tiếp đánh bật các mũi lấn chiếm của địch ở Long Trường, Phú Hữu, Phước Long, Tăng Nhơn Phú, An Phú, Bình Trưng.

Tiếp sau đó, nhiều trận đánh Tiểu đoàn 4 đã phải chịu thương vong đáng kể như trận đánh dữ dội với bọn bảo an ra lấn chiếm treo cờ ba sọc trên trục lộ 33, đoạn giữa Phước Tân và Phước Long.

Cùng với các lực lượng đứng chân trên địa bàn, Tiểu đoàn 4 vừa tổ chức đánh địch lấn chiếm, vừa vận động quần chúng đấu tranh chống âm mưu giành dân lấn đất, đóng đồn, bót trên vùng Bưng Sáu Xã. Tiểu đoàn đã tổ chức bao vây, tiến công chính trị, binh vận kết hợp với vây hãm bắn tỉa nhằm vô hiệu hóa hệ thống đồn, bót của địch. Viết thư ngỏ chữ to treo trên các con đường qua lại của chúng, cảnh báo: các đồn, bót đóng ở đâu ở yên đó, không được bung ra càn quét, đồn lá phá lùm, không được làm khó dễ, để nhân dân tự do đi lại

làm ăn, không được nổ súng bừa bãi, không chi viện ứng cứu nơi nào trong khu vực chốt. Bọn nào, đồn nào không chấp hành lời cảnh báo của ta, ta tổ chức phục kích chặn đánh chúng khi chúng hành quân hoặc trực tiếp dùng hỏa lực tiến công chúng ngay tại đồn, bắt khiến chúng rất hoang mang, hoảng sợ, bọn khác co vòi lại, không dám tung hoành lấn chiếm như lúc mới đến. Nhờ vậy, ta đã khống chế được phần lớn đồn, bắt ở đây. Riêng có đồn 10 chợ Nhỏ thuộc xã Tăng Nhơn Phú đóng sát sông Kinh - là đường đi lại của quân ta; lực lượng địch ở đồn có 01 trung đội, chúng rất ngoan cố không chịu làm theo những cảnh báo của ta nên Đại đội 1 quyết định đánh tiêu diệt đồn này để mở rộng đường di chuyển của ta. Hơn 10 tên lính bị tiêu diệt, số khác bị thương, một số tháo chạy. Ta hi sinh 3 đồng chí.

Nhờ làm tốt công tác dân vận, quần chúng đã chủ động tố giác và vạch mặt bọn mật thám, gián điệp ngấm trà trộn theo dõi phá hoại ta để bộ đội ta cảnh cáo bọn ít tội lỗi và trừng trị bọn có nhiều tội ác với cách mạng, từ đó đã tạo ra một vùng căn cứ của ta giữa các chi chốt đồn bắt địch, dân chúng được tự do đi lại làm ăn, âm mưu giành dân, tách

dân ra khỏi bộ đội để cắt đứt nguồn cung cấp hậu cần tiếp tế của địch đã bị thất bại.

Trong 2 năm 1973 - 1974, Tiểu đoàn 4 đã kiên trì bám trụ, ngoan cường chiến đấu, hạ và bức rút 28 đồn, bót địch; đánh chìm 2 tàu, bắn rơi 4 máy bay lên thẳng ở An Phú, Long Trường và Phước Long; đánh sập 7 cầu; giải tán 500 phòng vệ dân sự, thu trên 100 khẩu súng các loại. Cũng tại nơi đây, trong 2 năm đó, số địch bị chết, bị thương và đào ngũ lên tới gần 3.000 tên.

II. TIỂU ĐOÀN 4 THAM GIA CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH, GÓP PHẦN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM

1. Tình hình địch, ta và chủ trương của Đảng

Ngày 28-3-1975, khi bộ đội ta từ bốn phía tiến công vào Đà Nẵng, thì tướng Uýen, Tham mưu trưởng lục quân Mỹ đã đáp máy bay đặc biệt xuống Sài Gòn để gặp Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu bàn mưu tính kế phòng thủ Sài Gòn, cố giữ lấy Nam Bộ. Nguyễn Văn Thiệu muốn dựng tuyến phòng thủ theo chiều ngang kéo dài từ Tây Ninh đến Nha Trang, nhưng Uýen lại gợi ý tuyến phòng thủ này sẽ theo chiều dọc từ thị xã Phan Rang tới Xuân Lộc (Long Khánh), trong đó Xuân Lộc là tuyến phòng thủ then chốt. Uýen đích thân thị sát chiến trường

và đốc thúc quân ngự xây dựng tuyến phòng thủ để ngăn chặn ta từ Phan Rang.

Địch tổ chức phòng thủ Sài Gòn thành ba tuyến. Tuyến phòng ngự từ xa: Phan Rang, Xuân Lộc, Tây Ninh, sau khi các tuyến phòng thủ này bị phá vỡ, địch co về tăng cường phòng thủ tuyến ngoài mạnh ở Tân An, Hậu Nghĩa, Củ Chi, Đồng Dù, Lai Khê, Bến Cát, Phú Lợi, Biên Hòa, Long Bình. Địch đặc biệt chú trọng, tăng cường lực lượng cho hướng bắc, tây bắc và đông.

Trên tuyến phòng ngự từ xa, địch tập trung 4 sư đoàn và 4 lữ đoàn: Sư đoàn 22 (mới khôi phục) ở Tân An, Bến Lức (hướng tây, tây nam), Sư đoàn 25 đảm nhiệm hướng Tây Ninh - Hậu Nghĩa - Đồng Dù (hướng tây bắc), Sư đoàn 5 ở Lai Khê, Bến Cát (hướng bắc), Sư đoàn 18 ở Biên Hòa, Trảng Bom (hướng đông, đông bắc), hai lữ đoàn thủy quân lục chiến cùng Lữ đoàn 3 kỵ binh thiết giáp ở Long Bình, Biên Hòa, Lữ đoàn dù 1 giữ Bà Rịa.

Tuyến ngoại vi Sài Gòn do Lữ đoàn dù 4 và 3 Liên đoàn biệt động quân đảm nhiệm chia thành 4 khu vực phòng thủ (khu Bắc, khu Tây, khu Đông và khu Nam). Tại khu Đông, lực lượng của địch gồm Lữ đoàn dù số 4 và Liên đoàn bảo an 951, lực

lượng này đảm trách khu vực Gò Vấp, Thủ Đức và Quận 9.

Tuyến nội đô Sài Gòn được chia thành năm liên khu, mỗi liên khu gồm 2 quận hành chính do 17.000 cảnh sát và 2 biệt đoàn cảnh sát dã chiến cùng phòng vệ dân sự đảm trách giữ an ninh và chống xâm nhập, nổi dậy.

Như vậy, tổ chức phòng thủ của quân ngụy tập trung lực lượng mạnh ở vòng ngoài, nhưng bên trong mỏng và sơ hở, các mục tiêu quan trọng đều nằm trong tầm pháo của ta. Đây là những điểm yếu ta có thể khai thác.

Ngày 31-3-1975, Bộ Chính trị họp và nhận định: “Cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam không những đã bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt mà thời cơ để mở cuộc tổng tấn công và nổi dậy tại Sài Gòn - Gia Định đã chín muồi”⁽¹⁾. Ngày 1-4-1975, trong điện của Bộ Chính trị gửi các anh Bảy Cường, Sáu, Tuấn, Bí thư thứ nhất Lê Duẩn khẳng định: “Từ giờ phút này, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta đã bắt đầu... Tốt hơn

1 Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, *Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (1930 - 1975)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 886 - 887.

cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng 4 năm nay, không để chậm. Phải hành động “thần tốc, táo bạo, bất ngờ”⁽¹⁾.

Ngày 1-4-1975, Bộ Chính trị họp phiên bất thường để hạ quyết tâm về trận quyết chiến chiến lược cuối cùng. Bộ Chính trị nhận định: Chúng ta đã tiêu diệt và làm tan rã trên 35% sinh lực địch, lần đầu tiên tiêu diệt và loại khỏi vòng chiến đấu hai quân đoàn địch, tiêu diệt trên dưới 40% cơ sở vật chất hậu cần địch, giải phóng 12 tỉnh, đưa tổng số dân vùng giải phóng lên gần tám triệu... Cách mạng nước ta hiện nay đang phát triển sôi nổi nhất với nhịp độ “một ngày bằng 20 năm”. Trên cơ sở những đánh giá trên, Bộ Chính trị hạ quyết tâm: Nắm vững thời cơ chiến lược, hơn nữa, với tư tưởng chỉ đạo thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng, thực hiện tổng tiến công và nổi dậy trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng 4-1975, không thể để chậm.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam điện cho các đồng chí

1 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 36, Nxb. Chính trị Quốc gia, tr. 95 - 96.

Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Văn Tiến Dũng, Trần Văn Trà nói rõ ý kiến của Bộ Chính trị về các nhận định, về thời cơ và phương án giải phóng Sài Gòn theo tinh thần “thần tốc, thần tốc toàn thắng, nhất định toàn thắng”.

Ngày 6-4-1975, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định thành lập Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Chiến dịch giải phóng Sài Gòn gồm các đồng chí: Văn Tiến Dũng - Ủy viên Bộ Chính trị, Tư lệnh; Phạm Hùng - Ủy viên Bộ Chính trị, Chính ủy kiêm Bí thư Đảng ủy; Trần Văn Trà - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Phó Tư lệnh thứ nhất kiêm Tham mưu trưởng; Lê Đức Anh - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Phó Tư lệnh.

Ngày 7-4-1975, tại căn cứ Tà Thiết - bắc Lộc Ninh (miền Đông Nam Bộ), Trung ương Cục miền Nam, Quân ủy Miền đã họp với Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam bàn phương án hoạt động cụ thể trên mặt trận Sài Gòn dưới sự chủ trì của đồng chí Phạm Hùng - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Cục. Và cùng ngày 7-4-1975, Đại tướng Võ Nguyên Giáp gửi một bức điện khẩn vào chiến trường nhắc phải thực hiện kiên quyết: “Thần tốc, thần tốc hơn nữa. Táo bạo, táo bạo hơn nữa. Tranh

thủ từng giờ, từng phút, xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng”⁽¹⁾.

Ngày 8-4-1975, trong cuộc họp của Trung ương Cục, Đảng ủy và Bộ Tư lệnh chiến dịch tại căn cứ Tà Thiết, đồng chí Lê Đức Thọ thay mặt Bộ Chính trị phổ biến Nghị quyết thành lập Bộ Chỉ huy Chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định gồm:

- Đại tướng Văn Tiến Dũng - Ủy viên Bộ Chính trị làm Tư lệnh;

- Đồng chí Phạm Hùng - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Cục làm Chính ủy;

- Phó Tư lệnh là các đồng chí: Thượng tướng Trần Văn Trà; Trung tướng Lê Đức Anh; Trung tướng Lê Trọng Tấn (bổ sung ngày 22-4-1975); Trung tướng Đinh Đức Thiện (bổ sung ngày 22-4-1975).

- Phó Chính ủy kiêm Chủ nhiệm chính trị: Trung tướng Lê Quang Hòa.

- Quyền Tham mưu trưởng: Thiếu tướng Lê Ngọc Hiến.

1 Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng (hồi ức)*, Phạm Chí Nhân thể hiện, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 286.

Phụ trách công tác nổi dậy của quần chúng:
Đồng chí Nguyễn Văn Linh - Ủy viên Ban Chấp hành
Trung ương Đảng, Phó Bí thư Trung ương Cục.

Phụ trách công tác tiếp quản sau giải phóng:
Đồng chí Võ Văn Kiệt - Ủy viên Ban Chấp hành
Trung ương Đảng, Ủy viên Thường vụ Trung
ương Cục.

Đại diện Bộ Chính trị bên cạnh Bộ Chỉ huy
chiến dịch: Đồng chí Lê Đức Thọ - Ủy viên Bộ
Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Sở Chỉ huy cơ bản của Bộ Chỉ huy chiến dịch
đóng tại sóc Tà Thiết (Lộc Ninh), Sở Chỉ huy tiền
phương chiến dịch đặt tại Cẩm Xe (Bến Cát).

Phương án tác chiến của chiến dịch: Dùng một
bộ phận kiểm chế, bao vây, chia cắt địch, không cho
chúng co cụm về trung tâm nội đô Sài Gòn; tiêu
diệt và làm tan rã các sư đoàn chủ lực của địch ở
vòng ngoài; đồng thời dùng đại bộ phận lực lượng
nhanh chóng thọc sâu, đánh chiếm các địa bàn
then chốt ở vùng ven, mở đường cho các binh đoàn
cơ giới mạnh tiến nhanh, đánh thẳng vào năm mục
tiêu chủ yếu là: sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ Tổng
tham mưu, Biệt khu Thủ đô, Tổng nha Cảnh sát

và Dinh Độc lập; tạo điều kiện cho quần chúng nổi dậy giành chính quyền, giải phóng hoàn toàn thành phố Sài Gòn.

Ngày 12-4-1975, Ban Thường vụ Thành ủy ra chỉ thị hướng dẫn các cấp ủy Đảng về những việc cần làm ngay trong các giai đoạn: trước, trong và sau khi thành phố được giải phóng. Chỉ thị khẳng định: “Hiện nay chúng ta đang ở thời kỳ trực tiếp cách mạng tại thành phố, là giai đoạn tổng công kích, tổng khởi nghĩa để giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân”. “Thời cơ 20 năm mới có một lần!”.

2. Tiểu đoàn 4 trong Chiến dịch Hồ Chí Minh

Ngày 14-4-1975, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương thông qua kế hoạch giải phóng Sài Gòn - Gia Định.

Thể theo nguyện vọng của nhân dân và các lực lượng vũ trang trên chiến trường, trong đó có quân và dân thành phố Sài Gòn - Gia Định, ngày 14-4-1975, Bộ Chính trị đã gửi công điện số 37/TK cho Bộ Chỉ huy Chiến dịch giải phóng Sài Gòn phê chuẩn đề nghị của Bộ Chỉ huy chiến dịch đặt tên chiến dịch tiến công giải phóng Sài Gòn - Gia Định là Chiến dịch Hồ Chí Minh. 19 giờ ngày 14-4-1975,

Bộ Chỉ huy chiến dịch nhận được điện chấp thuận của Bộ Chính trị để chiến dịch giải phóng Sài Gòn được mang tên Bác Hồ kính yêu: Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Nhiệm vụ của Đảng bộ Sài Gòn - Gia Định trong chiến dịch lịch sử này là:

- Chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt để khi thời cơ đến, phát động quần chúng nổi dậy và tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ cơ sở lên đến trung ương.

- Lực lượng vũ trang địa phương vừa hỗ trợ cho nhân dân nổi dậy vừa có nhiệm vụ chiếm giữ các cầu trọng yếu, khống chế các trận địa pháo, sân bay của địch, chiếm các bàn đạp, mở đường và dẫn đường cho bộ đội chủ lực tiến vào và đánh chiếm các mục tiêu được phân công.

- Tạo mọi điều kiện cần thiết cho các binh đoàn chủ lực có chỗ tập kết, nhanh chóng triển khai lực lượng.

- Bảo đảm hậu cần tại chỗ cho chiến dịch (lương thực, thuốc men, nhân công và các phương tiện vận tải...).

Thường vụ Thành ủy kêu gọi toàn Đảng, toàn dân chấp nhận mọi hi sinh để hoàn thành sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc.

Thường vụ Thành ủy cũng khẳng định rằng: Trước hết phải giành chính quyền ở cơ sở, đập tan bộ máy kìm kẹp của địch ở xóm, phường, xã, xí nghiệp, trường học, chợ... Từ khởi nghĩa cơ sở nhanh chóng chuyển lên giành chính quyền ở từng quận và toàn thành phố, tiếp quản thành phố, phải nhanh chóng xây dựng chính quyền cách mạng, truy quét bọn tàn quân và thực hiện các chính sách của Chính phủ và Mặt trận đã đề ra.

Thành ủy cho phát hành những tài liệu quan trọng, như:

- Lời kêu gọi của Ủy ban nhân dân cách mạng Sài Gòn - Gia Định.

- Bảy điều về chính sách binh vận của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

- Mười chính sách đối với vùng giải phóng.

- Tài liệu hướng dẫn quần chúng hành động (trước, trong và sau khi tổng công kích - tổng khởi nghĩa).

Thành ủy còn tổ chức lại việc phân công chỉ đạo của các cánh A và B cho phù hợp với nhiệm vụ giải phóng thành phố. Theo đó, cánh B, gồm: Củ Chi,

Hóc Môn, Gò Vấp, Tân Bình, Thủ Đức và thị xã Gia Định. Tiểu đoàn 4 hoạt động trên địa bàn Nam Thủ Đức. Phụ trách cánh B là đồng chí Nguyễn Thành Thơ - Phó Bí thư Thành ủy.

Về lực lượng vũ trang, Thành đội rút một đơn vị bộ đội địa phương, dân quân, du kích và cả cán bộ dân, chính của các ngành, các cơ quan đóng ở Củ Chi để thành lập thêm Trung đoàn Gia Định 2 lấy tên là Trung đoàn Đất Thép. Trung đoàn có 800 cán bộ, chiến sĩ, trong đó gần phân nửa là đảng viên, đã không quản ngày đêm ra sức rèn luyện và học tập để tham gia chiến dịch. Trung đoàn Quyết thắng (Gia Định 1) cũng được củng cố và bổ sung thêm một đại đội. Phần lớn bộ đội của các huyện ngoại thành đã được biên chế thành các đại đội. Riêng Củ Chi, Thủ Đức biên chế đến tiểu đoàn. Chỉ trong một thời gian ngắn, lực lượng vũ trang toàn thành đã có hai trung đoàn và bốn tiểu đoàn tập trung; mỗi quận, huyện trung bình có từ một đến hai đại đội; gần 3.500 dân quân, du kích, hàng ngàn tự vệ, du kích mật. Tổng quân số lực lượng vũ trang của thành phố tham gia chiến dịch lên đến 10 vạn người được bố trí trên các hướng:

- Hướng tây bắc: Quân đoàn 3. Mục tiêu nội đô, sân bay Tân Sơn Nhất. Phối hợp mở đường trên hướng này có Trung đoàn 1 Gia Định và Tiểu đoàn 4 Gia Định.

- Hướng bắc: Quân đoàn 1. Mục tiêu nội đô: Bộ Tổng tham mưu nguy. Phối hợp trên hướng này còn có Trung đoàn đặc công 115, Tiểu đoàn 80, Z20, Z28, Z31 biệt động và Trung đoàn 2 Gia Định.

- Hướng đông và đông nam: Quân đoàn 4 và Quân đoàn 2. Mục tiêu: Dinh Độc Lập. Phối hợp có các Trung đoàn 10, 116 và 113 đặc công, Tiểu đoàn 81, Z22, Z23, biệt động và Tiểu đoàn 4 Thủ Đức.

- Hướng tây nam và nam: Binh đoàn cánh tây nam và nam (gồm nòng cốt là Đoàn 232, được bổ sung Sư đoàn 9, Trung đoàn 16, Trung đoàn 271B, Sư đoàn 8 Quân khu 8 và một số tiểu đoàn tăng, pháo, công binh). Mục tiêu: Biệt khu Thủ đô và Tổng nha Cảnh sát. Phối hợp có các Trung đoàn 117 và 429 đặc công, Tiểu đoàn 82, Z25, Z10 biệt động, các Tiểu đoàn 197, 198 Thành đội.

Ngày 17-4-1975, các chiến sĩ Tiểu đoàn 4 cùng một đội đặc công nước đánh sập cầu Gò Công. Từ

ngày 18-4 đến 24-4-1975, Tiểu đoàn 4 phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương và du kích liên tục tiến công các đồn Vàm Nước Đục, Bà Đỏ Lớn, Rạch Sỏi, Bà Ký, Rạch Giáng, Lân Ngoài... mở rộng và bảo vệ đường liên lạc thông suốt giúp cho lực lượng cấp trên (Lữ biệt động 316; 1 tiểu đoàn của Trung đoàn Đặc công 116 Miền...) chỉ cần từ 16 giờ chiều đến 22 giờ đêm từ vàm Nước Trong (Long Thành) vượt qua sông Đồng Nai về bưng Trường Lưu - Nước Đục và qua đến Rạch Đồng, Bà Vạc... sát xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa (xa lộ Hà Nội) để thực hiện nhiệm vụ tác chiến.

Ngày 22-4-1975, thay mặt Bộ Chính trị, đồng chí Lê Duẩn điện cho Bộ Chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh với nội dung: Thời cơ quân sự và chính trị đã mở, cuộc tiến công vào Sài Gòn đã chín muồi, ta cần tranh thủ từng ngày, kịp thời phát động tiến công địch trên các hướng, không thể chậm. Nếu để chậm thì không có lợi cả về quân sự và chính trị. Kịp thời hành động lúc này là bảo đảm chắc thắng, giành thắng lợi hoàn toàn.

Chiến dịch giải phóng Sài Gòn đã được Bộ Chính trị và Bộ Chỉ huy chiến dịch nhất trí theo phương án: Trước hết, các đơn vị thực hiện bao vây,

chia cắt, cô lập quân địch ở Sài Gòn, không cho địch rút về đồng bằng sông Cửu Long hay ra biển, tiêu diệt và làm tan rã các đơn vị chủ lực địch ở vòng ngoài, chiếm các bàn đạp để đưa các đơn vị đột kích tiến nhanh vào nội đô (nhưng bỏ qua các cụm cứ điểm mạnh của địch ở vòng ngoài như Tây Ninh, Lai Khê, Phước Vĩnh, đánh thẳng vào tuyến hai hoặc ngoại vi nơi địch phòng thủ yếu hơn). Cùng lúc, bộ đội địa phương và đặc công, biệt động đánh chiếm các đầu cầu, các bàn đạp then chốt ở vùng ven, mở đường cho các sư đoàn đột kích đánh chiếm 5 mục tiêu trọng yếu trong nội đô. Ngày N của chiến dịch sẽ là ngày 26-4-1975.

Để chuẩn bị cho cuộc tiến công và nổi dậy, ở nội thành và vùng ven lực lượng cách mạng có hơn 3.000 cán bộ đứng chân (trong đó có 1.290 đảng viên), hơn 10.000 quần chúng nòng cốt, 40 lữ chính trị với 7.000 quần chúng đã giành được quyền làm chủ ở các mức độ khác nhau, 400 tổ chức công khai và bí mật với gần 25.000 người do ta nắm, 30.000 quần chúng sẵn sàng nổi dậy.

Lực lượng vũ trang thành phố được tổ chức, biên chế lại theo yêu cầu chiến dịch, Tiểu đoàn 4 Thủ Đức được củng cố:

- Đồng chí Huỳnh Kia, Tiểu đoàn trưởng;
- Đồng chí Nguyễn Văn Be, Chính trị viên;
- Đồng chí Võ Văn Hữu, Tiểu đoàn phó thứ nhất;
- Đồng chí Nguyễn Văn Trí, Tiểu đoàn phó thứ hai;
- Đồng chí Út Minh, Tiểu đoàn phó thứ ba;
- Đồng chí Võ Văn Trung, Chính trị viên phó;
- Đồng chí Phạm Thanh Cường, Trợ lý Tham mưu;
- Đồng chí Lê Văn Sa, Trợ lý Chính trị.

Tiểu đoàn được biên chế thành ba đại đội: Đại đội 1, Đại đội 2, Đại đội 3. Trong đó, Đại đội 3 là đại đội K85 dự bị, Đại đội 2 là Đại đội địa phương Thủ Đức tăng cường. Tổng quân số của Tiểu đoàn hơn 120 đồng chí, được trang bị vũ khí đầy đủ.

17 giờ ngày 26-4-1975, chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu. Từ ngày 26-4-1975 đến ngày 28-4-1975, các quân đoàn và lực lượng vũ trang địa phương tiến công tuyến phòng thủ trực tiếp bảo vệ Sài Gòn, cắt các đường quốc lộ và đường sông nối với Sài Gòn, thực hiện triệt để bao vây cô lập Sài Gòn.

Trên hướng đông - đông nam, 9 giờ sáng ngày 27-4-1975, Tiểu đoàn 4 nhận mệnh lệnh tham gia

Tổng tiến công với các nhiệm vụ cụ thể. Tiểu đoàn lập tức triển khai việc điều động quân, chuẩn bị phương án tác chiến, chuẩn bị vũ khí, khí tài trang bị và hậu cần. Cuộc họp của Ban Chỉ huy Tiểu đoàn với các cán Bộ Chỉ huy từ cấp trung đội trở lên, nhất trí thông qua phương án tác chiến, giao nhiệm vụ tác chiến cho từng đơn vị trong Tiểu đoàn, kết hợp cùng các đơn vị bạn vận động tập kích đánh chiếm và giữ các trọng điểm giao thông trên tuyến xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa.

18 giờ ngày 27-4-1975, toàn Tiểu đoàn có mặt tại địa điểm tập kết, riêng Đại đội 3 của Tiểu đoàn ở Long Trường không kịp tập trung. Ban Chỉ huy Tiểu đoàn thống nhất lấy Đại đội 2 đánh mũi nhọn. Do phải đánh, chiếm và giữ nên Tiểu đoàn không nổ súng tiến công sớm để đề phòng địch dùng binh hỏa lực mạnh phản kích có thể khiến ta không đảm bảo chiếm giữ đến 9 giờ sáng 28-4-1975 theo hiệp đồng.

1 giờ sáng 28-4-1975, Tiểu đoàn 4 chia thành 2 mũi tiếp cận mục tiêu. 4 giờ 30 phút phát lệnh nổ súng tiến công. Ngay những phút đầu tiên quân ta đã tiêu diệt chốt tiền tiêu của địch tại cầu Đen, diệt 6 tên, thu vũ khí và phát triển đánh thẳng về phía cầu

Sài Gòn. Lực lượng địch bảo vệ cầu Sài Gòn với hỏa lực cực mạnh chống trả rất quyết liệt. Tiểu đoàn cắt cử một bộ phận quân bọc bên phải đánh lòn xuống dưới dạ cầu. Trong vòng 15 phút ta tiêu diệt 8 tên, bắt 2 tên, thu 2 đại liên, 1 súng M79, 2 súng M16, số còn lại quăng vũ khí, nhảy xuống sông tẩu thoát. Lực lượng Tiểu đoàn 4 làm chủ hoàn toàn khu vực đầu cầu phía Đông. Tiểu đoàn kiểm tra lại quân số, vũ khí, trang bị và cho đào công sự sẵn sàng đánh địch phản kích tái chiếm cầu.

8 giờ 45 phút sáng 28-4-1975, địch dùng canô, xuống máy chuyển một tiểu đoàn cảnh sát dã chiến từ Tân Cảng sang khu vực An Phú. Chúng lập tức triển khai đội hình chiến đấu và sau một đợt hỏa lực phi pháo và rốc-két dội xuống khu vực đầu cầu, chúng tổ chức tiến công hòng chiếm lại đầu cầu phía Đông. Cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 4 dựa vào các lô cốt và công sự mới đào dùng đại liên tiêu diệt lực lượng vượt sông của địch, đẩy lùi cuộc phản công của chúng.

Sau khi phản công chiếm lại cầu Rạch Chiếc, chúng rảnh tay dồn hết binh, hỏa lực về đánh chiếm lại cầu Sài Gòn, với nhiều mũi phản công

cùng một lúc. Cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 4 không hề nao núng, ngoan cường đánh trả hết đợt phản công này đến đợt phản công khác từ nhiều hướng của kẻ thù tại điểm đầu cầu phía Đông.

10 giờ ngày 28-4-1975, địch dùng phi pháo từ các tàu chiến đậu ở Tân Cảng tập trung quyết liệt nã liên tục vào khu vực đầu cầu. Để tránh thương vong, Chỉ huy Tiểu đoàn cho lui quân về hướng Thảo Điền, trụ lại đến 22 giờ đêm 28-4-1975 thì rời khỏi trận địa. Ngày 29-4-1975, Tiểu đoàn 4 cùng lực lượng du kích tổ chức đánh địch, giải phóng xã Bình Trưng. Tiếp đó, rạng sáng 30-4-1975, phối hợp với Quân đoàn 2, sau hai lần tiến công đã chiếm được cầu Đồng Nai và vận động tiến công giải phóng nhiều địa điểm quan trọng trên hướng tiến công phía đông.

6 giờ sáng 30-4-1975, theo mệnh lệnh của Bộ Chỉ huy chiến dịch, các cánh quân đồng loạt tiến công vào nội thành. Đúng 9 giờ 30 sáng, qua Đài phát thanh Sài Gòn, Tổng thống ngụy quyền Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng và kêu gọi quân đội ngụy không tiếp tục chống cự. Tuy vậy, Bộ Chỉ huy chiến dịch hạ lệnh cho các cánh quân tiếp tục tiến công chiếm các mục tiêu như kế hoạch.

Trên mặt trận hướng đông, khoảng 10 giờ sáng 30-4-1975, phát hiện xe tăng của ta vượt qua cầu Đồng Nai, địch vội vàng di chuyển từ Bình Thái sang Bình Trưng, từ Long Bình, Phước Long về lộ 33, băng qua Thủ Thiêm về Sài Gòn, đến khu vực căn cứ vùng Bưng Sáu Xã thì gặp phải lực lượng Tiểu đoàn 4. Không còn đường thoát, địch buộc phải đầu hàng, giao nộp toàn bộ vũ khí, khí tài, quân trang quân dụng gồm 380 khẩu súng các loại, nhiều đạn dược và điện đài... Ta bắt 400 tù binh. Trưa 30-4-1975, Tiểu đoàn 4 cùng du kích và nhân dân trên địa bàn tiếp tục tiến công địch, bức hàng bức rút các đồn, bót, chiếm các trụ sở tế xã, đồn, bót, giải phóng quê hương; phối hợp với lực lượng biệt động Z23 chiếm một số nhà máy quan trọng như: nhà máy xi măng Hà Tiên, nhà máy điện Thủ Đức. Nhờ đó, điện ở thành phố không bị gián đoạn trong ngày 30-4. Trưa 30-4-1975, thành phố Sài Gòn ngập trong rừng cờ. Một hình ảnh vô cùng xúc động vào phút chuyển giao giữa hai chế độ. Cùng lúc với Sài Gòn, trên các tỉnh miền Đông Nam Bộ, lực lượng vũ trang cách mạng và nhân dân tiến công giải phóng các thị xã còn lại. Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn đã toàn thắng, Sài

Gòn - Gia Định và cả miền Đông Nam Bộ đã được giải phóng. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh: Quân dân Sài Gòn - Gia Định đã diệt và làm tan rã 31.000 tên địch, bắt sống 12.619 tù binh, chiếm 9 căn cứ quân sự, 5 chi khu, 21 phân chi khu và trụ sở tề... thu 12.275 súng và gần như toàn bộ hồ sơ các cơ quan từ Phủ Tổng thống trở xuống. Tổng số quân ngụy, cảnh sát trình diện là 50 vạn tên.

* * *

Trong những năm tháng cuối cùng của cuộc chiến tranh, Tiểu đoàn 4 đã trực tiếp tham gia vào Tổng tiến công nổi dậy mùa Xuân 1975 và Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, góp phần tạo thế và lực, tạo những điều kiện hết sức thuận lợi cho các đơn vị chủ lực trên mặt trận hướng đông tiến công vào nội đô, thực hiện thắng lợi trọn vẹn trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Bằng chiến công cuối cùng ấy, Tiểu đoàn 4 Thủ Đức đã đi hết chặng đường lịch sử 10 năm “kiên quyết bám trụ, đứng chân vững chắc, giữ vững thế bao vây áp sát trung tâm đầu não địch, cùng các tiểu đoàn mũi nhọn khác ở ven đô và nội thành sẵn sàng lực lượng và

tư thế tiến công vào dinh lũy cuối cùng của kẻ thù”. Sau chiến thắng 30-4-1975, Tiểu đoàn được bổ sung 200 tân binh, biên chế thành hai tiểu đoàn. Một tiểu đoàn được điều động về Sở Công an Thành phố; tiểu đoàn còn lại, một số được Bộ Tư lệnh Thành rút về tăng cường cho nội thành⁽¹⁾. Tháng 9-1976, một số đồng chí còn lại trong Tiểu đoàn mới của Thủ Đức được gộp vào cùng Bình Thạnh và Hóc Môn thành lập Tiểu đoàn 5 Quyết thắng, tiếp tục chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc.

1 Đồng chí Huỳnh Kia và đồng chí Nguyễn Văn Be cùng một số cán bộ, chiến sĩ được tăng cường về Ban Chỉ huy Quân sự quận Thạnh Mỹ Tây (quận Bình Thạnh); đồng chí Võ Nết được điều về Ban Chỉ huy quân sự Quận 10.

KẾT LUẬN

Tiểu đoàn 4 Thủ Đức được thành lập năm 1965, tại Lò Gò (Tây Ninh); là một trong năm tiểu đoàn mũi nhọn của Quân khu Sài Gòn - Gia Định trong “Kế hoạch X”. Quân số ban đầu của Tiểu đoàn là 340 cán bộ, chiến sĩ được chia thành 4 đại đội. Tháng 8-1965 trở về vùng Bưng Sáu Xã Nam Thủ Đức với nhiệm vụ: phá thế phân tuyến chia vùng của địch, bám trụ đến cùng trên chiến trường quê hương, với tư cách một tiểu đoàn mũi nhọn, sẵn sàng lực lượng và tư thế tiến công sào huyệt cuối cùng của địch khi có lệnh.

Mười năm ròng rã kiên cường bám trụ, chiến đấu dũng cảm trên chiến trường ven đô Nam Thủ Đức ngay cửa ngõ Đông Bắc Sài Gòn với địa hình sông nước đầy sinh lầy trong tình thế bất lợi về mọi

mặt, có lúc tưởng chừng như không còn bám trụ nổi, Tiểu đoàn 4 Thủ Đức đã luôn thể hiện tinh thần chấp hành nghiêm kỷ luật, ý chí quyết tâm cao, sự kiên trung và lòng dũng cảm, không tiếc máu xương, không sợ hi sinh, khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, vượt qua mọi thử thách lại được sự che chở, đùm bọc của nhân dân, được sự chỉ huy, chỉ đạo của Quân khu ủy và sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy Nam Thủ Đức nên Tiểu đoàn đã từng bước đập tan những âm mưu thâm độc của Mỹ - ngụy, giành thế chủ động trên chiến trường, làm tốt công tác dân vận, thanh vận, bổ sung 40 thanh niên địa phương cho đơn vị, xây dựng được nhiều cơ sở trong dân (“địa đạo lòng dân”), được nhân dân vùng bưng tin tưởng, thương yêu giúp đỡ, làm nòng cốt xây dựng lực lượng cách mạng ở địa phương. Có lúc do địch càn quét, lực lượng ta tổn thất nhiều, một số xã thiếu cán bộ, Tiểu đoàn đã cử cán bộ của Tiểu đoàn xuống làm Bí thư Chi bộ và Xã đội trưởng. Tiểu đoàn 4 đã biết phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, kết hợp nhuần nhuyễn giữa đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị và binh vận. Vận dụng sáng tạo, linh hoạt chiến thuật của chiến tranh nhân dân: đánh nhỏ, đánh vừa, đánh tập trung, tiêu hao, tiêu diệt

địch mở rộng địa bàn một cách mưu trí và khôn khéo. Sử dụng lực lượng một cách hợp lý phù hợp với điều kiện chiến trường, đánh địch bên ngoài, đánh địch bên trong, đánh ngày, đánh đêm, đánh du kích, đánh phục kích hoặc dàn quân đánh trực diện, vận dụng một cách hiệu quả yếu tố bí mật bất ngờ trong tác chiến. Kết hợp sử dụng vũ khí hiện đại với vũ khí thô sơ, từ thủ pháo, đại liên, trung liên tới chông, mìn, trái nổ tự tạo, cạm bẫy để tiêu diệt quân thù. Tiểu đoàn đã sát cánh cùng với quân dân địa phương diệt ác, phá kìm, đánh bọn bình định với việc sử dụng thành thạo ba mũi giáp công với ba thứ quân một cách sáng tạo đầy hiệu quả. Trong 10 năm chiến đấu không ngơi nghỉ, Tiểu đoàn 4 đã tổ chức đánh địch trên 200 trận lớn nhỏ, tiêu diệt và loại khỏi vòng chiến trên 1.500 tên địch, trong đó có 200 tên lính Mỹ và chư hầu; bắn cháy 10 xe tăng và xe bọc thép, phá hủy 80 xe vận tải các loại; bắn chìm 7 tàu, xuống chiến đấu; bắn rơi 6 máy bay, bắn trọng thương 4 chiếc khác; phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, thu hơn 500 súng các loại và nhiều đạn dược, quân trang, quân dụng.

Với những thành tích có được, Tiểu đoàn 4 được khen thưởng 21 Huân chương Chiến công hạng Hai và hạng Ba. Có 4 cá nhân được tuyên

dương Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân; có 1 cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ Thi đua toàn Miền; có 24 chiến sĩ được công nhận Dũng sĩ diệt Mỹ. Đặc biệt, năm 2010, Tiểu đoàn 4 được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân để ghi nhận thành tích đặc biệt xuất sắc của Tiểu đoàn trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Để có những chiến công hiển hách đó, Tiểu đoàn 4 đã phải chịu những tổn thất to lớn: 434 cán bộ, chiến sĩ anh dũng hi sinh, trong đó có 5 đồng chí là cán bộ Tiểu đoàn; 8 đồng chí là cán bộ Đại đội; 16 đồng chí là cán bộ trung đội; còn lại 405 đồng chí là cán bộ tiểu đội và chiến sĩ. Hàng trăm đồng chí khác bị thương và để lại một phần thân thể của mình trên đồng đất vùng bưng Nam Thủ Đức. Tới ngày giải phóng, quân số của Tiểu đoàn còn 120 người. Danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân mà Đảng và Nhà nước xét phong tặng cho Tiểu đoàn 4 như một nén nhang thiêng liêng được gửi tới hương hồn của 434 cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 4 vĩnh viễn nằm lại trong lòng đất mẹ, trên địa danh vùng Bưng Sáu Xã anh hùng của vùng đất Nam Thủ Đức.

Năm tháng sẽ qua đi, tiếng bom đạn sẽ không còn găm thét, đau thương mất mát sẽ lùi dần vào dĩ vãng, nhưng chiến tích lẫy lừng của Tiểu đoàn 4 Thủ Đức trong cuộc kháng chiến thần thánh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, vẫn cứ còn sống mãi với thời gian. Tổ quốc và đồng bào vùng Nam Thủ Đức mãi mãi ghi công và nhớ ơn sự hi sinh cao cả của cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 4 trong cuộc kháng chiến thần thánh chống đế quốc Mỹ xâm lược, giành độc lập dân tộc và tự do cho đất nước, quê hương.

PHỤ LỤC



I. HỒI ỨC - HỒI KÝ

NHỚ NHỮNG NĂM THÁNG CHIẾN ĐẤU TRONG LÒNG DÂN



VÕ NẾT

Nguyên Chính trị viên Tiểu đoàn 4

Tôi tham gia kháng chiến từ năm 1947, tại huyện Thủ Đức. Suốt 7 năm kháng chiến ở chiến trường Thủ Đức (1947-1954), tôi luôn nhận được sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng và sự thương yêu đùm bọc, che chở và nuôi dưỡng của nhân dân.

Khi bị thương, tôi không về được trạm xá, mà phải bám trụ tại khu rừng chồi cách nhà dân 300m thuộc xã Phước Long, huyện Thủ Đức. Hàng đêm, các đồng chí trong đơn vị ra nhà dân móc nối cơ sở lấy lương thực, thực phẩm và thuốc men về chữa trị vết thương cho tôi. Ở đó có gia đình ông Trần Văn Gừng (Sáu Gừng). Hai vợ chồng chuyên nghề chài lưới ở sông. Tôi bị thương 5 ngày, không ra nhà ông được, ông hỏi anh em: “Sao tao không thấy thằng Nết?”, anh em nói thật là tôi bị thương. Ông hết sức lo lắng, hỏi liên tục: “Nặng không?”. Sau đó, mỗi ngày ông tự mua thuốc tây, băng gạc về để trị thương cho tôi. Có một điều tôi nhớ nhất là mỗi khi chài có cá tôm, ông chỉ bán cá, còn tôm để lại làm thức ăn gửi ra cho tôi và nói “bị thương ăn tôm bồi thịt, mau lành”, chính vì thế, đây là kỷ niệm tôi nhớ suốt đời.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tôi hoạt động, chiến đấu tại chiến trường Thủ Đức từ

năm 1965 đến năm 1968. Tại nơi đây, tôi lại được sống trong sự yêu thương đùm bọc của nhân dân; cũng là các má, các chị năm xưa đã nuôi dưỡng và chăm lo ăn ở; làm cơ sở nắm tin tức của địch để phục vụ cho đơn vị vào công tác ở ấp, xã (làm ám hiệu liên lạc) và tiếp tế về mặt tài chính. Năm 1967, tôi bị quân Mỹ bắn bị thương, địch đóng chốt ở gò Chuông Tre (nay thuộc phường Trường Thạnh), cắt đứt toàn bộ liên lạc về hậu cứ quân y ở ấp Xóm Bến, xã Tăng Nhơn Phú (nay thuộc phường Tăng Nhơn Phú A). Trước khi bị thương, tôi và đơn vị thường vào công tác ở ấp và gia đình má Ngô Thị Tốt. Lúc tôi bị thương không về quân y được, một đồng chí đi theo bảo vệ tôi vào báo cho má biết. Nghe tin, má bảo đem tôi vào để má lo. Nhà má gần sông, có con rạch chạy vào 30m. Má để tôi nằm dưới xuồng (vì không đi được), mỗi ngày má cho con gái là Dương Thị Huệ đi mua thuốc, bông băng về để chữa trị vết thương cho tôi. Địch ở bót Giây Thép thường xuyên hoạt động gần nhà má, vì vậy, má bảo không để anh em nào ở lại; mọi việc hàng ngày cử cô con gái đi rao đầu xóm, nếu có gì động tĩnh thì đẩy xuồng qua sông. Sau 20 ngày chữa trị, vết thương của tôi hoàn toàn bình phục, tôi trở về đơn vị tiếp

tục chiến đấu trong vòng tay yêu thương, đùm bọc, che chở của nhân dân cho đến ngày thắng lợi, miền Nam hoàn toàn giải phóng, nước nhà được thống nhất vẹn toàn.

CÙNG CÁN BỘ, CHIẾN SĨ TIỂU ĐOÀN 4 TRONG CHIẾN DỊCH MẬU THÂN (1968) VÀ CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH (1975)



HUỲNH KIA

Nguyên Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 4

1. Chiến dịch Mậu Thân (1968)

Năm 1966, sau hai lần bị thương bởi bom bi và pháo, tôi được cho đi điều trị, an dưỡng ở Rừng Sác (khu vực Phước An, Nhơn Trạch) và về xã Phước

Thọ ở chung với bộ phận Hậu cần do Huỳnh Văn Cây (Tư Cây) phụ trách.

Cuối năm 1967, tôi có quyết định về làm Chính trị viên Đại đội 2/Tiểu đoàn 4. Đơn vị đóng tại ấp Vườn Cau, xã Long Trường. Theo các chuyến giao liên, tôi về đơn vị lúc 21 giờ đêm 30 Tết. Tuy nhiên, do cán bộ, chiến sĩ đơn vị vào ấp chiến lược chúc tết và ăn tết với gia đình cơ sở nên mãi tới gần 2 giờ sáng mừng 1 Tết tôi mới gặp được Ban Chỉ huy Đại đội. Lúc này, Ban Chỉ huy Đại đội gồm: Đại đội trưởng Nguyễn Văn Đó (Năm Đó), Đại đội phó Nguyễn Văn Thi, Chính trị viên phó Lê Văn Thuận (Hai Thuận). Sau khi gặp mặt, hỏi thăm, trò chuyện, tôi định đợi trưa xuống thăm cán bộ, chiến sĩ hai trung đội (vì xa nhau quá lâu, từ năm 1965 đến 1967).

Khoảng 10 giờ ngày mừng 1 Tết Mậu Thân (1968), đồng chí liên lạc đưa thư hỏa tốc của Tiểu đoàn, trong đó yêu cầu Đại đội 2 tổ chức hành quân xuống bố trí tại Bờ Dừa 508 gần lộ 20, ngã ba Cát Lái. Trưa mừng 2 Tết, cán bộ tham mưu thuộc Phân khu 4 đến phổ biến chiến dịch Mậu Thân và giao nhiệm vụ. Theo đó, Đại đội 2 có nhiệm vụ vượt sông đánh chiếm đầu cầu phía tây của cầu Xa Lộ (cầu Sài Gòn) sau đó đánh chiếm Tân Cảng. Giờ G là 3 giờ ngày mừng 3 Tết.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, 19 giờ ngày mừng 2 Tết, Đại đội 2 tổ chức hành quân vượt xa lộ, qua sông Sài Gòn triển khai đội hình sẵn sàng chiến đấu. Đến giờ G theo quy định, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 2 đồng loạt nổ súng, đồng thời kêu gọi địch đầu hàng. Địch được chi viện xe tăng và trực thăng đã bắn trả quyết liệt vào đội hình Đại đội 2. Trước tình hình đó, Đại đội 2 phải rút vào khu nhà dân mượn ghe để vượt sông rút lui. Lúc này, trực thăng và xe tăng địch đã qua cầu, chúng thả pháo sáng như ban ngày, trước tình hình đó tôi không cho anh em lên bờ mà tổ chức dẫn bộ ghe qua kho dầu, nhà mát của Mỹ (đoạn cua Cầu Kinh) rồi đâm qua xóm Chày ấp 10, xã Bình Quới và bám trụ tại đây. Trong thời gian bám trụ tại ấp 10, xã Bình Quới, Đại đội 2 đã phối hợp tổ chức đánh tiêu diệt bót bình địa, tập kích tiêu hao nặng một đại đội bảo an, yểm trợ cho công binh đánh sập cầu Kinh, yểm trợ cho lực lượng biệt động vượt sông bắt liên lạc tại khu vực đình Cầu Sơn.

Tháng 4-1968, Đại đội 2 được lệnh bàn giao địa bàn cho Tiểu đoàn 3 Dĩ An và rút về đóng quân tại vùng bưng.

2. Chiến dịch Hồ Chí Minh (4-1975)

Sau Tết đầu năm 1975 tôi đi về Củ Chi họp tổng kết năm 1974 của huyện Thủ Đức. Sau cuộc họp, Bộ

Tư lệnh Quân khu Sài Gòn - Gia Định rút tôi ở lại bố trí làm cán bộ tác chiến Phòng Tham mưu. Tranh thủ mới về, tôi xin đi Lộc Ninh trị bệnh sốt rét và gan. Quân y Phòng Tham mưu viết giấy giới thiệu cho tôi đi điều trị bệnh. Đến ngày 10-4-1975 xuất viện về tới Phòng Tham mưu, tôi xin nhận công tác.

Phòng Tham mưu Quân khu cấp giấy giới thiệu và cấp 2 xe đạp, tôi cùng với đồng chí Năm Linh - Huyện đội trưởng đi về. Hai chúng tôi đạp xe đi trưa 19-4 đến chiều 20-4-1975 về tới trạm bắc Quốc lộ 1, gặp chuyển Năm Linh đi về trước. Tôi đau sưng chân không đi được buộc phải ở lại, ban ngày nấu nước ngâm chân, tối theo dõi pháo bắn hai đêm 21 và 22, sáng 23 tôi cùng giao liên ở trạm Hưng Nghĩa nam Quốc lộ 1. Chúng tôi đi ngay ấp Hưng Nghĩa thì gặp tổ cảnh giới đơn vị thuộc Quân đoàn 4, xin gặp cán bộ. Vào gặp, tôi trình giấy giới thiệu của Tổng Tham mưu Quân khu Sài Gòn - Gia Định. Xuống hầm chỉ huy, các cán bộ cho ăn lương khô, uống café, chỉ đường đi vòng và nói bót ngã ba đơn vị mới tiêu diệt tối hôm 22-4, lúc này khoảng 10 giờ. Tôi xin phép đi và đi bằng ngang cánh đồng gần 1km lên bót rồi vào trong ấp nấu cơm, tôi đi dọc ra Quốc lộ. Vào ăn cơm thì pháo bắn dọc ven rừng và dưới ấp, cơm xong khoảng 13 giờ hai chúng tôi ra về trạm, kể lại, chờ nước sôi, ăn bánh kẹo và uống trà.

Sáng 24 tôi tự đi về trạm Suối Cả, tối 25 qua Đồng Nai, tới trạm tôi qua sông tắt và trạm tắt ngã ba Đình. Tôi tự đi về tối ngày 25 theo chuyến giao liên đi về tiền phương cách khoảng 3 giờ sáng ngày 27-4-1975.

Khoảng 6 giờ sáng cán bộ Lữ đoàn 316 đến báo và nhận đánh giữ cầu Rạch Chiếc, báo giờ G là 3 giờ sáng, xong đồng chí đi về triển khai đơn vị...

Đồng chí Tư Đạt viết thư mời cán bộ Huyện - Biệt động tới họp, đồng chí quyết định Đại đội 1/ Tiểu đoàn 4 bổ sung số biệt động là Đại đội 1, Đại đội 2, Đại đội địa phương Huyện, Đại đội là K85 và quyết định họp Ban Chỉ huy Tiểu đoàn. Đêm 27-4, Đại đội 1, Đại đội 2 hành quân cùng cán bộ đi trước, tôi chờ K85 lên phổ biến và đi sau. Tôi và K85 tới sau gần 5 giờ sáng gặp Chính trị viên Tư Be và Hai Hữu Tiểu đoàn 1 thống nhất cho nổ súng. Sau 5 phút nổ súng, ta chiếm được lô cốt. Địch phản kích mạnh, hai hướng Quận 9 Thủ Thiêm và xa lộ từ ngã ba cắt xuống, Đại đội 2 rút vào trụ trong Thảo Điền tới tối. Khoảng 20 giờ ngày 28-4 cán bộ Tiểu đoàn và trợ lý đại đội đến chỉ huy Tiểu đoàn họp: biết được ta hy sinh 2, bị thương 5, có 1 rất nặng, tới 5 giờ sáng hy sinh. Trong cuộc họp có 2 ý kiến: một là rút về nhận nhiệm vụ khác, hai là trụ lại và cho liên lạc về báo cáo. Cả hai ý kiến đều có lý lẽ. Ban

Chỉ huy Tiểu đoàn không có ý kiến. Nếu trụ lại thì ngày 29-4 có binh lính tàn quân về ở đây. Tôi trao đổi với đồng chí Tư Be Chính trị viên, nhất trí, tôi quyết định cho rút và cho Đại đội 2 về địa phương vì nhiệm vụ của Tiểu đoàn là chiếm hai đầu cầu đã hoàn thành, không có nhiệm vụ tiếp theo giải phóng Quận 9 ở Thủ Thiêm.

Tóm lại, trong hai chiến dịch, cán bộ từ dưới đưa lên, không có tổ chức Đảng, quân số Đại đội 2 chỉ có 2 trung đội. Tiểu đoàn chỉ có 120 tay súng, mỗi chiến dịch hy sinh 3, bị thương 4 đồng chí.

CHIẾN ĐẤU TRONG ĐỘI HÌNH TIỂU ĐOÀN 4 ANH HÙNG

PHẠM THANH CƯỜNG⁽¹⁾

Sinh ra và lớn lên trên quê hương Đồng Khởi. Ngày 27-3-1963, tôi vào bộ đội. Đơn vị đầu tiên là Tiểu đoàn 263 Đồng Tháp, hoạt động chủ yếu ở khu vực Tiền Giang, Bến Tre; sau đó đơn vị chuyển về miền Đông, thành lập Trung đoàn 3 (Sư đoàn 9). Tháng 3-1965, tôi được đơn vị cử đi học khóa tiểu đội trưởng tại xã Tà Băng thuộc tỉnh Tây Ninh. Sau khi học xong cũng là lúc Tiểu đoàn 4 được thành lập, tôi được phân công về làm Tiểu đội trưởng Trung đội 2, Đại đội 2 (Tiểu đoàn 4) và huấn luyện đơn vị 3 tháng (lúc đó tôi mới 17 tuổi). Khi tập hợp Trung đội, nhìn vào hàng quân, toàn là những người lớn tuổi hơn mình, tôi rất lo ngại không biết anh em,

1 Còn có tên là Phạm Văn Hẫu. Nguyên cán bộ Tiểu đoàn 4.

chiến sĩ có chấp hành mình không? Tuy nhiên, qua thời gian học tập và huấn luyện, anh em chấp hành rất nghiêm kỷ luật quân đội, làm tôi cũng yên tâm phần nào.

Tháng 7-1965, được lệnh cấp trên, đơn vị hành quân về chiến trường Thủ Đức, anh em rất phấn khởi, mong về chiến trường để chiến đấu. Lệnh cấp trên, trên đường hành quân, mỗi đơn vị tự quản lý đùm bọc đơn vị mình mà không để có đồng chí rơi rớt lại trong thời gian hành quân. Sau nửa tháng hành quân, với tinh thần đêm nghỉ, ngày đi, trên vai nặng trang bị và súng đạn, đến đầu tháng 8-1965, đơn vị về đến Biên Hòa. Tôi còn nhớ, một hôm hành quân, đồng chí tổ trưởng tổ trung liên báo cáo với tôi không đi được nữa; tôi động viên đồng chí và mang vác luôn khẩu trung liên. Đến một đoạn khác, đồng chí mang đạn trung liên báo cáo không đi nổi, tôi lại giao khẩu trung liên cho đồng chí tổ trưởng tổ trung liên và mang luôn thùng đạn. Cứ như thế, khi về tới đất Biên Hòa, Tiểu đội 2 vẫn bảo đảm quân số đầy đủ. Về đến chiến trường Biên Hòa, đơn vị đóng quân, dưỡng quân, chờ lệnh di chuyển về chiến trường Thủ Đức.

Tháng 12-1965, Đại đội 2 được lệnh về chiến trường Thủ Đức, nên yêu cầu trang bị quần áo phải

gọn nhẹ, toàn thể cán bộ, chiến sĩ đều phấn khởi và háo hức được chiến đấu. Đơn vị hành quân qua sông Đồng Nai về xã Long Trường (huyện Thủ Đức). Ngày 6-12-1965, địch càn vào ngay đội hình đóng quân của đơn vị tại vườn cau bên kia cầu Nước Đục (gọi là vườn cau Bà Tư Nay). Địch từ ngoài đồng lủi ngay vào đội hình, ta không né được buộc phải nổ súng. Khoảng 3 giờ chiều ngày 6-12-1965, ta chống càn với một tiểu đoàn địch. Địch không vào được vùng pháo binh, chúng cho máy bay trực thăng ném bom vào đội hình ta, Tiểu đội tôi hi sinh 1 đồng chí; tôi bị thương mắt phải, đến 6 giờ tối 6-12-1965, đơn vị tìm gặp tôi và đưa về quân y. Sau một thời gian điều trị, lành bệnh, tôi lại trở về đơn vị, tiếp tục chiến đấu.

Năm 1968, trong tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, Tiểu đoàn 4 được phân công đánh chiếm cầu Sài Gòn cùng đội biệt động Thủ Đức và bắt liên lạc với các đồng chí đánh Đài phát thanh. Sau 20 phút chiến đấu, Tiểu đoàn chiếm được cầu Sài Gòn, hướng Thủ Đức vào. Tiểu đoàn chia 2 mũi, cùng đội biệt động tiến qua cầu; đến giữa cầu, địch cho kết hợp lực lượng hải quân có xe tăng bắn ác liệt, ngăn không cho lực lượng ta tiến qua cầu, ta hi sinh 1 đồng chí. Địch bắn trong lòng cầu, tôi men theo lan can cầu để né đạn, địch bắn gãy lan can,

tôi rơi cả người, súng đạn xuống cầu. Khoảng 4 giờ, khi êm tiếng súng, tôi gặp hai đồng chí nữa cùng nhau bò ra khỏi trụ cầu, tiến về một ngôi nhà gần đó. Thấy trước nhà có chiếc xuồng, nên vào nhà để mượn xuồng qua sông. Khi vào nhà, thấy hai ông bà già, tôi nói: “Tụi cháu là Quân giải phóng, đánh vào Sài Gòn, bây giờ xin bác cho mượn xuồng để qua sông”. Ông già không nghe rõ, bà nói lại, vì ông lãng tai. Khi nghe được, ông nói: “Lấy đi và cột ở bên đó”. Ông đưa một cây dầm và nói với bà: “Lấy cho anh em nó hai đòn bánh tét”. Anh em tôi qua sông, lòng ngậm ngùi xúc động. Tình quân dân càng tăng thêm lòng chiến đấu vì độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc.

Chiến dịch Hồ Chí Minh, Tiểu đoàn 4 được củng cố lại để tham gia chiến dịch. Ngày 27-4-1975, Tiểu đoàn 4 tập hợp tại Đồng Miếu, thuộc xã An Phú huyện Thủ Đức, lấy Đại đội 9 và K85 Đại đội 116 tăng cường bộ đội địa phương Thủ Đức. Thời gian tập hợp biên chế không đầy 3 tiếng đồng hồ, tôi được phân công làm Tham mưu trưởng Tiểu đoàn, cùng Ban Chỉ huy Tiểu đoàn chỉ huy đánh cầu Sài Gòn. 12 giờ đêm 27-4-1975, đơn vị đánh cầu Rạch Chiếc nổ súng, Tiểu đoàn còn ở tại Đồng Miếu chờ K85. Súng cầu Rạch Chiếc nổ vang, Ban

Chỉ huy Tiểu đoàn quyết định tiến công cầu Sài Gòn, cử 1 đồng chí trong Ban Chỉ huy chờ K85.

Lệnh hành quân chiến đấu vừa đến gần cầu Sài Gòn, đơn vị chia làm 2 mũi nổ súng tiến công. Khoảng 20 phút, ta chiếm toàn bộ phía đông đầu cầu Sài Gòn, hoàn thành nhiệm vụ giữ cầu Sài Gòn, tạo điều kiện thuận lợi cho đại quân tiến vào giải phóng Sài Gòn. Sau giải phóng, tôi được chuyển qua làm Tiểu đoàn phó, Tiểu đoàn 2 cảnh sát bảo vệ.

40 năm đã trôi qua, nay ngồi viết lại những dòng hồi ức này, lòng tôi vô cùng thương tiếc cho những gia đình có những người con ở ba miền đất nước, vì cuộc sống mai sau, đã cầm dao, ôm súng, chiến đấu và hi sinh thân mình, cùng toàn Đảng, toàn quân và toàn dân giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Xin gửi ngàn lời cảm ơn nhân dân huyện Thủ Đức đã che chở đùm bọc giúp cho Tiểu đoàn 4 suốt 10 năm bám trụ chiến trường, hoàn thành nhiệm vụ được cấp trên giao phó. Từ đó được Nhà nước phong tặng đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TỪ CÁN BỘ XÃ ĐỘI ĐẾN NGƯỜI LÍNH TIỂU ĐOÀN 4 ANH HÙNG



HUỲNH VĂN CÂY

Nguyên cán bộ trung đội Tiểu đoàn 4

Tôi sinh ra và lớn lên trong một gia đình làm nông. Năm 1960, tôi được cán bộ địa phương nói chuyện, phân tích rõ về đường lối đấu tranh cách mạng của Đảng, cũng như âm mưu, tội ác của đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm. Sau khi nghe phân tích, tôi thấy được, liền theo cách mạng và vận động một số thanh niên theo cùng.

Khi Đồng Khởi nổ ra, tại địa phương, lực lượng cách mạng phát loa kêu gọi nhân dân đồng loạt đứng dậy. Nhiều người được tập hợp, cầm súng giả bằng bắp dừa, gậy tầm vông vạt nhọn; còn tôi thì vận động anh em binh sĩ đào bỏ ngũ trở về với ta. Kết quả một số binh sĩ đã về, gồm: hai vợ chồng anh Thiệp, anh Việt, anh Bảy Hát, anh Bảy Giao, anh Tư Rớ...

Tháng 9-1961, lúc này tôi trở thành du kích mật. Tôi nắm tình hình đi đứng của địch, đến khi có kết quả tôi dẫn lực lượng về đánh một trận cấp trung đội ở Lò Lu, sau đó địch vẫn ngoan cố, kêu gọi hàng trăm dân vào ấp chiến lược. Ta phát loa kêu gọi toàn dân không vào “địa ngục trần gian”, chúng cầm tù nhân dân ta, nhưng quần chúng nhân dân kiên quyết phá kềm và diệt ác.

Tháng 1-1962, tôi thoát ly, địch đưa Tiểu đoàn bảo an đoàn, đơn vị 301 biệt động quân và binh

định nông thôn áo đen về đóng tại Long Trường. Trong khi đó, lực lượng cách mạng tại xã chỉ có 3 đến 6 đồng chí thay phiên bám rề. Sau khi được tăng cường lực lượng bộ đội địa phương huyện mạnh lên, thường xuyên tổ chức trấn áp địch làm chúng mất ăn mất ngủ.

Tháng 1-1963, địch chốt mỗi ấp 1 trung đội, có khi 2 trung đội, cộng thêm các chốt bên ngoài và một chốt ở Chợ Cống; còn chúng ở trong các chùa, đình cấp đại đội.

Trước tình hình đó, chủ trương của trên là: phải tổ chức diệt ác, phá kềm; phải bám ấp chiến lược; giải phóng mấy chốt thì nhân dân mới làm ăn được. Thực hiện chủ trương trên, được tăng cường lực lượng của trên, tháng 8-1963, du kích xã đã tiến công tiêu diệt 1 bót ở ngã ba Lò Lu là chợ Cống Cả, ta tịch thu toàn bộ vũ khí.

Tháng 9-1963, ta giải phóng ấp chiến lược Phước Hiệp, phát loa kêu gọi binh sĩ phải rút quân khỏi ấp chiến lược. Ta gài mìn DH5 và trái trên khu vực đường về Phước Hiệp. Một lực lượng ở ấp nổ súng uy hiếp, buộc chúng phải chạy theo ta chỉ định, cuối cùng ta dụ địch vào đúng địa điểm theo ý đồ của ta, kết quả ta bắt 2 tên, thu vũ khí và một

số tài liệu khác. Địch phải bỏ luôn ấp chiến lược, sau trận đánh này tôi được cử làm Xã đội trưởng.

Tháng 4-1965, tôi được rút về trên xây dựng Tiểu đoàn 4 ở Lò Gò - Xóm Giữa (Tây Ninh).

Tháng 8-1965, đơn vị trở về địa phương. Tôi được cử làm trung đội phó, tham gia chống càn cùng lực lượng vũ trang địa phương. Tháng 12-1965, nhân dịp lễ Noel, ta kêu gọi ngừng bắn 3 ngày để đồng bào đón Noel. Ta phát loa quy định cụ thể nếu lính ra khỏi đồn về nhà thì không được mang vũ khí. Tất cả binh sĩ đều chấp hành tốt, còn tên đại úy không chấp hành bị ta tiêu diệt. Ngày hôm sau chúng rút hết, ta thắng lợi hoàn toàn.

II. NHỮNG ĐỊA CHỈ ĐỎ



Bà NGÔ THỊ BA

(Ngô Thị Tốt, má Hai Tốt)

Địa chỉ: 27/7 đường 182, Khu phố 3,
phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

Thời kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), bà Ngô Thị Ba tích cực giúp đỡ cách mạng. Trong giai đoạn đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bà thường xuyên giúp đỡ cán bộ, chiến sĩ thuộc Đại đội địa phương quân và Ban Kinh tế - Tài chính huyện Thủ Đức. Từ khi Tiểu đoàn 4 ra đời, bám trụ hoạt động và chiến đấu trên chiến trường

Thủ Đức, bà liên tục giúp đỡ kinh tế cho Tiểu đoàn và du kích địa phương. Bản thân bà Ngô Thị Ba là giao liên cho Huyện ủy, em ruột của bà là ông Tư Hơn và hai con gái của bà đều là cơ sở cách mạng.

Trong một lần, một cán bộ của Tiểu đoàn 4 bị thương, địch đổ quân xuống gò Chuông Tre, chặn đường về quân y. Con gái lớn của bà là Dương Thị Huệ đã dùng xuống để cán bộ bị thương nằm đẩy qua ngọn rạch sau nhà - cách bót chợ Nhỏ 200m. Suốt 15 ngày, ở tại nhà, Dương Thị Huệ đã tự tay chăm sóc, chữa trị vết thương cho cán bộ Tiểu đoàn. Trong cuộc tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968), con gái của bà là Ngô Thị Tiến (Hai Bông), một cơ sở biệt động, tham gia vận chuyển vũ khí từ Củ Chi về Thủ Đức cho Tiểu đoàn 4 và Biệt động Thủ Đức chiến đấu.

Hơn 10 năm bám trụ ở chiến trường Thủ Đức, Tiểu đoàn 4 luôn được sự giúp đỡ từ bà và gia đình. Ngoài ra bà còn tích cực móc nối các gia đình trong địa bàn để làm cơ sở cho Tiểu đoàn 4.



Bà NGUYỄN THỊ TAI

(Bà Sáu Dừng, má Sáu)

Địa chỉ: 54/16 đường Quang Trung, Khu phố 5,
phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

Bà Nguyễn Thị Tai có ba con tham gia cách mạng, trong đó có hai người con hi sinh (Phan Văn Hoa, Phan Văn Dũng), một người con bị thương nặng (Phan Văn Trương, thương binh $\frac{1}{4}$). Trong quá trình hoạt động, tiếp tế cho cách mạng, bản thân bà cũng bị địch bắt giam. Khi được trả về bà vẫn tiếp tục hoạt động cơ sở cho Tiểu đoàn 4 và tham gia du kích địa phương.

Gia đình bà là cơ sở cách mạng tại địa phương, cán bộ chiến sĩ Tiểu đoàn 4 thường xuyên được bà Nguyễn Thị Tai giúp đỡ, tiếp tế gạo và thuốc men phục vụ cứu thương. Bà Nguyễn Thị Tai mất năm 2003.

Với những thành tích và hi sinh to lớn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ngày 26-7-2015, bà Nguyễn Thị Tai được Đảng và Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam anh hùng.



Bà HUỲNH THỊ TƯ
(Má Tư Tặng)

Địa chỉ: 135/3 Tổ 8, Đường số 14, Khu phố 1,
phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

Bà Huỳnh Thị Tư có sáu người con tham gia cách mạng (hai con trai và bốn con rể), hy sinh bốn người (hai con trai: Võ Văn Bay, Võ Văn Nhân; hai con rể: Nguyễn Văn Ngạn, Võ Văn Bạch).

Gia đình bà là cơ sở cách mạng, thường xuyên nuôi giấu cán bộ, nhất là cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 4. Liên tục trong 10 năm cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 4 đã được bà Huỳnh Thị Tư tiếp tế lương thực, thực phẩm, thuốc

men và nuôi giấu cán bộ để bám trụ tại địa bàn, chiến đấu cho đến ngày giải phóng.

Với những thành tích và hi sinh to lớn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ngày 20-7-2014, bà Huỳnh Thị Tư được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam anh hùng.



Bà NGÔ THỊ NĂNG
(Năm Tiến)

Địa chỉ: 17/7 đường Tân Lập A, Khu phố 4,
phường Bình Trưng, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

Từ năm 1968 đến 1975, bà Ngô Thị Năng chăn nuôi vịt ở ngoài bưng. Hằng ngày, bà tiếp tế lương thực cho Tiểu đoàn 4 và cán bộ cách mạng địa phương bằng cách đội một thùng ngụy trang trên lúa dưới gạo, có hôm có cả thuốc tây. Ngoài ra, bà còn đào hầm bí mật ngay trong nhà để nuôi giấu cán bộ. Khi bị bắt, mặc dù bị địch tra hỏi nhưng bà

kiên quyết không khai báo; cán bộ ta an toàn chuyển đi cơ sở khác. Trong thời gian bà bị địch giam cầm, người con gái thứ hai thay bà tiếp tục tiếp tế lương thực, thực phẩm và thuốc men cho cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 4 và cán bộ, bộ đội địa phương.

Trong quá trình hoạt động, làm cơ sở cách mạng, bà Ngô Thị Năng bị địch bắt tù ba lần. Khi địch thả về, bà tiếp tục hoạt động giúp đỡ cách mạng, là cơ sở địa phương, du kích xã và của Tiểu đoàn 4 cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng.



Ông HUỖNH VĂN RẰNG

(Ông Hai Nị)

Địa chỉ: 247 đường Lã Xuân Oai, Khu phố 4,
phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

Ông Huỳnh Văn Rằng có hai con tham gia cách mạng và hi sinh (Huỳnh Văn Dòn, Huỳnh Văn Ba - tự Ba Minh).

Ông bị địch bắt và giam tù nhiều lần, khi địch thả về, ông tiếp tục hoạt động giúp đỡ cách mạng, tiếp tế lương thực, thực phẩm và thuốc men cho Tiểu đoàn 4 và Huyện đội Thủ Đức. Tại địa phương, ông luôn

tích cực vận động nhân dân đóng góp tài chính ủng hộ cách mạng.

Ông làm nghề nuôi vịt, mỗi ngày khi mang lúa cho vịt ăn, ông đều ngụy trang ở trên lúa, ở dưới gạo đủ để cho hơn 10 người Tiểu đoàn 4 và bộ phận của Huyện đội Thủ Đức dùng.

Một lần, trong lúc ông Huỳnh Văn Rằng mang theo 2 gô cơm ra bưng để nuôi cán bộ xã bị thương; bị địch phát hiện và tra hỏi, ông trả lời “Tôi đi coi vịt suốt ngày, phải ăn hai lần”; đui lý địch buộc phải để cho ông đi.

Sau ngày giải phóng, Nhạc sĩ Phó Văn An đã sáng tác bài hát “Gô cơm nghĩa tình”, để ca ngợi những đóng góp, cống hiến của ông Hai Nị đối với cách mạng, trong đó có cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 4.



Bà LÊ THỊ NGỌC

(Năm Lớn)

Địa chỉ: 103 đường số 2, Khu phố 4,
phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

Là vợ của đồng chí Phạm Minh Dũng - Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 4.

Bà Lê Thị Ngọc là một cơ sở cách mạng của Tiểu đoàn 4 trong kháng chiến chống Mỹ. Trong quá trình hoạt động, công tác, bà Lê Thị Ngọc bị địch bắt ở tù ba lần. Khi địch thả về bà vẫn tiếp tục công tác, thường xuyên tiếp tế lương thực - thực phẩm

(dầu hôi, gạo...) và thuốc men cho Tiểu đoàn 4 và cán bộ địa phương. Nhất là trong thời gian mất liên lạc với Phân khu đầu năm 1969, Tiểu đoàn 4 gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp tế lương thực thực phẩm và vũ khí. Tiểu đoàn 4 luôn thường xuyên nhận được sự giúp sức của bà Ngọc và các mẹ, các chị khác. Ngoài ra, các đồng chí trong Tiểu đoàn 4 còn được các mẹ, các chị chia nhau bí mật chu cấp, nuôi dưỡng trong thời gian này. Khi chồng của bà Ngọc bị thương nằm dưỡng thương ở vùng Bưng Sáu Xã, bà không đưa ông đi quân y chữa trị mà tự tay chăm sóc cho đến khi ông lành bệnh. Hiện nay, bà Lê Thị Ngọc được hưởng ưu đãi theo chế độ người có công với cách mạng (diện tù đầy).



Bà NGUYỄN THỊ HỒNG và Bà NGUYỄN THỊ LIỄU

Địa chỉ:

- Bà Nguyễn Thị Hồng: 1333, khu phố Phước Lai, đường Nguyễn Duy Trinh, phường Long Trường, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh
- Bà Nguyễn Thị Liễu: 7/40 Tổ 3, khu phố Phước Lai, đường Nguyễn Duy Trinh, phường Long Trường, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

Bà Nguyễn Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Liễu là cơ sở của Tiểu đoàn 4 và là người bám giữ đường 33, đoạn gần bót Tam Đa, để giao liên qua lại an toàn, không bị địch phục kích. Hai bà Hồng và bà Liễu đã hết lòng giúp đỡ cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 4 vượt qua mọi khó khăn, góp phần đảm bảo an toàn thông tin liên lạc thông suốt của các cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn cũng như không để địch phát hiện mạng lưới giao bưu trong suốt thời gian Tiểu đoàn bám trụ và chiến đấu tại địa bàn vùng này cho đến ngày giải phóng 30-4-1975.



Bà HUỲNH THỊ LỆ

Địa chỉ: xã Phú Hội, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Bà Huỳnh Thị Lệ là vợ của đồng chí Phong - y sĩ của Tiểu đoàn 4. Bà có hai anh tham gia cách mạng và đã hi sinh.

Trong thời gian Tiểu đoàn 4 bám trụ địa bàn hoạt động và chiến đấu, bà Huỳnh Thị Lệ thường xuyên vượt sông Đồng Nai để tiếp tế gạo cho Đại đội 4 của Tiểu đoàn 4. Ngoài ra, bà còn thường xuyên mua thuốc tây tiếp tế cho quân y Tiểu đoàn 4; có lúc, để tránh địch phát hiện, bà phải lên Sài Gòn để mua thuốc về bí mật cung cấp cho quân y Tiểu đoàn.



Bà NGUYỄN THỊ THU VÂN

Địa chỉ: 835/45 đường Nguyễn Duy Trinh,
phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

Bà Nguyễn Thị Thu Vân là vợ của đồng chí Nguyễn Đình Chiến - Đại đội trưởng Đại đội 1 Tiểu đoàn 4, là con của má Ngô Thị Năng. Bà là cơ sở của Tiểu đoàn và địa phương liên tục từ năm 1965 đến ngày đất nước thống nhất. Bà bị địch bắt giam cầm hai lần. Khi địch thả về, bà vẫn tiếp tục hoạt động tiếp tế lương thực, thực phẩm và thuốc men cho cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 4 và cán bộ, lực lượng vũ trang huyện Thủ Đức.



Bà DƯƠNG THỊ NHỨT

Địa chỉ: A8/8 tổ 5, Khu phố 2, phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9,
Thành phố Hồ Chí Minh

Bà Dương Thị Nhứt là vợ của Anh hùng Lực lượng Vũ trang Bùi Văn Mới. Bản thân bà là cơ sở của Tiểu đoàn 4 và bộ đội địa phương. Liên tục trong 10 năm 1965 - 1975, bà đã tích cực hoạt động tiếp tế lương thực, thực phẩm và thuốc men cho cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 4 và địa phương, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho Tiểu đoàn 4 và các lực lượng địa phương bám trụ chiến đấu đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng.



Bà NGUYỄN THỊ DỰ

Địa chỉ: Khu phố 4, phường Phước Long B, Quận 9,
Thành phố Hồ Chí Minh

Bà Nguyễn Thị Dự là vợ của đồng chí Huỳnh Văn Lập, Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 4. Liên tục trong 10 năm 1965 - 1975, Bà đã tích cực hoạt động tiếp tế lương thực, thực phẩm và thuốc men cho cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 4 và địa phương. Trong quá trình hoạt động, bà bị địch bắt giam hai lần. Khi địch thả về, bà tiếp tục hoạt động, ngay cả khi mới sinh con (2 tháng) bà vẫn tích cực tiếp tế cho Tiểu đoàn 4 và các lực lượng cách mạng ở địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho Tiểu đoàn 4 và các lực lượng địa phương bám trụ chiến đấu và chiến thắng.



Bà HUỲNH THỊ TÚY (Năm Tý)

Địa chỉ: 35/30 đường Lê Xuân Oai, Khu phố 7,
phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

Bà Huỳnh Thị Túy là vợ của đồng chí Đặng Minh Tiến (Tám Tiến) - cán bộ Tiểu đoàn 4. Liên tục trong 10 năm 1965 - 1975, bà Huỳnh Thị Túy là cơ sở của Tiểu đoàn 4 và các lực lượng cách mạng ở địa phương. Quá trình hoạt động, bà đã tích cực tiếp tế lương thực, thực phẩm và thuốc men cho cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 4 và địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho Tiểu đoàn 4 và các lực lượng địa phương bám trụ chiến đấu đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng.



Bà BÙI THỊ PHẤN (Má Năm)

Địa chỉ: 24 đường 13, khu phố Phước Lai,
phường Trường Thạnh, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

Bà Bùi Thị Phấn có 3 con tham gia cách mạng, gồm: Dương Thanh Xuân (hi sinh), Dương Văn Tý (bị thương) và con dâu Trương Thị Chích.

Bà cùng với con gái và anh hai của bà là cơ sở cách mạng; thường xuyên tiếp tế lương thực, thực phẩm và thuốc tây cho Tiểu đoàn 4 và cán bộ, du kích xã. Khi địch gom dân lập ấp chiến lược, gia đình bà đã kiên quyết không vào ấp. Suốt 10 năm bám trụ hoạt động

và chiến đấu tại địa bàn Thủ Đức, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 4 liên tục được sự giúp đỡ và che chở của gia đình bà, qua đó khắc phục được khó khăn bám địa bàn chiến đấu và chiến thắng.



Bà TRƯƠNG THỊ KHINH

Địa chỉ: 1/7 đường Lã Xuân Oai, khu phố Phước Hiệp,
phường Long Trường, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

Bà Trương Thị Khinh là Mẹ Việt Nam Anh hùng. Bà có bốn người con tham gia cách mạng. Trong đó có ba con hi sinh (Huỳnh Văn Bi, Huỳnh Văn Hồ, Huỳnh Văn Liên) và con gái của bà là Huỳnh Thị Châu cũng được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, bà là cơ sở cách mạng nuôi giấu cán bộ chiến sĩ Đại đội Trần Phú.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, bà là cơ sở cách mạng nuôi giấu cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 4 và cán bộ, du kích địa phương, chiến đấu và giành thắng lợi.



Bà NGUYỄN THỊ TƯ (Tư Ổi)

Địa chỉ: Số 1074/10, đường Nguyễn Duy Trinh, khu phố Ông Nhiêu, phường Long Trường, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

Bà Nguyễn Thị Tư có hai người con hi sinh. Bản thân bà là cơ sở cách mạng, trực tiếp tham gia tiếp tế lương thực, thực phẩm và thuốc men cung cấp cho Tiểu đoàn 4 và cán bộ, du kích địa phương bám trụ chiến đấu.

Trong quá trình hoạt động, bà bị địch bắt giam ba lần, khi địch thả về bà tiếp tục hoạt động tiếp tế cho Tiểu đoàn và lực lượng cách mạng của xã, tạo

điều kiện cho các lực lượng cách mạng trên địa bàn bám trụ, đánh địch giành thắng lợi cuối cùng.

Với những thành tích và hi sinh to lớn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 2014, bà Nguyễn Thị Tư được Đảng và Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam anh hùng.

III. TÓM TẮT TIỂU SỬ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VÀ CHIẾN SĨ THI ĐUA CỦA TIỂU ĐOÀN 4

Anh hùng TRƯỜNG VĂN HẢI

Sinh năm 1947 dân tộc Kinh, quê ở xã Tân Vạn, thị xã Biên Hoà, (nay là thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai); nhập ngũ tháng 2-1966; hy sinh ngày 18-3-1974. Khi hi sinh là Thiếu úy, đội trưởng Đội K17, Biệt động thành Sài Gòn - Gia Định; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.



Từ năm 1966 đến 1974, đồng chí Trương Văn Hải là cán bộ Đại đội 1 (Tiểu đoàn 4). Trưởng thành từ chiến sĩ lên cán bộ đại đội, đồng chí đã tham gia 30 trận đánh, chỉ huy đơn vị diệt nhiều sinh lực địch; có trận diệt gọn 1 trung đội. Riêng đồng chí Trương Văn Hải diệt 65 tên địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh. Trong trận đánh ngày 1-1-1973, đồng chí Trương Văn Hải chỉ huy 1 phân đội đánh vào trận địa pháo của địch ở Liên trường Thủ Đức, phá hủy 2 khẩu pháo, 1 dàn ra-đa, diệt 40 tên địch, (trong đó có 1 thiếu tá nguy). Ngày

10-1-1973, đồng chí Trương Văn Hải chỉ huy đại đội đánh vào trận địa pháo Liên trường Thủ Đức lần thứ hai, diệt 60 tên địch. Tháng 8-1973, địch cho 1 tiểu đoàn càn vào xã Tăng Nhơn Phú, mặc dù địch đông gấp nhiều lần, nhưng đồng chí Trương Văn Hải vẫn bình tĩnh chỉ huy đại đội dùng súng bộ binh, kết hợp với bố trí trận địa mìn, diệt hơn 30 tên địch, bẻ gãy cuộc càn, hạn chế được nhiều thiệt hại cho nhân dân Tăng Nhơn Phú. Ngày 18-3-1974, đồng chí Trương Văn Hải hi sinh anh dũng trong khi làm nhiệm vụ.

Sinh thời, đồng chí Trương Văn Hải là người có phẩm chất tốt đẹp, hết lòng thương yêu đồng đội. Có lần, mặc dù bản thân bị thương, vết thương nhiễm trùng, nhưng đồng chí vẫn cố dìu một đồng đội bị thương về tới căn cứ an toàn. Đồng chí Trương Văn Hải đã được tặng thưởng ba Huân chương Chiến công Giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba. Ngày 6-11-1978, đồng chí Trương Văn Hải được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân.

Anh hùng ĐẶNG TẤN TÀI (Ba Nam)

Sinh năm 1938 tại xã Tăng Nhơn Phú (nay là phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh) trong một gia đình bản nông, có truyền thống cách mạng.



Cha của đồng chí từng tham gia kháng chiến chống Pháp, được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhất.

Mẹ của đồng chí cũng tham gia cả hai thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, được tặng thưởng một Huy chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhì; một Huân chương chống Mỹ cứu nước hạng Ba.

Đồng chí Đặng Tấn Tài tham gia cách mạng từ năm 1957, bắt đầu bằng công tác thanh niên tại địa phương, tham gia đấu tranh chống bắt lính, rải truyền đơn chống khủng bố, đàn áp những người

kháng chiến, hỗ trợ lực lượng du kích mật hoạt động tiêu diệt bọn ác ôn, mật vụ, chỉ điểm... thời kỳ đầu chống Mỹ.

Những năm 1958 - 1959, đồng chí hoạt động hết sức gan dạ và táo bạo, gây cho địch nhiều tổn thất, nên bọn tề ngụy đã treo giải thưởng 3.000 đồng và 1 radio Sony nếu ai giết được “Tư Trích” (tức đồng chí Đặng Tấn Tài).

Năm 1960, đồng chí tham gia lực lượng vũ trang và là một trong bốn thành viên đầu tiên của lực lượng vũ trang huyện Thủ Đức thời chống Mỹ. Cũng trong năm này, đồng chí được kết nạp vào Đảng.

Từ lực lượng vũ trang huyện, đồng chí được chuyển sang bộ đội chính quy chiến đấu trong đội hình Tiểu đoàn 4 Thủ Đức. Quá trình chiến đấu và công tác, đồng chí đã kinh qua các chức vụ từ Trung đội trưởng, Đại đội trưởng đến Tiểu đoàn phó.

Đồng chí Đặng Tấn Tài chiến đấu ngoan cường và hy sinh anh dũng ngày 14-5-1968 tại xã Bình Trưng, huyện Thủ Đức (nay thuộc Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh).

Liệt sĩ Đặng Tấn Tài nhận bằng Tổ quốc ghi công số IS.629b theo quyết định số 901-TTg ngày 19-8-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 23-2-2010, đồng chí được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân.

Thành tích chiến đấu và công tác:

- Tháng 7-1960, Huyện ủy Thủ Đức quyết định thành lập đơn vị vũ trang đầu tiên thời chống Mỹ với phiên hiệu “Đại đội 5 Tiểu đoàn 500”. Đồng chí Đặng Tấn Tài vinh dự được chọn và là một trong bốn chiến sĩ trẻ đầu tiên của Đại đội này. Cũng từ đây đồng đội, đồng chí trìu mến gọi Đặng Tấn Tài là “Ba Nam” - cái tên do Đảng khai sinh cho anh.

- Những chiến công đầu tiên của Đại đội 5 mà trong đó có đồng chí Ba Nam bao gồm những trận đánh hỗ trợ cho phong trào Đồng Khởi tại Thủ Đức năm 1960 như trận Linh Xuân, trận Dĩ An, trận Hiệp Bình tiêu diệt bọn dân vệ, phá hủy trạm gác, thu nhiều súng các loại. Nhờ những thành tích trên, đồng chí Đặng Tấn Tài đã được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam ở tuổi 22.

- Năm 1962, đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (vũ khí và cố vấn Mỹ cộng với quân đội ngụy), chúng lấy “gom dân lập ấp chiến lược” làm quốc sách. Để đối phó, tháng 3-1962 Khu ủy Sài Gòn - Gia Định quyết định

Nam Thủ Đức thành lập một Trung đội bộ đội địa phương và đồng chí Đặng Tấn Tài (Ba Nam) được làm Trung đội trưởng.

- Từ năm 1962 đến hết năm 1964, dưới sự chỉ huy trực tiếp, mưu trí và dũng cảm của Trung đội trưởng Đặng Tấn Tài, Trung đội đã phối hợp với dân quân du kích các xã vùng bưng đánh địch càn quét, không cho chúng gom dân lập ấp chiến lược, cắt đứt nguồn tiếp tế, đánh phá cơ sở địch, gây cho chúng những tổn thất nặng nề. Cụ thể gồm các trận đánh điển hình như:

+ Tháng 1-1962: phá sập các cây cầu Trao Trảo, Gò Công, Ông Nhiêu, Cầu Sụp, diệt 5 tên địch. Phá ấp chiến lược ở Long Đại thuộc xã Long Phước tiêu diệt đội dân vệ, thu 10 súng.

+ Tháng 2-1962, đánh hai trận ác liệt: trận thứ nhất tại hai xã Phước Long và Tăng Nhơn Phú, ta tấn công địch, diệt và làm bị thương 20 tên, bắt sống 10 tên, thu 15 khẩu súng các loại. Trận thứ hai tại khu vực xã Tam Đa, ta diệt và làm bị thương 10 tên, bắn cháy 1 xe vận tải, thu 10 súng.

+ Tháng 3-1962, tại xã Long Trường, các đồng chí đã đánh sập 2/3 Nhà làng, diệt và làm bị thương 19 tên tề và lính đồn. Khi địch chi viện, ta

tiếp tục diệt và làm bị thương 11 tên, trong đó có 1 tên ác ôn.

+ Tháng 2-1963, ta tổ chức phục kích tại vàm Sông Tắc, đánh chìm 3 tàu tuần giang của nguy, làm cho 1 trung đội biệt kích đường sông chết và bị thương. Tháng 3-1963, bộ đội địa phương huyện phối hợp với du kích phục kích tại ấp Tam Đa trên đường 33, diệt 1 tiểu đội địch, thu 7 khẩu súng.

+ Tháng 3-1964, phối hợp với du kích xã Bình Trưng và nhân dân bao vây và tấn công bót Đường Trâu, diệt 2 tiểu đội bảo an và dân vệ, thu 15 súng, phá 1 ấp chiến lược. Tháng 5-1964, phối hợp với du kích xã Long Trường tấn công tiêu diệt bót Trường Lưu, diệt nhiều tên địch, thu toàn bộ vũ khí, phá tan ấp chiến lược Phước Hiệp.

+ Tháng 1-1965, tổ chức phục kích tại ngã ba Vàm Xuông, đánh chìm 2 tàu địch tại sông Kinh thuộc địa phận xã Phước Long, diệt 2 tiểu đội địch.

Năm 1965, đồng chí Đặng Tấn Tài được cử đi dự lớp huấn luyện quân sự đặc biệt và khi trở về đồng chí đảm nhiệm Trung đội trưởng Trung đội 1, Đại đội 1, Tiểu đoàn 4 (trong đội hình của Trung đoàn Giải phóng thủ đô mang phiên hiệu 165A).

Năm 1966, đồng chí được đề bạt giữ chức vụ Đại đội phó Đại đội 1.

Năm 1967, đồng chí được đề bạt làm Đại đội trưởng Đại đội 3.

Năm 1968, sau đợt 1 chiến dịch Mậu Thân, đồng chí được đề bạt giữ chức Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 4 Thủ Đức.

Đồng chí Ba Nam đã trực tiếp chiến đấu và chỉ huy chiến đấu ở nhiều cương vị khác nhau, đã cùng với tập thể Tiểu đoàn 4 lập nhiều chiến công xuất sắc, điển hình là những trận chiến đạt hiệu suất cao như:

+ Đêm 20-8-1965, đánh trận tập kích phủ đầu vào Tiểu đoàn 33 Biệt động quân ngự tại khu vực chợ Phước Lai xã Long Trường, diệt và làm bị thương nặng gần một đại đội quân địch.

+ Ngày 5-4-1966, tại Chợ Nhỏ, ta bất ngờ nổ súng tấn công, địch không kịp trở tay, quân ta diệt và làm bị thương 45 tên, thu toàn bộ vũ khí. Tiếp tục đánh một đơn vị cảnh sát dã chiến, diệt và làm bị thương một số tên, thu một số súng, rồi rút lui an toàn. Trong trận này đồng chí Ba Nam vừa chỉ huy chiến đấu vừa trực tiếp tiêu diệt một số tên địch, thu được 2 súng AR15 và đồng chí

được tặng thưởng Huân chương Chiến công Giải phóng hạng Ba.

+ Ngày 5-8-1966, tại ngã ba Gò Công, diệt 30 tên địch, thu 25 súng, đồng chí Ba Nam cũng được cấp trên tặng thưởng Huân chương Chiến công Giải phóng hạng Ba.

+ Tháng 9-1966, đánh hăng thầu RMK (cấp Xa lộ Sài Gòn) phá hủy 110 xe vận tải, bắt 1 sĩ quan công binh người Mỹ.

+ Tháng 3-1967, đánh tại ấp Trường Lưu, xã Long Trường, bắn cháy 4 xe M113, tiêu diệt và làm bị thương gần 100 tên lính Mỹ. Ngoài ra, Đại đội còn đánh tại xã Phước Long diệt 18 tên lính công binh, phá hủy 2 xe ủi, thu 11 khẩu súng. Đồng chí Ba Nam cũng được cấp trên tặng thưởng Huân chương Chiến công Giải phóng hạng Ba.

+ Tháng 4-1967, đánh tập kích một Trung đội biệt kích ngụy có cả cố vấn Mỹ tại xã Phước Long, tiêu diệt và làm bị thương khoảng 10 tên, thu 5 khẩu súng.

+ Tháng 1-1968 - đợt 1 chiến dịch Mậu Thân, đồng chí chỉ huy tiêu diệt 1 Đại đội địch tại cầu Sài Gòn. Bước vào đợt 2, trận đánh ác liệt ngày 14-5-1968 tại xã Bình Trưng, Tiểu đoàn phó Ba Nam đã

chỉ huy đánh lui 5 đợt tấn công đợt kích của địch, diệt và làm bị thương trên 100 tên, bắn rơi 3 trực thăng, bắn cháy 5 xe tăng và xe bọc thép. Trong đó, riêng đồng chí Đặng Tấn Tài (Ba Nam) bắn rơi 1 chiếc trực thăng và bắn cháy 1 xe tăng. Khi tiếp tục đối mặt với 1 xe tăng khác của địch, đồng chí đã trúng đạn và anh dũng hy sinh ngay tại trận địa.

Trận đánh lịch sử ngày 14-5-1968 đồng chí Đặng Tấn Tài - Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 4, người con của mảnh đất vùng bưng Nam Thủ Đức đã anh dũng hi sinh. Đồng chí ngã xuống trên quê hương, giữa trận địa nóng bỏng lửa khói bom đạn ở tuổi đời 30. Đồng chí Đặng Tấn Tài dũng cảm, ngoan cường, yêu nước nồng nàn, căm thù giặc sâu sắc; đồng chí đã thể hiện phẩm chất tốt đẹp của người chiến sĩ cách mạng, người đảng viên cộng sản, sẵn sàng hi sinh tính mạng vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước.

Anh hùng TRẦN VĂN CƯỜNG (Út Hòa)

Sinh năm 1936 tại xã Thới Tam Thôn, Hóc Môn (nay là xã Thới Tam Thôn, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh).



Năm 1961, đồng chí Trần Văn Cường tham gia du kích ở xã Thới Tam Thôn, cùng du kích hỗ trợ đồng bào hưởng ứng phong trào Đồng Khởi, canh gác, bí mật bảo vệ cán bộ của địa phương và cán bộ của Khu đi lại hoạt động trong vùng.

Tháng 5-1962, đồng chí chính thức gia nhập lực lượng vũ trang quân khu Sài Gòn - Gia Định và được đưa lên huấn luyện tại K19 của quân khu ở Củ Chi. Sau khi dự một lớp huấn luyện đặc biệt, cuối năm 1963, theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị quân sự đồng chí Trần Văn Cường được quân khu phân công về xây dựng Đội biệt động Thủ Đức. Ban Chỉ huy đội biệt động Thủ Đức gồm có đồng chí Trần Văn Cường làm Đội trưởng; đồng chí Huỳnh Văn Minh (Ba Minh) làm Chính trị viên, đồng chí Võ

Văn Hát làm Đội phó. Quân số ban đầu có khoảng 1 tiểu đội. Đồng chí Cường nhận trách nhiệm vừa xây dựng, vừa chiến đấu, vừa phát triển lực lượng.

Tháng 4-1964, Khu ủy Sài Gòn - Gia Định mở tiếp Hội nghị quân sự với sự tham gia của đông đảo cán Bộ Chỉ huy các đội biệt động. Hội nghị bàn và đề ra chủ trương đẩy mạnh xây dựng thực lực biệt động cả ở nội đô và ven đô. Hội nghị quân sự cũng cung cấp cho các đội biệt động một tài liệu hết sức quý giá, đó là bản “Hướng dẫn thiết kế và gia công mìn phòng mảng định hướng”. Xưởng quân giới Z26 của Miền đã sản xuất thử nghiệm loại mìn nói trên gọi là mìn ĐH (định hướng).

Lãnh hội chủ trương trên của Khu ủy, trở về Thủ Đức, đồng chí Trần Văn Cường nhanh chóng đào tạo, bồi dưỡng và phát triển lực lượng của Đội biệt động Thủ Đức lên 25 tay súng; đồng thời báo cáo ngay với Huyện ủy và Ban Chỉ huy Huyện đội xin phép để cùng với công xưởng của huyện sản xuất ra các loại mìn từ ĐH3, ĐH4... đến ĐH8, ĐH10. Kể từ đó, du kích các xã trong huyện được trang bị phổ biến là những loại mìn nhỏ ĐH3, ĐH5 với cuộn dây đánh mìn, khối pin điểm hỏa dùng cho các đội biệt động khi công đồn, thổi bay rào cản, phục kích đánh xe thiết giáp, xe quân sự, đánh tàu thủy và đánh xe

lửa chở binh lính và hàng quân sự. Giữa năm 1964, Đội biệt động của đồng chí Trần Văn Cưỡng góp phần rất tích cực trong việc sản xuất mìn ĐH và sử dụng chúng một cách hiệu quả, gây kinh hoàng cho kẻ thù “tạo nên bước chuyển mới về chiến thuật và hiệu quả trận đánh cho các đội biệt động”.

Tháng 8-1965, sau khi Tiểu đoàn 4 Thủ Đức về đứng chân ở vùng bưng Nam Thủ Đức, Đội biệt động Thủ Đức như được tiếp thêm sức mạnh. Từ đó luôn có sự phối hợp chặt chẽ, ăn ý giữa Tiểu đoàn 4 và Đội biệt động Thủ Đức trong các trận đánh trên chiến trường Nam Thủ Đức.

Sau khi chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” với quốc sách là gom dân lập ấp chiến lược bị thất bại về căn bản cuối năm 1964, đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ” với việc đổ quân ồ ạt vào Nam Việt Nam để “tìm diệt” và “bình định”, chiến trường Nam Thủ Đức trở nên ngày càng ác liệt hơn và đủ thứ lính, đủ thứ vũ khí, đủ loại bom đạn hòng “làm cỏ” vùng bưng vốn là mũi dao nhọn luôn rình rập sát nách Sài Gòn - đầu não của bộ máy chiến tranh xâm lược Mỹ.

Đội biệt động Thủ Đức cùng với Tiểu đoàn 4 và lực lượng du kích địa phương phải chiến đấu

và chiến thắng trên một địa bàn rất bất lợi về mặt quân sự, là sinh lầy với chằng chịt sông rạch, lau lách, di chuyển, ẩn nấp đều hết sức khó khăn. Vậy mà với tinh thần hy sinh anh dũng, ý chí kiên cường và lòng can đảm tuyệt vời, các đội viên Đội biệt động Thủ Đức của đồng chí Trần Văn Cường vẫn chiến đấu và chiến thắng. Với những thành tích nổi bật trong chiến đấu, đồng chí đã được Huyện ủy Thủ Đức kết nạp vào Đảng, trở thành đảng viên cộng sản.

Đội biệt động huyện Thủ Đức dưới sự chỉ huy của đồng chí Trần Văn Cường đã khẩn trương, chủ động cùng Đại đội 1 Tiểu đoàn 4 xây dựng hệ thống “căn” chằng chịt, có mìn bẫy, công sự bí mật, đường cơ động nội bộ giữa các phân đội theo thế trận liên hoàn từng khu vực để chi viện cho nhau. Hầm còn được gọi là “căn” dùng để trú ẩn và chiến đấu của lực lượng vũ trang vùng Bưng Sáu Xã nói chung và của Đội biệt động nói riêng, được đắp nổi trên mặt đất, mỗi “căn” dài từ 5 - 6m, rộng 3m, tường đất dày từ 1 - 1,2m, có từ 12 - 16 cột bằng thân cây dừa trái, các đà ngang trên nóc đặt sát nhau, phủ một lớp lá dừa nước, trên đắp một lớp đất dày 0,5 - 0,8m, trên cùng trồng cây, cỏ hòa hợp với địa hình tự nhiên, cuối cùng là buộc kết nối các tàu lá dừa nước xung quanh

lại với nhau để che kín căn hầm nhằm hạn chế sự dòm ngó phát hiện của máy bay địch. Hầm được xây dựng ở những vị trí gần với bến cất giấu xuống và có cây mọc để thuận tiện cho việc quan sát theo dõi địa hình xung quanh. Xuống ba lá (tam bản) là phương tiện đi lại và cơ động chiến đấu rất quan trọng của lực lượng vũ trang và Đội biệt động Nam Thủ Đức.

Bên cạnh việc gấp rút hoàn chỉnh thể đứng chân của đội biệt động quyết tâm bám trụ chiến trường, đồng chí Trần Văn Cưỡng còn đích thân lãnh nhận thêm một công việc cực kỳ quan trọng và nguy hiểm mà các đội biệt động nội thành gửi gắm niềm tin: đó là đưa các khối lượng lớn thuốc nổ 300kg - 500kg vào nội thành Sài Gòn theo một trục bí mật từ phía đông bắc vào nội đô, khi mà đường vận chuyển chính của Quân khu tạm thời bị gián đoạn, bằng khả năng tổ chức cơ sở nòng cốt mật đặc biệt tin cậy, tập trung và huy động được những phương tiện vận tải vận chuyển từ Nam Thủ Đức, liên tục trong nhiều năm liền, nhất là thời kỳ 1965 - 1968, đồng chí Trần Văn Cưỡng đã vận chuyển an toàn, có nhiều chuyến hàng vận chuyển một khối lượng lớn thuốc nổ vào cho lực lượng biệt động ở nội đô chiến đấu. Trong một lần như thế, đã xảy ra một sự kiện mà Đội biệt động Thủ Đức đã có đóng góp quyết định vào thành

công chung, đó là: Lúc 17 giờ ngày 19-1-1968, hai xe vận tải quân sự do Quân khu tổ chức đã khôn khéo vượt qua được các trạm kiểm soát của địch, khi về đến khu vực gần hãng dẹt Tô Châu, Liên Phương (nay là cụm công nghiệp Phước Long) Visyfasa (nay là khu dẹt Phước Long) thì gặp sự cố, buộc phải dỡ xuống một số lượng vũ khí (300 súng AK, hàng trăm lựu đạn). Trước tình huống bất ngờ ấy, Đội biệt động của Huyện do Trần Văn Cưỡng chỉ huy đã nhanh chóng huy động các cơ sở mật, phối hợp du kích và bộ đội Tiểu đoàn 4 vận động nhân dân giúp đỡ ghe, xuống ngay trong đêm bí mật chuyển hết số hàng ấy về căn cứ an toàn. Đồng chí Trần Văn Cưỡng được Quân khu khen thưởng vì đã năng động tổ chức cơ sở, giữ được bí mật hoàn toàn việc vận chuyển một số lượng vũ khí phục vụ cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968).

Cứ sau mỗi trận đánh, mỗi chuyến hàng được vận chuyển an toàn, khi họp rút kinh nghiệm đồng chí đều nhắc đi nhắc lại một đúc kết có tính nguyên tắc: “Cuộc chiến đấu giữa ta và địch ở thành phố và ven đô thực chất là cuộc đấu trí, đấu lực diễn ra từng phút từng giờ. Ai bí mật cao, tổ chức giỏi, kỷ luật nghiêm, nắm được dân, người đó thắng!”.

Trong giai đoạn 1965 - 1968, lực lượng vũ trang Thủ Đức hoạt động rất tích cực và hiệu quả, đã loại khỏi vòng chiến đấu trên 8.000 địch (3.000 lính Mỹ và 300 lính Đại Hàn); bắn cháy 80 xe tăng và xe bọc thép; bắn rơi 25 máy bay các loại; bắn chìm 18 tàu, đánh lật 22 đoàn xe lửa với hơn 200 toa xe chở vũ khí, xăng dầu và hàng hậu cần của địch... Đội biệt động do đồng chí Trần Văn Cưỡng chỉ huy đã góp phần to lớn vào những chiến công trên.

Cùng với Đại đội 1 của Tiểu đoàn 4, Đội biệt động do đồng chí Trần Văn Cưỡng chỉ huy đặc trách vùng 1 (theo 4 vùng của huyện tự phân chia), bám sát nam Xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa kéo đến bắc trục lộ 33. Đội biệt động Thủ Đức gắn bó chặt chẽ với Đại đội 1 cũng như đồng chí Trần Văn Cưỡng luôn hiệp đồng tác chiến hết sức ăn ý với đồng chí Phạm Ngọc Hà - Đại đội trưởng. Điển hình là trận hai đồng chí phối hợp với nhau, đồng chí Trần Văn Cưỡng lừa địch lọt vào trận địa phục kích của ta, để đồng chí Phạm Ngọc Hà tiêu diệt tên lính Mỹ cầm khẩu súng M79. Tháng 12-1966, Mỹ dùng tàu FOM và bobo đánh vào căn cứ Bún Dẫn Xây (cạnh ngã ba Tàu Chìm). Đội biệt động do đồng chí Trần Văn Cưỡng chỉ huy đánh trả, bắn chìm 2 tàu bobo, diệt một số lính Mỹ.

Đêm 14 rạng 15-2-1968, Đội biệt động do Trần Văn Cưỡng chỉ huy tham gia đánh chiếm cầu Xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa, cùng Đại đội 1 của Tiểu đoàn 4 do đồng chí Hai Bông - Đại đội trưởng chỉ huy. Trận chiến diễn ra ác liệt, đồng chí Hai Bông hi sinh, đồng chí Trần Văn Cưỡng được cấp trên cấp tốc chỉ định đảm nhiệm chức vụ Đại đội trưởng Đại đội 1 để chỉ huy bộ đội chiến đấu. Ngay sau khi loạt cuối của Trung đoàn 1 Thủ Đức vừa dứt, đồng chí Trần Văn Cưỡng dẫn đầu Đại đội vận động sang đầu cầu bên phía Sài Gòn, song gặp phải sự chống trả quyết liệt của xe tăng, xe bọc thép của địch từ Hàng Xanh kéo ra bắn trực diện vào đội hình tiến quân của Đại đội, pháo địch từ giang thuyền dưới sông Sài Gòn bắn lên, đạn địch từ trực thăng quần đảo trên đầu vãi xuống như mưa... đồng chí Trần Văn Cưỡng trúng đạn và hi sinh vào lúc 3 giờ sáng 15-2-1968.

Trận đánh lịch sử ngày 15-2-1968, Đại đội trưởng Trần Văn Cưỡng (Út Hòa) đã anh dũng hi sinh. Đồng chí ngã xuống trên cầu Sài Gòn ở tuổi 32.

Tham gia cách mạng từ năm 1961, đồng chí trưởng thành từ người chiến sĩ bộ binh rồi Đội trưởng Đội biệt động huyện, lên Đại đội trưởng một đại đội thuộc Tiểu đoàn 4. Trong tập thể lực lượng vũ trang, được Đảng giáo dục và đào luyện,

đồng chí đã không ngừng phấn đấu tự rèn luyện, nâng cao lập trường tư tưởng và quan điểm của giai cấp công nhân, giữ vững những phẩm chất tốt đẹp của “Anh bộ đội Cụ Hồ”, luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng. Đồng chí Trần Văn Cường được Đảng và Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân vì những công lao đóng góp và sự hi sinh cả bản thân mình cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.



Đồng chí PHẠM NGỌC HÀ

Sinh ra và lớn lên trên quê hương Quảng Bình. Khoảng năm 1961, 1962 đồng chí Phạm Ngọc Hà đi nghĩa vụ quân sự ở miền Bắc. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự đồng chí về quê làm nghề đánh cá mưu sinh. Trong một lần đi đánh cá trên biển, đồng chí gặp cơn bão lớn và bị đánh trôi dạt vào Nam, bị lính quân lực Việt Nam Cộng hòa bắt giam, ở tù hơn 1 năm. Sau khi được trả tự do, đồng chí làm nghề đập xích lô kiếm sống và tham gia hoạt động cách mạng.

Năm 1965, đồng chí Phạm Ngọc Hà nhập ngũ và được biên chế vào Đại đội 1/Tiểu đoàn 4, tham gia huấn luyện trong thời gian ngắn tại Tây Ninh. Tháng 8-1965, đồng chí Phạm Ngọc Hà cùng Tiểu đoàn 4 di chuyển xuống chiến trường Thủ Đức.

Là người từng tham gia nghĩa vụ quân sự khi còn ở miền Bắc, được huấn luyện bài bản nên đồng chí Phạm Ngọc Hà sử dụng các loại vũ khí

rất thành thạo, đặc biệt là khả năng sử dụng súng trung liên. Trong thời gian là cán bộ, chiến sĩ của Tiểu đoàn 4 đồng chí Phạm Ngọc Hà đã anh dũng chiến đấu và lập nhiều chiến công vang dội. Chiến công đầu tiên của đồng chí là trận chống càn của địch vào chiến trường vùng Bưng Sáu Xã khu vực Long Trường. Đầu năm 1966 địch bố trí một lực lượng lớn tổ chức trận càn vào khu vực Long Trường, một mình đồng chí đã dùng súng trung liên chống trả trận càn của địch, tiêu diệt được nhiều tên, đánh lui trận càn, khiến chúng không thể thực hiện được mục đích tiêu diệt lực lượng của Tiểu đoàn 4 ở Long Trường. Sau chiến công này, đồng chí được giao nhiệm vụ làm Tổ trưởng Tổ Trung liên. Chiến công thứ hai là trận đánh địch ở ngã ba Phước Lai do đồng chí trực tiếp chỉ huy 1 tiểu đội. Trận này, tiểu đội của đồng chí Phạm Ngọc Hà đã tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, có tiếng vang lớn về mặt chính trị. Sau trận này, đồng chí Phạm Ngọc Hà được phong làm Tiểu đội phó (trong thời gian chưa đầy 2 tháng kể từ khi ra nhập Tiểu đoàn 4). Chiến công lớn thứ ba là trận đánh địch ở cầu Ông Nhiêu (Long Trường). Tại cầu Ông Nhiêu, địch bố trí 1 tua (12 tên) ngày đêm canh giữ cầu. Được giao nhiệm vụ, đồng chí Phạm

Ngọc Hà đã chỉ huy lực lượng dùng B40 tiêu diệt toàn bộ lực lượng giữ cầu, tạo điều kiện cho lực lượng Tiểu đoàn 4 vào đánh sập cầu Ông Nhiêu. Sau chiến công này, đồng chí được phong làm Tiểu đội trưởng. Trong năm 1966, tiểu đội do đồng chí chỉ huy đánh đâu thắng đấy, nhiều lần bị địch phục kích nhưng đồng chí đã mưu trí, dũng cảm thoát khỏi ổ phục kích và tiêu diệt nhiều tên địch. Trong trận phục kích địch ở Phước Long (nay gần Nhà máy xi măng Hà Tiên), đồng chí cùng Đại đội phó Tiểu đoàn 4 phối hợp với lực lượng biệt động của Tiểu đoàn phục kích tiêu diệt toàn bộ 1 tiểu đội địch, thu toàn bộ vũ khí. Trong trận đánh vào hăng RMK cuối năm 1966, đồng chí trực tiếp diệt 9 xe của địch, bắt tên cố vấn chỉ huy quân sự Mỹ.

Đầu năm 1967, địch đưa 1 đại đội cảnh sát dã chiến về đóng ở khu đất trống khu vực Trường võ bị sĩ quan Thủ Đức. Được trình sát báo lại địch có nhiều sơ hở và chủ quan; xin ý kiến và được lãnh đạo Tiểu đoàn đồng ý, đồng chí đã chỉ huy lực lượng tập kích tiêu diệt nhiều tên địch, thu nhiều vũ khí. Riêng đồng chí Phạm Ngọc Hà tiêu diệt 2 tên địch, lấy được 4 khẩu súng.

Tại Đại hội thi đua toàn miền năm 1967, đồng chí Phạm Ngọc Hà được bầu chọn khen thưởng Chiến sĩ thi đua toàn miền.

Trong đợt 1 Tết Mậu Thân (1968), đồng chí Phạm Ngọc Hà (lúc này là Đại đội phó Đại đội 1) được giao nhiệm vụ chỉ huy lực lượng vượt cầu Sài Gòn tiến vào đánh địch trong nội thành. Lực lượng do đồng chí chỉ huy đã vượt được qua cầu Sài Gòn nhưng bị xe tăng địch từ Hàng Xanh đánh bật trở lại. Đồng chí và đồng đội đã anh dũng chiến đấu và rút lui an toàn. Trận này, đồng chí đã bắn cháy 2 xe tăng địch. Đến đợt 2 Mậu Thân 1968, đồng chí được trên quyết định rút về bổ sung cho Trung đoàn 4, Quân khu 7.

Trong khoảng gần 3 năm tham gia chiến đấu trong đội hình Tiểu đoàn 4, đồng chí Phạm Ngọc Hà tham gia và trực tiếp chỉ huy nhiều trận đánh lớn nhỏ, tiêu diệt khoảng 35 tên địch, làm bị thương nhiều tên, bắt 1 cố vấn chỉ huy Mỹ, bắn cháy 3 xe tăng, hàng chục xe quân sự, thu nhiều vũ khí của địch.

*(Ghi theo lời kể của đồng chí Võ Nết
Nguyên Chính trị viên Tiểu đoàn 4)*

DANH SÁCH BAN CHỈ HUY TIỂU ĐOÀN 4 (1965 - 1975)

Giai đoạn 4-1965 đến 4-1968

Hà Quang Vinh	Tiểu đoàn trưởng
Phan Duy Năng	Chính trị viên
Chính Phương Nam	Tiểu đoàn phó, Tham mưu trưởng
Nguyễn Chí Sinh	Chính trị viên phó

Giai đoạn 5-1968 đến 12-1968

Mười Út	Tiểu đoàn trưởng
Mười Minh	Chính trị viên
Huỳnh Kia	Chính trị viên phó
Đặng Tấn Tài	Tiểu đoàn phó (tháng 5-1968 hi sinh)
Ngô Minh Thắng	Tiểu đoàn phó, Tham mưu trưởng

Giai đoạn 1-1969 đến 3-1969

Trần On	Tiểu đoàn trưởng
Sáu Dương	Chính trị viên
Huỳnh Kia	Chính trị viên phó

Sáu Rạng	Tiểu đoàn phó
Ngô Minh Thắng	Tiểu đoàn phó, Tham mưu trưởng
Huỳnh Văn Lập	Tiểu đoàn phó

Giai đoạn 4-1969 đến 1972

Trần On	Tiểu đoàn trưởng
Võ Nết	Chính trị viên
Ngô Minh Thắng	Tham mưu trưởng
Huỳnh Văn Lập	Tiểu đoàn phó (đến 1971 hi sinh)

Giai đoạn 4-1975 đến 5-1975

Huỳnh Kia	Tiểu đoàn trưởng
Nguyễn Văn Be	Chính trị viên
Võ Văn Hữu	Tiểu đoàn phó thứ nhất
Nguyễn Văn Trí	Tiểu đoàn phó thứ hai
Út Minh	Tiểu đoàn phó thứ ba
Võ Văn Trung	Chính trị viên phó

MỘT SỐ CÁN BỘ, CHIẾN SĨ TIỂU ĐOÀN 4 (1965 - 1975)



Đồng chí **TRẦN XUÂN TRÍ**

Bí thư Huyện ủy Thủ Đức

Quê quán: tỉnh Long An

Địa chỉ: 218 ấp Tân Thông,
xã Tân An Hội, huyện Củ Chi
Thành phố Hồ Chí Minh.



Đồng chí **VÕ NÉT**

Chính trị viên

(4-1969 - 1972)

Quê quán: tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ: 21 đường Lã Xuân Oai,
phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9,
Thành phố Hồ Chí Minh.



Đồng chí **HUỖNH KIA**

Tiểu đoàn trưởng

(4-1975 - 5-1975)

Quê quán: xã Long Trường,
huyện Thủ Đức
(nay là phường Long Trường, Quận 9)

Địa chỉ: 500 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh,
Khu phố 4, Phường 25, quận Bình Thạnh,
Thành phố Hồ Chí Minh.



Đồng chí **NGÔ MINH THẮNG**

Tham mưu trưởng

(1-1969 - 1972)

Quê quán: Củ Chi

Địa chỉ: 65 đường 574 ấp Xóm Mới, xã
Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi,
Thành phố Hồ Chí Minh.



Đồng chí **VÕ VĂN HỮU**

Tiểu đoàn phó thứ nhất

(4-1975 - 5-1975)

Quê quán: tỉnh Tây Ninh

Địa chỉ: 135/1 đường 14, Tổ 8, Khu phố 1,
phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9,
Thành phố Hồ Chí Minh.



Đồng chí **VŨ VĂN TRUNG**

Chính trị viên phó

(4-1975 - 5-1975)

Quê quán: Bến Tre

Địa chỉ: 21/5 đường Nguyễn Duy Trinh,
phường Bình Trưng, Quận 2,
Thành phố Hồ Chí Minh.



Đồng chí **MAI VĂN CHÚT**

Cán bộ Phân khu 4

Quê quán: Thủ Đức

Địa chỉ: 42/1 đường Đình Phong Phú,
Khu phố 2, phường Tăng Nhơn Phú B,
Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.



Đồng chí **PHẠM THANH HỒNG**

Cán bộ Tiểu đoàn 4

Quê quán: tỉnh Long An

Địa chỉ: 7/9 đường Hưng Đạo Vương,
Khu phố 1, phường Trung Dũng, thành
phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.



Đồng chí **PHẠM MINH DŨNG**

Cán bộ Tiểu đoàn 4

Quê quán: tỉnh Tiền Giang

Địa chỉ: 103 đường Đỗ Xuân Hợp, Khu phố 4, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.



Đồng chí **NGUYỄN ÚT XUÂN**

Đại đội trưởng

Quê quán: Củ Chi

Địa chỉ: 115 đường Tân Thành, Khu phố 11, Phường 15, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.



Đồng chí **ĐẶNG MINH TIẾN**

Đại đội trưởng

Quê quán: tỉnh Tiền Giang

Địa chỉ: 35/30 đường Lã Xuân Oai, Khu phố 7, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.



Đồng chí **NGUYỄN VĂN MINH**

Đại đội trưởng

Quê quán: tỉnh Tiền Giang

Địa chỉ: 727/64/7 đường Lê Hồng Phong, Khu phố 7, phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.



Đồng chí **NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN**

Đại đội phó

Quê quán: tỉnh Bến Tre

Địa chỉ: 835/45 đường Nguyễn Duy Trinh, phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.



Đồng chí **LÊ VĂN THỬ**

Đại đội trưởng

Quê quán: Thủ Đức

Địa chỉ: 47/8/7 tổ 3, Khu phố Bến Cát, phường Phước Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.



Đồng chí **TRẦN VĂN THẾ**

Đại đội phó

Quê quán: Củ Chi

Địa chỉ: ấp Bầu Trắng, xã Nhuận
Đức, huyện Củ Chi,
Thành phố Hồ Chí Minh.



Đồng chí **TRẦN VĂN ĐÔI**

Trung đội phó

Quê quán: Thủ Đức

Địa chỉ: 47 đường 14, phường
Phước Bình, Quận 9,
Thành phố Hồ Chí Minh.



Đồng chí **HUỖNH VĂN CÂY**

Cán bộ trung đội

Quê quán: xã Long Trường, huyện Thủ Đức (nay là phường Long Trường, Quận 9).

Địa chỉ: 211/1 Đặng Văn Bi, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.



Đồng chí **LÊ THỊ MAI LIÊN**

Nữ pháo binh của Tiểu đoàn

Quê quán: xã Phú Hữu, huyện Thủ Đức

Địa chỉ: 40/12 đường Bưng Ông Thoàn, Khu phố 2, phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mục lục

LỜI NÓI ĐẦU	9
-------------------	---

Mở đầu

CHIẾN TRƯỜNG NAM THỦ ĐỨC VÀ TÌNH HÌNH ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG TRƯỚC KHI TIỂU ĐOÀN 4 RA ĐỜI

I. Đặc điểm chiến trường của ngõ đông bắc Sài Gòn	13
II. Sự phát triển lực lượng vũ trang của địa phương cuối năm 1964.....	16

Chương Một
TIỂU ĐOÀN 4 RA ĐỜI, LÀM NÒNG CỐT
TRONG PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CHỐNG LẠI
CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH CỤC BỘ”
TẠI ĐỊA PHƯƠNG (1965 - 1968)

I. Tiểu đoàn 4 thành lập, chiến đấu đánh địch trong thời kỳ đầu chống “Chiến lược chiến tranh cục bộ” của Mỹ - ngụy (1965 - 1967)	19
1. “Kế hoạch X” và sự ra đời của Tiểu đoàn 4.....	20
2. Mỹ - ngụy triển khai chiến lược “Chiến tranh cục bộ”	27
3. Tiểu đoàn 4 tham gia chiến đấu chống lại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô của Mỹ - ngụy (1965 - 1967)	30
II. Tiểu đoàn 4 trong đội hình Trung đoàn 1, tham gia Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968	56
1. Đặc điểm tình hình và chủ trương của Đảng... ..	56
2. Tiểu đoàn 4 trong Tổng tiến công nổi dậy Tết Mậu Thân 1968	64

Chương Hai
TIỂU ĐOÀN 4 KIÊN TRÌ BẮM TRỤ,
CHIẾN ĐẤU CHỐNG LẠI ÂM MƯU
“BÌNH ĐỊNH CẤP TỐC” CỦA MỸ - NGỤY
(1969 - 1972)

- I. Tiểu đoàn 4 vượt qua khó khăn,
kiên trì bám trụ, đánh địch bảo vệ vững chắc
địa bàn và các cơ quan, kho tàng,
hậu cứ cách mạng (1969 - 1970)..... 79
1. Tình hình chiến trường đông bắc Sài Gòn
sau năm 1968..... 80
2. Tiểu đoàn 4 vượt qua khó khăn, dũng cảm,
sáng tạo đánh địch giữ vững địa bàn
và các cơ quan, kho tàng, hậu cứ cách mạng ... 86
- II. Tiểu đoàn 4 làm nòng cốt trong phong trào
đấu tranh chống phá chương trình “bình định”
và “tìm diệt” của Mỹ - ngụy (1970 - 1972) 89
1. Tiểu đoàn 4 bổ sung cán bộ, chiến sĩ
cho lực lượng vũ trang huyện Thủ Đức,
phối hợp cùng bộ đội huyện tổ chức lực lượng
đánh địch, bẻ gãy gọng kìm “bình định”
và “tìm diệt” trên địa bàn đảm nhiệm..... 89
2. Tiểu đoàn 4 trong cuộc tiến công
chiến lược năm 1972 97

Chương Ba
TIỂU ĐOÀN 4 HỖ TRỢ QUÂN CHÚNG ĐẤU
TRANH ĐÒI THI HÀNH HIỆP ĐỊNH PARIS
VÀ THAM GIA TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY
MÙA XUÂN 1975 (1973 - 1975)

I. Tiểu đoàn 4 hỗ trợ quân chúng đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định Paris và chống địch bình định lấn chiếm.....	101
1. Đặc điểm chiến trường miền Đông Nam Bộ sau Hiệp định Paris và chủ trương của Đảng trong đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định ..	102
2. Tiểu đoàn 4 bổ sung cán bộ, chiến sĩ cho lực lượng vũ trang huyện; hỗ trợ quần chúng đấu tranh chính trị đòi địch thi hành Hiệp định Paris; chiến đấu chống địch lấn chiếm, mở rộng vùng giải phóng, tạo thế và lực mới cho cách mạng tại địa phương (1973 - 1974)...	107
II. Tiểu đoàn 4 tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh, góp phần giải phóng miền Nam	110
1. Tình hình địch, ta và chủ trương của Đảng....	110
2. Tiểu đoàn 4 trong Chiến dịch Hồ Chí Minh ..	117
KẾT LUẬN	131

PHỤ LỤC

I. Hồi ức - hồi ký.....	139
II. Những địa chỉ đỏ	159
III. Tóm tắt tiểu sử Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân và chiến sĩ thi đua của Tiểu đoàn 4 .	185
Danh sách Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 4 (1965 - 1975)	210
Một số cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 4 (1965 - 1975)	212



LỊCH SỬ TIỂU ĐOÀN 4



ISBN 978-6 04-5 8-5497-6



9 786045 854976

SÁCH KHÔNG BÁN

www.sachweb.vn